

LSD

X018

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
CHI BỘ XÃ PHAN HIỆP - HUYỆN BẮC BÌNH

Phan Hiệp

**TRUYỀN THỐNG
ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG
1945 - 1975**

THÁNG 11 NĂM 2003

Tập này có ý kiến
đề bài tập giờ ý

PHAN HIỆP
TRUYỀN THỐNG ĐẤU TRANH
CÁCH MẠNG (1945 - 1975)

Chỉ đạo biên soạn:

CHI ỦY CHI BỘ XÃ PHAN HIỆP

Chịu trách nhiệm xuất bản:

DỤNG MINH THÀNH - Bí thư Chi bộ xã Phan Hiệp

Biên soạn:

CỬU VĂN THẮNG

Cùng tham gia:

BỐ XUÂN LONG - VĂN HIỆP - VŨ HỮU HUỲNH

Biên tập:

TRẦN MẠNH TƯỜNG - THIÊM QUÁN THƯ

Bìa:

LÊ MINH NGẪU

Trình bày, sửa bản in:

CỬU VĂN THẮNG

LỜI NÓI ĐẦU

Phan Hiệp, một xã mới được thành lập từ trong cuộc kháng chiến chống Pháp có nguồn gốc hợp thành từ nhiều làng xóm đồng bào Chăm bản địa, sinh sống lâu đời trên một khu vực thuộc trung tâm huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận.

Quá trình tồn tại và phát triển, cũng như nhân dân các xã bạn trong huyện, nhân dân xã Phan Hiệp không chịu nổi cảnh nô lệ, áp bức, bóc lột của phong kiến, thực dân và đế quốc, lại được Đảng Cộng sản Việt Nam giáo dục, giác ngộ và tổ chức, đã tham gia vào các hoạt động đấu tranh cách mạng, góp phần nhỏ bé của mình vào thắng lợi của công cuộc cách mạng chung cả huyện, tỉnh cũng như cả nước, giành độc lập, tự do, thống nhất tổ quốc và đi lên chủ nghĩa xã hội.

Chấp hành chủ trương của Tỉnh ủy Bình Thuận và Huyện ủy Bắc Bình, nhằm để ghi lại một phần công lao đấu tranh cách mạng của các thế hệ đi trước trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, xem đó như là giá trị tinh thần làm hành trang cho thế hệ nối tiếp kế thừa và phát huy, tạo thành động lực thúc đẩy thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ của sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa, phát triển địa phương giàu mạnh, cuộc sống nhân dân ấm no hạnh phúc; thời gian qua Chi ủy Chi bộ xã Phan Hiệp đã tổ chức thu thập tư liệu và biên soạn tập sách này. Đến nay công việc biên soạn đã hoàn thành, tập sách được phát hành ra mắt bạn đọc trong và ngoài xã.

Được như vậy là nhờ công sức của nhiều đồng chí, đồng bào đã từng tham gia công tác, chiến đấu trên địa bàn Phan Hiệp đã cung cấp nhiều tư liệu hết sức quý báu. Bên cạnh đó còn được sự chỉ đạo, đôn đốc, động viên giúp đỡ, góp ý của các đồng chí lãnh đạo huyện, tỉnh.

Tuy nhiên, chặng đường lịch sử thì dài, sự kiện diễn ra cho đến nay quá lâu, nhân chứng lịch sử còn lại thì ít, việc sưu tầm, thu thập tư liệu chưa thể đầy đủ, trình độ biên soạn chưa đáp ứng với yêu cầu đặt ra, cho nên tập sách không thể tránh khỏi sai sót. Do đó kính mong bạn đọc nhiệt tình đóng góp bổ sung thêm, để trong lần tái bản sau, tập sách sẽ được hoàn chỉnh cả về nội dung lẫn hình thức.

Chi ủy Chi bộ xã Phan Hiệp chân thành cảm ơn sự quan tâm chỉ đạo của Ban Thường vụ và Ban Tuyên giáo Huyện ủy Bắc Bình, Phòng lịch sử thuộc Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bình Thuận; cảm ơn các đồng chí cán bộ, quý đồng bào trong và ngoài xã là chứng nhân lịch sử đã từng tham gia chiến đấu, công tác và sinh sống trên địa bàn Phan Hiệp - Phan Lý đã tận tình trong việc cung cấp tư liệu lịch sử và đóng góp nhiều ý kiến quý báu trong quá trình từ khi biên soạn đến khi phát hành tập sách này.

Xin cảm ơn các đồng chí và quý vị.

CHI ỦY CHI BỘ XÃ PHAN HIỆP

I 14 Ký tên gọi ca thi 'Đom giở chầu -

- 346. Thi đưi yân vĩa - chầu lĩ hũ
gũ i chầu

- Vĩi phĩan bĩ i hũ

- Đũ lĩ hũ

gũ bĩ cĩ cĩ

Cĩ hũ đũ cĩ hũ

- Hũ : 182 hũ yĩi phĩan hũ

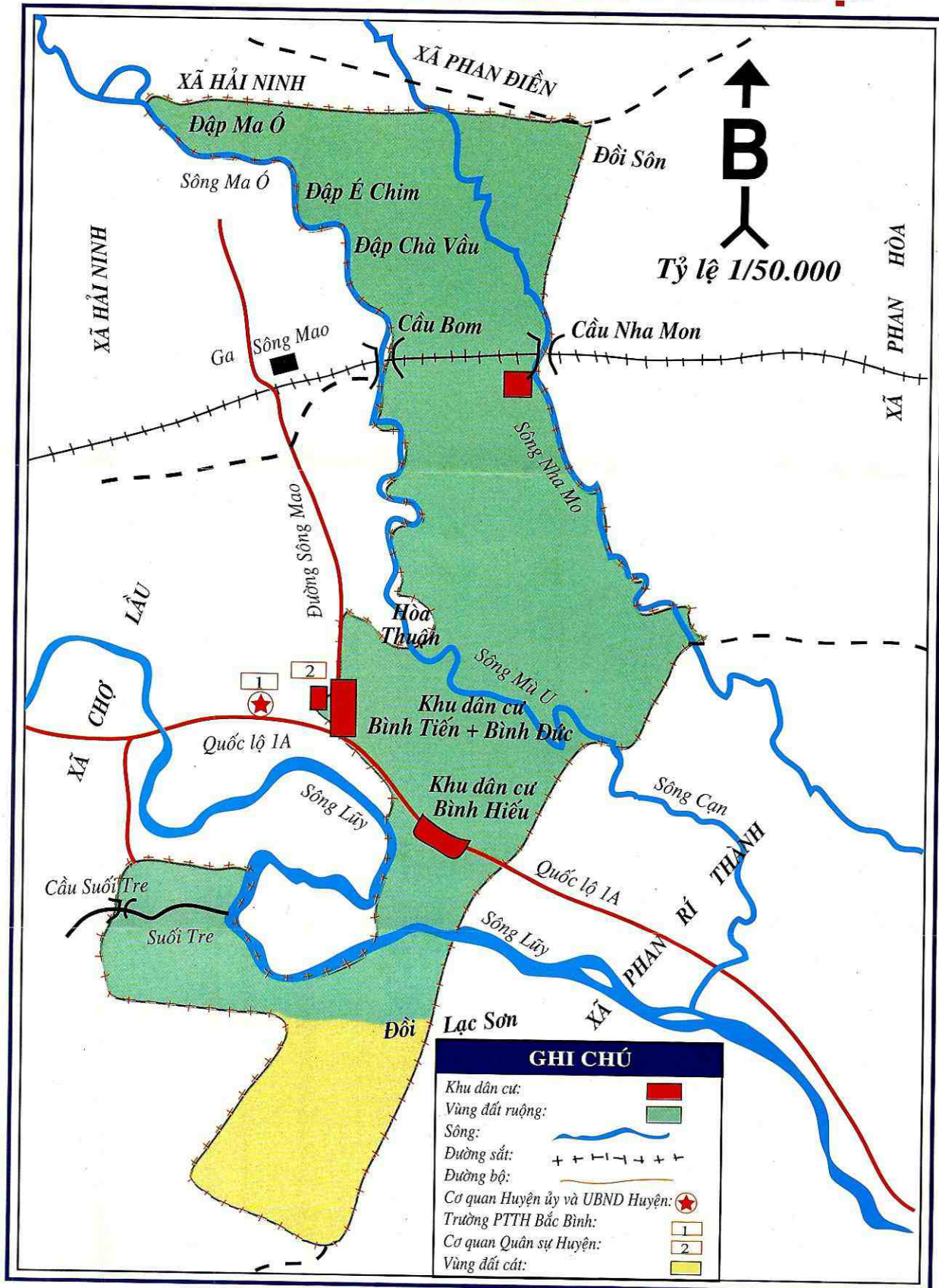
(lũ hũ) đũ sũ đũ gũ đũ phĩan
Hũ, hũ lũ đũ hũ tũ sũ
tũ hũ đũ gũ hũ yĩi -

- Hũ đũ hũ đũ hũ

- 1995 : đũ hũ đũ hũ đũ

2003 nũ hũ đũ

BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH XÃ PHAN HIỆP



| GHI CHÚ | |
|---------------------------------|---|
| Khu dân cư: | |
| Vùng đất ruộng: | |
| Sông: | |
| Đường sắt: | |
| Đường bộ: | |
| Cơ quan Huyện ủy và UBND Huyện: | |
| Trường PTTH Bắc Bình: | 1 |
| Cơ quan Quân sự Huyện: | 2 |
| Vùng đất cát: | |

PHẦN MỞ ĐẦU

THIÊN NHIÊN, KINH TẾ, VĂN HÓA - XÃ HỘI XÃ PHAN HIỆP

Xã Phan Hiệp, là một trong 3 xã có nhiều đồng bào Chăm sinh sống, thuộc huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận.

I - THIÊN NHIÊN:

Năm 1994, thực hiện Nghị định 364 của Chính phủ về việc phân định ranh giới quản lý hành chính, vị trí xã Phan Hiệp hiện nay được xác định nằm ở trung tâm của huyện Bắc Bình và thuộc vào vùng trung du - đồng bằng. Hình thể trải dài theo hướng Bắc - Nam, nằm vắt qua đường sắt, quốc lộ 1A và dòng sông Lũy. Hướng Đông giáp xã Phan Rí Thành và xã Phan Hòa. Hướng Tây và hướng Nam giáp thị trấn Chợ Lầu, xa hơn về phía Nam là đồi cát ven bờ biển Đông. Hướng Bắc giáp xã Hải Ninh và xã Phan Điền, nhìn về các dãy núi Nam Trường Sơn.

Diện tích tự nhiên rộng 1997 ha, trong đó diện tích đất thổ cư là 14,6 ha, diện tích đất nông

nghiệp 1.736 ha phần lớn là ruộng lúa nước (của nhân dân trong xã và của nhân dân các xã bạn nằm vào ranh giới hành chính Phan Hiệp do đặc điểm xen canh xen cư) và một ít đất động cát, đất thịt nà ven sông suối. Diện tích đất nông nghiệp chưa sử dụng 187,5 ha chủ yếu là các cánh đồng cỏ thuận lợi cho phát triển chăn nuôi trâu, bò, dê và các loại gia cầm khác. Địa phận Phan Hiệp không có núi và rừng cây.

Cũng như nhiều xã trong huyện, xã Phan Hiệp nằm trong vùng khí hậu khô hạn, chịu ảnh hưởng gió mùa. Một năm có 2 mùa mưa và khô rõ rệt. Mùa khô kéo dài hơn, còn mùa mưa thường bắt đầu từ tháng 5 và chấm dứt vào tháng 11 dương lịch. Đầu mùa mưa, thường có đợt gió thổi từ hướng Tây - Nam mang theo hơi nóng, khô hanh gay gắt có hại cho cây trồng. Giữa mùa mưa thường có đợt nắng hạn có khi kéo dài cả tháng. Khi có gió bắc từ hướng Đông - Bắc thổi về, sẽ báo hiệu chuẩn bị sắp hết mùa mưa để chuyển sang mùa khô. Lượng mưa bình quân trong năm khoảng 744mm. Nhiệt độ trung bình 26,9°C, độ ẩm không khí trung bình 81%, lượng bốc hơi 1.180mm. Đất đai mau khô hạn, bão lũ lớn ít xảy ra.

Sông suối chảy qua địa phận xã Phan Hiệp rất ít chỉ là những con sông nhỏ, xuất phát từ dãy Nam Trường Sơn: Phía Bắc xã có sông Ma Ó (sông Mù U) và sông Nha Mo, là những con sông ngắn dưới 50 km, độ dốc cao, lưu vực hẹp, ít chi lưu, phụ lưu, lưu lượng nước sông tập trung vào mùa mưa, chảy nhanh ra biển, thoát không kịp, tạo nên những cơn lũ tràn ngập các cánh đồng ruộng xung quanh, gây xói mòn bề mặt đất, làm thiệt hại hoa màu, hư hỏng các công trình giao thông, ngập lụt khu dân cư. Mùa khô, sông cạn kiệt, thiếu nước phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất vì vậy trông chờ nhiều vào trời mưa, để có nước. Phía Nam xã có con sông Lũy, chiều dài gấp đôi các sông trên, có nhiều nhánh phụ ở thượng nguồn đổ vào, nên nguồn nước nhiều hơn; nhưng chảy qua địa phận Phan Hiệp chỉ một đoạn ngắn, gần sát cửa biển.

Phân chia theo loại, đất đai xã Phan Hiệp có đất thịt và đất cát.

Vùng đất cát, người dân địa phương thường gọi là đất động, phần lớn là rẫy trồng các loại cây: mì, dưa lấy hạt, đậu các loại, canh tác lệ thuộc trời mưa; còn lại một ít là đất bụi cây thấp,

mùa mưa có cỏ mọc thuận tiện cho việc chăn nuôi gia súc.

Vùng đất thịt, gồm phần lớn là đất trồng lúa và một ít đất nà ven sông suối trồng các loại rau, bắp; còn lại là đất đồng cỏ chưa có hệ thống nước tưới tự chảy chỉ sử dụng cho chăn nuôi gia súc, trong đó một số diện tích có thể khai khẩn thành vườn trồng các cây dài ngày như đào, thanh long, cây ăn quả khác. Theo địa hình tự nhiên, vùng đất thịt chia ra làm 2 khu vực: khu vực phía Bắc và khu vực phía Nam Sông Lũy.

Khu vực phía Bắc Sông Lũy, đa phần là ruộng lúa, địa hình nghiêng theo hướng các con sông, cao phía Tây Bắc và thấp dần về phía Đông Nam, đổ ra biển Đông, là khu vực hàng năm vào mùa mưa, có các cơn mưa lớn kéo dài, nước tập trung từ các ngọn núi đổ về các sông, suối thoát không kịp tạo thành lũ tràn ngập vào ruộng đồng gây xói mòn bề mặt đất, làm thiệt hại hoa màu, hư hỏng các công trình giao thông thủy lợi, ngập lụt khu dân cư.

Khu vực đất ruộng phía Nam Sông Lũy có hệ thống đập Đồng Mới tưới 3 vụ trong năm, sản xuất ổn định, ít bị thất thu, chỉ có một số ít diện

tích đất nà ven sông, bị nước Sông Lũy dâng cao ngập vào mùa mưa.

Về giao thông, Phan Hiệp rất thuận lợi vì có khu dân cư ở tập trung, sát quốc lộ 1A và đường liên xã nối quốc lộ 1A đi lên Sông Mao thuộc xã Hải Ninh kéo dài đến các xã miền núi Bình An, Phan Sơn, Phan Lâm, Phan Điền. Do vậy nên Phan Hiệp có vị trí rất quan trọng trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh. Mặt khác, hệ thống đường nội đồng nối liền với các đường giao thông chính càng làm cho việc đi lại, vận chuyển giữa các khu dân cư và các khu sản xuất thêm thuận tiện.

II - NGUỒN GỐC - DÂN CƯ:

Cuối năm 1949 đầu năm 1950 chính quyền cách mạng huyện Phan Lý Chàm, tỉnh Bình Thuận đặt cho khu dân cư Hựu An, lúc này gồm có 11 làng, xóm đồng bào Chăm theo đạo Bà-la-môn bị thực dân Pháp dồn tập trung vào, là xã Phan Hiệp. Đến sau đình chiến tháng 7 năm 1954, 3 làng Mai Lãnh, Trí Thái, Tịnh Mỹ tự động trở về quê cũ sinh sống thì xã Phan Hiệp còn lại 8 làng cho đến nay.

Trước khi bị địch dồn vào khu tập trung, khu dân cư các làng, xóm này ở rải rác cách xa nhau. Dấu vết các làng cũ còn lại hôm nay thường là các nền móng nhà bằng gạch hoặc số cây lưu niên (me) và gần kề khu dân cư luôn có khu thổ mộ của làng mà cho đến nay dân trong làng khi chết vẫn còn chôn cất ở đó.

X Ngược dòng lịch sử, cư dân đầu tiên của các làng là người Chăm đã sinh sống rất lâu đời tại vùng đất có tên theo tiếng Chăm là "Pa-rí". Trải qua những thăng trầm của lịch sử thời phong kiến, cho đến cuối thế kỷ 17, các chúa Nguyễn mở rộng bờ cõi xuống phía Nam, hình thành các làng người Việt sống xen kẽ. Đến năm Quý Dậu (1693) đời chúa Hiến Tông Hiếu Minh Hoàng Đế Nguyễn Phước Chu đặt tên cho vùng đất này là trấn Thuận Thành, thì cư dân người Chăm bản địa vẫn còn sinh sống riêng biệt trong từng làng, xóm nhỏ.

Đến năm Đinh Sửu (1697), đời chúa Hiếu Minh năm thứ 6, bỏ trấn Thuận Thành đặt phủ Bình Thuận gồm 2 huyện An Phước và Hòa Đa. Dưới thời Tây Sơn đổi thành trấn Bình Thuận. Đến năm Minh Mạng thứ 4 (1823) lại đổi thành

phủ Bình Thuận. Năm 1832, nhân dịp cải tổ nền hành chính toàn quốc, vua Minh Mạng đổi phủ Bình Thuận thành tỉnh Bình Thuận và chính thức đưa các xóm, làng người Chăm bản địa nhập vào hệ thống hành chính Việt Nam thống nhất. Trước khi nhập vào, mỗi làng, xóm đều có tên bằng tiếng Chăm mang ý nghĩa theo đặc điểm lịch sử hình thành hoặc cảnh quan địa lý nơi dân cư sinh sống, hoặc nghề chính của làng; đồng thời còn có tên gọi theo tiếng Việt bằng cách âm - Việt - hóa tiếng Chăm. Khi nhập vào lại có thêm tên bằng tiếng Hán - Việt ghi chính thức trên văn bản hành chánh, nhưng không có nghĩa theo tên tiếng Chăm mà chỉ là những khái niệm có nghĩa tốt đẹp. Tuy rất ít dùng trên văn bản hành chính nhưng các tên làng cổ truyền bằng tiếng Chăm vừa có ý nghĩa thiêng liêng, vừa gần gũi thân thiết, lưu lại khá đậm nét trong tâm trí và trong đời sống xã hội hàng ngày của đồng bào. Khi nói chuyện với nhau về quê hương bản xứ, bà con vẫn dùng những tên làng mình theo tiếng dân tộc cổ truyền, chỉ khi giao tiếp với người Việt thì mới sử dụng tên gọi theo tiếng Việt.

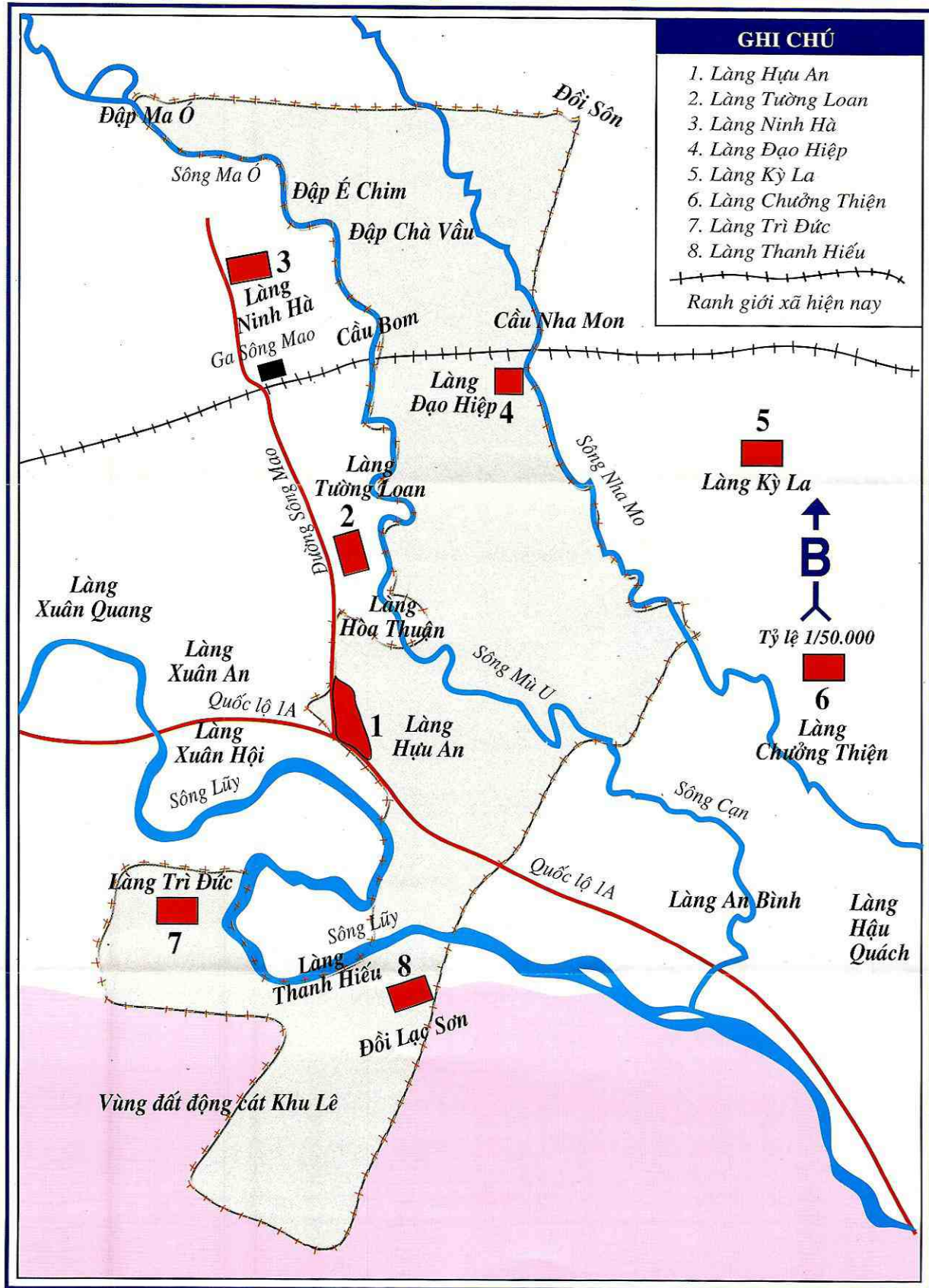
Lúc bấy giờ (1832), tỉnh Bình Thuận có hai phủ là Ninh Thuận và Hàm Thuận.

Phủ Ninh Thuận có hai huyện là An Phước và Tuy Phong. Huyện Tuy Phong có 4 tổng trong đó có tổng Tuy Tịnh là tổng người Chăm.

Phủ Hàm Thuận có hai huyện Tuy Định và Hòa Đa. Huyện Tuy Định có 3 tổng, trong đó có tổng Nông Tang là tổng người Chăm. Huyện Hòa Đa có 4 tổng trong đó có hai tổng người Chăm (gồm cả Kinh cự) được phân định bởi dòng Sông Lũy: Phía tả ngạn là tổng Ninh Hà gồm 14 làng, trong đó có 6 làng thuộc Phan Hiệp ngày nay là Hựu An, Tường Loan, Ninh Hà, Chưởng Thiện, Đào Hiệp, Kỳ La. Phía hữu ngạn là tổng Tuân Giáo gồm 12 làng trong đó có 2 làng thuộc Phan Hiệp ngày nay là Thanh Hiếu và Trì Đức. (Xem thêm phần phụ lục).

Sang thời Pháp thuộc, năm Đồng Khánh thứ nhất (1886), khi Hòa Đa tách khỏi phủ Hàm Thuận để lập phủ Hòa Đa thì cũng đồng thời tách các tổng người dân tộc thiểu số (Chăm, Kinh cự, K'Ho, Raglay,...) từ các huyện Hòa Đa, Tuy Phong để thành lập một phủ của người dân tộc thiểu số tại chỗ, lúc đầu lấy tên là Hòa Đa Thổ, phủ đường ở chung phủ Hòa Đa. Đến năm 1910 đổi tên thành huyện Phan Lý Chàm dời huyện đường lên

BẢN ĐỒ VỊ TRÍ CÁC LÀNG THUỘC XÃ PHAN HIỆP TRƯỚC NĂM 1945



đóng tại làng Hựu An, ngay góc Đông - Bắc ngã ba Chợ Lầu - Sông Mao (khu cơ quan Phòng VH TT - Trung tâm VH TT hiện nay).

Dưới thời phong kiến - thực dân, huyện Phan Lý Chàm có 5 tổng, trong đó 3 tổng người Chăm và Kinh cựu (Tuy Tịnh, Tuân Giáo, Ninh Hà) và 2 tổng người thiểu số miền núi (Cây Da và La Bá). Lúc này tổng Ma Lâm (Nông Tang) vẫn còn thuộc phủ Hàm Thuận. Thời kỳ này, mỗi làng có khoảng từ 35 đến 50 hộ, với khoảng từ 150 đến 200 khẩu, trong đó Ninh Hà là làng lớn, đông dân. Địa giới các làng khá rộng: Sáu làng thuộc tổng Ninh Hà thì phía Tây từ cánh đồng Cầm Răng chạy dài sang phía Đông khu vực cánh đồng Tà Bo, Đồng Mo; phía Bắc chạy vào núi Cà Lãng, Đá Giá; phía Nam gần sát Sông Lũy. Còn hai làng thuộc tổng Tuân Giáo nằm phía cuối của cánh đồng Đồng Mới, đoạn sát ra cửa biển.

Đứng đầu bộ máy phủ, huyện có tri phủ, tri huyện. Thời kỳ phủ Hòa Đa Thổ, có tri phủ Cây là người Chăm theo đạo Bà-ni, còn tri phủ Hắc và tri phủ Thanh Giầy đều là người Chăm theo đạo Bà-la-môn. Thời kỳ huyện Phan Lý Chàm, lúc đầu có các tri huyện người Chăm Bà-la-môn là

Khê É và Dụng Tấn; tiếp đến các tri huyện Lê Thượng Văn và Cao Đỉnh là người Kinh cựu quê làng Xuân Hội; sau đó đến 3 tri huyện người Kinh quê Thừa Thiên - Huế là Trần Ngọc Chánh, Trần Ngọc Mậu và Phạm Ngọc Cẩn - tri huyện cuối cùng.

Bộ máy tổng có chánh tổng, phó chánh tổng. Còn cai quản các làng, xóm có lý trưởng, phó lý và ban ngũ hương gồm: hương kiểm (an ninh), hương bốn (tài chính), hương bộ (hộ tịch), hương mục (đường sá cầu cống), hương dịch (liên lạc), sau này có thêm hương lâm. Hàng ngày họ nhận trát của quan phủ, huyện thông qua chánh tổng, phó chánh tổng, đốc thúc thực thi các công việc theo lệnh quan trên giao như thu thuế, bắt trâu, giữ gìn an ninh làng xóm; có đặc ân và có quyền do chính quyền phong kiến - thực dân quy định, được phép bắt bớ giam cầm, đánh đập những ai không tuân lệnh, được ăn trên ngai trước và được ban cấp ruộng đất như là phần lương bổng của thời ấy.

Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, chính quyền cách mạng đổi mỗi làng thành một xã bộ với tên gọi cũ, trực thuộc huyện Phan

Lý, không còn cấp tổng. Bước vào cuộc kháng chiến chống Pháp, ta chủ trương sát nhập xã lại thành các khu hành chánh, nên đến tháng 3 năm 1946, bảy làng trên (Nha Mon đã nhập vào Kỳ La) thuộc vào các khu 6, 10 và 11. Tháng 6 năm 1946 giải thể khu hành chánh, liên các xã nhỏ lại thành các xã lớn hơn, trực thuộc huyện Phan Lý gồm: 2 làng Thanh Hiếu và Trì Đức hợp thành xã Thanh Đức; các làng Hựu An, Tường Loan, Ninh Hà thuộc xã Mỹ Quang (có 5 làng); còn các làng Chương Thiện, Kỳ La thuộc xã Thiện An (có 6 làng).

Từ năm 1949, thực hiện âm mưu dồn dân, rào làng ở các huyện Bắc Bình Thuận, thực dân Pháp dồn hết dân các làng Chăm theo đạo Bà-la-môn (gồm 8 làng của Phan Hiệp ngày nay và 3 làng Mai Lãnh, Trí Thái, Tịnh Mỹ) từ các khu dân cư cũ về khu tập trung Hựu An vì vậy các xã Thanh Đức, Mỹ Quang, Thiện An không còn tồn tại trên thực tế. Để thích nghi với thực trạng đó, từ cuối 1949 đầu năm 1950, chính quyền cách mạng huyện Phan Lý đã thành lập một xã mới cho 11 làng tại khu tập trung Hựu An, đó là xã Phan Hiệp, tồn tại đến ngày ký kết Hiệp định Giơ-ne-vơ tháng 7 năm 1954.

Từ sau năm 1954, sau khi dân 3 làng Mai Lãn, Trí Thái, Tịnh Mỹ tự động trở về quê cũ, chế độ Mỹ - ngụy lập 8 làng còn lại thành xã và đặt tên là xã Hựu An, thuộc quận Phan Lý Chàm, gồm có 4 ấp là Hiệp An, Hiệp Thiện, Thanh Hiếu và Trì Đức.

Tháng 4 năm 1975, quê hương hoàn toàn giải phóng, chính quyền cách mạng bỏ tên Hựu An và lấy lại tên xã Phan Hiệp thuộc huyện Phan Lý (từ năm 1976 khi Phan Lý sát nhập thành huyện Bắc Bình thì thuộc huyện Bắc Bình); đổi ấp thành thôn và giữ nguyên tên. Từ năm 1979 khi thành lập các hợp tác xã nông nghiệp theo địa bàn thôn thì các thôn không còn. Cho đến năm 1992, khi có chủ trương tái lập thôn thì xã Phan Hiệp có 3 thôn cùng tên với hợp tác xã nông nghiệp là Bình Đức (Trì Đức), Bình Hiếu (Thanh Hiếu), Bình Tiến (Hiệp An và Hiệp Thiện) cho đến nay.

Nhân dân xã Phan Hiệp hiện nay cư trú trong 2 khu dân cư cách xa nhau trên 1km nằm cặp sát quốc lộ 1A, có đồng ruộng xung quanh. Hai thôn Bình Tiến và Bình Đức ở ngay góc đông - bắc ngã ba giao lộ đường 1A với đường lên ga

Sông Mao (Hải Ninh), nguyên gốc là khu dân cư làng Hựu An được mở rộng thêm. Do vị trí địa lý khá quan trọng nên khu Hựu An luôn được chọn đặt cơ quan hành chính - quân sự của huyện, quận Phan Lý Chàm xuyên suốt qua các thời kỳ Phan Lý Chàm tồn tại. Từ khu Hựu An đi theo quốc lộ 1A về hướng Đông khoảng 1km, sẽ gặp khu dân cư thứ 2 của xã Phan Hiệp, là khu dân cư thôn Bình Hiếu.

Dân số xã Phan Hiệp đến cuối tháng 11 năm 2002, có 4.725 người, trong đó:

- Người Chăm: 4.471 người, chiếm tỷ lệ 94,6% dân số toàn Xã, hầu hết theo đạo Bà la môn, chỉ có 53 người Chăm theo đạo Bà Ni, là dân làng Tố Lý xưa.

- Người Kinh: 254 người, chiếm tỷ lệ gần 5,4% dân số toàn Xã, vào sinh sống từ sau năm 1954, theo các đạo Phật, đạo Thiên chúa, đạo Tin lành.

Tuy khác nhau về dân tộc, tôn giáo, nhưng con người Phan Hiệp vốn là nông dân, bản tính hiền hòa, thật thà chất phác, cần cù lao động, hiếu học và không cầu kỳ khách sáo. Sống hòa

nhập với cộng đồng dân cư các địa phương lân cận, đặc biệt là với thị trấn Chợ Lầu giáp ranh, dân cư 2 địa phương đã cùng đi một con đường, sản xuất cùng một cánh đồng, mua bán một chợ, uống nước một dòng sông, học chung một trường đã làm nảy sinh mối quan hệ tình cảm thân thiết, gắn bó Chăm - Kinh, Bà ni - Bà la môn và tinh thần đoàn kết tương trợ lẫn nhau trong nội xã cũng như với nhân dân các địa phương khác. Tinh thần đoàn kết này đã thể hiện thời gian dài trong sản xuất; trong đấu tranh với thiên nhiên, với thực dân đế quốc xâm lược để cùng tồn tại và phát triển.

III - KINH TẾ:

Nhân dân Phan Hiệp sinh sống chủ yếu bằng nghề nông (trồng trọt và chăn nuôi). Toàn xã canh tác trên diện tích 643,7 ha ruộng và 145,4 ha đất rẫy, vườn; tập hợp trong 3 HTX/NN là Bình Tiến, Bình Hiếu và Bình Đức. Do đặc điểm lịch sử, diện tích ruộng đất nhân dân trong xã đang sử dụng nằm rải rác trên 9 cánh đồng, đan xen lẫn nhau với nông dân các xã bạn.

Phía bắc Sông Lũy thường gọi là khu đồng đập, ruộng của nông dân Phan Hiệp có trên từng

cánh đồng như sau: đồng Gòn có 115,3 ha; đồng Mãng có 68,9 ha; đồng Ma Ní có 29,6 ha; đồng Tầm Ru có 75,5 ha; đồng Ma Ó có 41,8 ha; đồng É Chim có 81,4 ha; đồng Chà Vầu có 78,7 ha và đồng Ma Tang có 62,6 ha. Mỗi cánh đồng đều có đập mang cùng tên, nhưng vì chỉ là những đập bán kiên cố nên thường không đủ nước cho sản xuất, còn lệ thuộc nhiều vào trời mưa. Khi công trình hồ chứa nước Cà Giây được Trung ương đầu tư xây dựng hoàn chỉnh đưa vào khai thác sử dụng, mở rộng dần khu tưới chủ động, các cánh đồng của khu vực này mới hạn chế bớt nạn hạn hán và úng lụt, sản xuất được chắc chắn hơn từ 2 đến 3 vụ.

Phía Nam sông Lũy, xã Phan Hiệp có 68 ha ruộng đồng Mới, nhưng do ở phía cuối đùì, dưới nước, nên thường bắt đầu vào vụ sản xuất trễ hơn và cuối vụ đông xuân không đủ nước tưới.

Vùng đất cát động thì trồng trọt rất bấp bênh, phụ thuộc nhiều vào thời tiết, khí hậu luôn biến động thất thường. Thuận mùa thì đất rẫy thu nhập cao hơn ruộng, nhưng khi thất mùa thì đất rẫy thu hoạch không đáng kể.

Cùng với trồng trọt, nhiều hộ nông dân trong xã còn chăn nuôi bò, heo, dê, gà, vịt, nhưng chưa phải ngành nghề chính.

Bên cạnh nghề nông, Phan Hiệp còn có nghề tiểu thủ công truyền thống kiểu như làng nghề. Đó là nghề làm đồ gốm Chăm của làng Trì Đức vẫn lưu giữ cho đến nay theo kiểu "mẹ truyền con nối". Đây là một nghề phụ tạo được công ăn việc làm quanh năm cho lao động nữ trong làng, tạo ra nguồn thu nhập bổ sung khá quan trọng, có khi cũng là nguồn thu nhập chính của gia đình. Tuy nhiên đồ gốm Phan Hiệp do chưa được cải tiến bao nhiêu, làm thủ công, chủng loại sản phẩm cũng chỉ là một số dụng cụ đun nấu và chứa đựng có mẫu mã từ xa xưa ít còn thích nghi và thông dụng, nên hiện nay thị trường tiêu thụ rất nhỏ, khó cạnh tranh, giá cả không tương xứng với công lao động. Đã vậy, người sản xuất còn phải chịu thua thiệt thêm trong ứng mượn vốn trước, trả sau bằng sản phẩm theo giá rẻ, nên thu nhập của người làm nghề này vẫn rất thấp.

Cùng với các nghề phụ trên, vào lúc hết mùa làm ruộng hoặc lúc nông nhàn, nông dân Phan



Sản phẩm gốm Chăm thôn Bình Đức - xã Phan Hiệp.

Hiệp vào rừng lấy mật ong; săn bắt thú rừng, cá đồng; đánh bẫy dông; làm thuê mướn..., thu nhập hạn chế.

Hiện nay đời sống nhân dân Phan Hiệp có nhiều thay đổi hơn so với trước. Nhưng với thực trạng kinh tế chỉ bằng cách làm ăn độc canh cây lúa là chủ yếu, chưa phát triển được các ngành nghề thu hút nhiều lao động dư thừa để tạo phần thu nhập ổn định được thì mức sống đó cũng chưa thực sự vững chắc, sẽ không phát triển kịp so với mức sống chung của cộng đồng trong vùng.

IV - VĂN HÓA - XÃ HỘI:

Hiện nay, trong xã có trạm y tế và một trường tiểu học. Địa bàn dân cư nằm gần kề thị trấn huyện lỵ, ở gần các cơ sở y tế và giáo dục cấp huyện như Trung tâm Y tế, Trường THPT Bắc Bình, Trường PTDT nội trú, lại có chính sách nâng đỡ của Đảng và Nhà nước, nên khá thuận lợi cho *sự nghiệp giáo dục, y tế* phát triển. Tỷ lệ số trẻ đến trường và số người biết chữ khá cao. Chữ Chấm được duy trì dạy cho học sinh Chấm các lớp tiểu học. Ý thức nhân dân về phòng trị bệnh, sinh đẻ có kế hoạch đều có tiến bộ.

Với gần 95% là người Chăm chịu nhiều ảnh hưởng tôn giáo, cho nên những phong tục tập quán, bản sắc văn hóa của xã Phan Hiệp chủ yếu mang đậm bản sắc văn hóa Chăm vô cùng phong phú, đa dạng với những *dạng thức văn hóa vật chất và đời sống văn hóa tinh thần* riêng.

Về nhà cửa, người Chăm có kiểu dáng riêng tuy hiện nay còn hiếm thấy nhưng quan niệm cất nhà phải xoay mặt chính về hướng Nam, kiêng cử hướng Đông, Tây vẫn được giữ.

Nghệ thuật chế tác gốm của làng Trì Đức (thôn Bình Đức) hoàn toàn bằng thủ công nhưng làm ra được sản phẩm có hình dáng, kích thước, độ dày mỏng như nhau và nung chín sản phẩm không cần lò, là phương pháp chế tác gốm cổ truyền độc đáo còn tồn tại duy nhất, được nhiều nhà nghiên cứu, khách du lịch trong và ngoài nước đến tham quan, được mời giới thiệu ở nước Nhật.

Người Chăm Phan Hiệp có y phục trang sức cổ truyền khá độc đáo. Tiêu biểu là chiếc áo dài nữ dịu dàng, kín đáo; là các chiếc chăn (tiếng Chăm gọi là "khanh", "a-phành") được cải tiến mặc với áo ngắn, sơ-mi rất đẹp. Hoặc trang phục



Sản phẩm gốm Chăm thôn Bình Đức - xã Phan Hiệp.

của các vị chức sắc đạo giáo hay đồ tang táng liệm cho người về với cõi tổ tiên ông bà đều có kiểu dáng riêng. Đặc biệt trang phục của toàn bộ các chức sắc tôn giáo đều là màu trắng, do đó được gọi chung là tầng lớp "áo trắng" (tiếng Chăm là "ao có").

Đa số người Chăm đều mua sắm chiếc nhẫn mắt (tiếng Chăm gọi là "ka-rá mư-ta"), dùng làm đồ trang sức lúc còn sống, đồng thời là vật phòng thân dùng vào nghi lễ "cho nước" khi chết.

Cùng với y phục, người Chăm Phan Hiệp có nền văn hóa ẩm thực đặc sắc. Có thể kể đến là các món canh, là món nước súp luộc thịt dê hoặc trâu ăn với ghém, là mắm lòng tong, là cháo chua, là cá khô đuối chiên trong đám cưới, là các loại bánh trong đó có bánh gừng, bánh xa-ca-da, là rượu cần, rượu nếp,... Chức sắc đạo giáo Chăm Bà-la-môn kiên cử thịt bò.

Cũng như y phục, vấn đề ẩm thực mang tính bản sắc của người Chăm Phan Hiệp phần nhiều còn được lưu giữ trong các phẩm vật cúng tế. Trên mâm cúng, bao giờ cũng phải có cơm, cá kho, canh và đĩa rau giá, còn các thứ khác tùy thuộc khả năng. Bánh trái thì phải có chuối (nãi

hoặc trái rời), bánh tét, bánh xa-ca-da, chè đậu, theo kiểu "dưới là bánh tét trên là bánh xa-ca-da" (tiếng Chăm là "pây-nung a-la, xa-ca-da a-ngó"). Phải có một số miếng trầu tằm kèm theo trầu lá, miếng cau khô hoặc tươi, nhúm thuốc rê và rượu thì chỉ sử dụng rượu trắng. Người Chăm Phan Hiệp, coi đó bản sắc văn hóa vật thể của dân tộc mình không thể bỏ được.

Xã Phan Hiệp có 4 *di tích lịch sử*. Đó là những đền thờ các vị vua chúa, tướng lĩnh, anh hùng dân tộc Chăm có nhiều công lao được dân làng tôn thờ là thần thánh (Pô). Đó là các đền thờ sau:

- Đền thờ "Pô Nit" nằm gần khu dân cư thôn Bình Hiếu về hướng Đông Nam, cách quốc lộ 1A khoảng 200 mét về phía Nam, do nhân dân làng Bình Hiếu trực tiếp thờ phượng. Đây là đền thờ được dời về từ đền thờ xây dựng đầu tiên vào thế kỷ 18, xây mới lại năm 1973. Pô Nit có người em tên gọi "Pô Chà-pa-ral" có biểu tượng thờ bằng đá hiện ở khu vực Long Hà xã Phan Rí Thành, cách đền thờ Pô Nit chừng 8 cây số về hướng Đông. Vừa qua được sự quan tâm của Nhà nước, đền thờ Pô Nit đã được đầu tư kinh phí trùng tu



Dền thờ Pô Nít thôn Bình Hiếu.



Đền thờ Pô Nút xã Phan Hiệp.

với kiểu dáng tương đối kiên cố và khang trang. Năm 2000, đền thờ đã được Bộ Văn hóa thông tin công nhận là di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia.

- Đền thờ "Pô Kơ-lon Khùl" được dân làng Trì Đức (thôn Bình Đức) thờ phượng, nằm trên đồng cát, cách cánh đồng ruộng Đồng Mới của Bình Đức khoảng 1km về phía Nam. Người Kinh làm đất rẫy động ở khu vực này thường gọi đền thờ là "Cút Ông Thắng". Hiện nay đền thờ này hư hỏng rất nặng, chưa được tu sửa lại.

- Đền thờ "Pô Dang Thó" thuộc dân làng Tường Loan (thôn Bình Tiến) thờ phượng. Đền thờ này có tượng đá biểu tượng cho nhao thai vua Rô-mê, lúc mẹ vua hạ sinh vua tại địa điểm dựng đền thờ. Ngưỡng mộ công trạng Vua, dân làng Tường Loan lập đền thờ tại nơi sinh hạ ra Vua, gần cạnh đường lên Sông Mao, cách ngã ba khoảng 1km. Trong dân gian có thành ngữ "làng Tường Loan giữ nhao vua Rô-Mê" (tiếng Chăm là "Pa-lây Pa-ó khí thó Pô Rô-mê").

- Đền thờ "Pô Thành-Mứ" thuộc dân làng Ninh Hà (thôn Bình Tiến) thờ phượng, nằm trên khu đất ven chân núi, cách khu dân cư xã Phan Điền khoảng 1km về phía Tây, vì bị hư hỏng rất

nặng nên nhân dân góp kinh phí tu sửa lại trong năm 2003.

Ngoài 4 di tích trên, cách khu dân cư thôn Bình Hiếu gần 1km về phía đông nam có đền thờ "Pô I-nư Nư-khành" (Thiên-Y-Ana) là "bà chúa xứ" của người Chăm. Trước đây do dân làng Thanh Hiếu (Bình Hiếu) quản lý, được dân nhiều làng người Chăm và người Kinh đến cúng bái. Hiện nay do một số hộ ở Bình Liêm (xã Phan Rí Thành) quản lý.

Trong giao tiếp với cộng đồng chung, người Chăm Phan Hiệp sử dụng *ngôn ngữ* phổ thông là tiếng Việt, còn trong nội bộ tộc người với nhau thì nói tiếng Chăm. Cùng với tiếng nói, người Chăm còn có chữ viết, là loại chữ được người Chăm sáng tạo, biến đổi từ chữ Phạn, trong đó loại chữ thảo là loại chữ thông dụng. Tuy nhiên đa số người Chăm trong xã, đặc biệt là lớp trẻ có trình độ học lực phổ thông cao và nhiều CB.CNVC chưa đọc và viết được chữ Chăm. Chỉ có các vị chức sắc đạo giáo và một số nhân sĩ trí thức lớn tuổi là đọc thông viết thạo, vốn từ Chăm có khá hơn, nhưng chủ yếu cũng qua việc tự học, không qua trường lớp nào cả.

Về văn học dân gian Chăm, ở một số tư gia dân trong xã còn lưu giữ được các bản chép tay các trường ca - truyện thơ, các tráng ca, các truyền thuyết, các truyện cổ rất có giá trị nghệ thuật, nhưng do trình độ phổ cập chữ Chăm còn hạn chế nên việc khai thác, phổ biến, giới thiệu rộng rãi ít được thực hiện. Trong ngôn ngữ Chăm, còn có ca dao, tục ngữ, câu đố vẫn còn lưu truyền trong đời sống sinh hoạt giao tiếp, trong các lời chúc tụng lẫn nhau.

Ca, múa, nhạc là những loại hình nghệ thuật biểu diễn truyền thống quan trọng của người Chăm, gắn liền với hội lễ dân gian và nghi lễ tôn giáo. Có thể nói hội lễ dân gian là môi trường nuôi dưỡng ca, múa, nhạc truyền thống Chăm. Về hát gồm có: Hát hiến tế, Hát lễ tang. Về múa, phổ biến trong các lễ múa "ri-chà" gồm từ các điệu múa tôn nghiêm như Chá-da... đến các điệu múa duyên dáng uyển chuyển như Phà-dền... đến điệu múa vui tươi, phấn khởi như Pa-tra... đến điệu múa sôi động, thôi thúc như Chon, Pơ, Pa-lao manh,... Còn theo đạo cụ múa, phân loại có múa tay không (cánh tay, cổ tay, bàn tay, uốn dẻo), múa khăn (nữ 1 chiếc khăn dài vắt qua hai vai, thầy bóng thì 2 miếng khăn đỏ), múa quạt (quạt

xếp), múa dất ngựa (ngựa tượng trưng bằng nãi chuối, có lục lạc, cột dây chỉ), múa đèn sáp (có động tác ngậm vào miệng cho tắt), múa gươm (có động tác đập lửa). Nhạc đệm nền cho các lễ múa "ri-chà" trên đây là một dàn hòa tấu chuyên biệt gồm có 2 người đánh trống đôi (khì-năng), 1 người thổi kèn (sa-ra-nai) và 1 người đánh chiêng (chên) dưới sự chỉ huy của nhạc trưởng là Thầy Võ (ôn Mư-thuồ) võ trống 1 mặt (phà-ra-nưng). Ngoài ra múa còn thấy ở một số hội lễ khác.

Ngoài các loại hình ca, múa, nhạc đang hiện còn trên đây, theo lời kể và trong các kinh thư, thì người Chăm đã bị thất truyền một số nhạc cụ như Ra-phập (đàn nhị), Cham-pi (đàn tranh), Ka-pin (đàn bầu), Mư-ri (địch), Pi (sáo) và các điệu hát như hát đối đáp, hát giao duyên, hát đố, hát ru hoặc lối hát vè, lối ngâm thơ (có lẽ do tính chất dân gian ít gắn với hội lễ). Đây là vốn văn hóa có tính bản sắc dân tộc cần được sưu tầm, khôi phục.

Với vốn văn hóa văn nghệ dân gian cổ truyền đặc sắc từ trong nghi thức sinh hoạt lễ hội còn giữ lại, đã được người dân Phan Hiệp nhất là nam - nữ thanh niên, khai thác và phát huy cùng với tiếp nhận văn nghệ dân gian hiện đại của các

dân tộc anh em khác trong cộng đồng thông qua phong trào văn nghệ - thể thao quần chúng phát triển khá từ sau ngày giải phóng đến nay, đáp ứng nhu cầu về đời sống tinh thần của nhân dân trong xã và góp phần nhất định vào phong trào chung của huyện, tỉnh. Trong đó, đáng kể là một số nghệ nhân trong xã như cụ Đào Bồ độc diễn trống "khì-nặng", tự biên tự diễn bài hát về "Vãi chài" hoặc cụ Đặng Đậu nổi tiếng với tiếng kèn sa-ra-nai, đều đạt huy chương vàng qua các hội diễn. Đội văn nghệ Phan Hiệp là lực lượng nòng cốt trong thời kỳ đầu mới hình thành Đoàn nghệ thuật Chăm Bắc Bình hiện nay. Đội bóng đá Phan Hiệp có thời gian là một trong các đội bóng mạnh của huyện. Các giải đấu thể thao nhân các dịp lễ, tết tại Trung tâm văn hóa thể thao huyện năm nào cũng có đoàn vận động viên Phan Hiệp tham dự và đạt thành tích cao.

Tôn giáo chính của đại đa số người Chăm Phan Hiệp là Bà la môn giáo. Tôn giáo chi phối mạnh mẽ mọi hoạt động trong đời sống đồng bào Chăm. Tín ngưỡng người Chăm coi trọng phần hồn với quan niệm rằng những người còn sống phải có bốn phận lo toan chu đáo đầy đủ theo các nghi thức, tập tục được truyền lại từ xa xưa thông

qua các vị chức sắc đạo giáo để hồn người chết ở thế giới bên kia được sớm hòa nhập cùng tổ tiên, ông bà và hưởng thụ đầy đủ như ở trần gian. Nếu như người chết vì một lý do nào đó chưa được thực hiện đầy đủ các nghi thức, tập tục thì những người còn sống thuộc về thân tộc họ hàng bên nội (bên mẹ) tư tưởng sẽ không an tâm, luôn mang ám ảnh là linh hồn người thân đang vất vưởng, đói khát, từ đó gây ảnh hưởng, quấy rầy đến sức khỏe và công việc làm ăn của những người còn sống trong cùng tộc họ. Mặt khác trong làm ăn và trong các sinh hoạt cúng bái, người Chăm trong xã tin tưởng vào ngày lành tháng tốt. Tín đồ dân thường ít người biết được danh xưng các Thần (Pô), Thánh (Nư-phì). Chỉ có các chức sắc đạo giáo mới là người biết và có thể xưng tụng, hiến tế các vị thần thánh, làm nhiệm vụ giao tiếp với thế giới thần linh thay cho tín đồ dân thường.

Chức sắc đạo giáo Chăm Bàlamôn trong xã Phan Hiệp bao gồm nhiều hệ phái như hệ phái thầy Xế, hệ phái thầy Ka-Thành, hệ phái thầy Bông, hệ phái thầy Võ, một số thầy cúng và các chức sắc khác chuyên phối hợp trong đám hỏa táng. Trong đó hệ phái thầy Xế rất được mọi người trọng nể vì giữ vai trò chính yếu trong các

nghi thức tang ma và vị Sư Cả thầy Xế là người có quyền tính toán ấn định ngày tháng lịch Chăm cho tín đồ sử dụng. Hầu hết các chức sắc đạo giáo đều có gia đình và nhìn chung các hoạt động hành đạo của họ mang tính chất phục vụ xã hội nhiều hơn, không đặt nặng vấn đề thù lao.

Tuy tôn giáo chính là Bà la môn, nhưng do đặc điểm lịch sử du nhập đạo Hồi vào Champa trước đây, cho nên hiện nay trong một số lễ nghi của người Chăm theo đạo Bà la môn, vẫn có sự hành lễ của thầy Chang đạo Bà Ni. Người Chăm Bà la môn vẫn đi cúng chùa Bà Ni vào dịp "Súc Dâng", "Ramưwan" và phải tuân thủ nghiêm ngặt qui định không sát sinh vào thời gian "Ramưwan" đạo Bà Ni. Ngoài ra có một số ít phụ nữ Chăm trong xã còn đi lễ chùa Phật, đi Dinh Thầy Thím để xin xăm coi bói hoặc đến dự các cuộc tế đình các làng người Kinh lân cận như đình làng Xuân Quang, Xuân Hội...

Hôn nhân của người Chăm nói chung, về nguyên tắc là hôn nhân đồng dân tộc tôn giáo, do ảnh hưởng của chế độ mẫu hệ. Tuy nhiên thực tế hiện nay ở trong các làng đều có một số cặp vợ chồng Kinh - Chăm, Bà la môn - Bà Ni... Nhìn

chung, hôn nhân trong xã mang tính tự nguyện, một vợ, một chồng, hầu như không còn có sự áp đặt của cha mẹ và rất ít trường hợp nam nữ lấy nhau trước tuổi pháp luật qui định. Tập tục cưới xin tiến hành theo các bước: lễ dạm ngõ, lễ hỏi và lễ cưới.

Khi trưởng thành, con trai lấy vợ theo vợ, các con gái lớn lần lượt lấy chồng, được cha mẹ lo ra ăn ở riêng tách thành các gia đình mới, chỉ còn con gái út lấy chồng ở chung phụng dưỡng cha mẹ.

Chế độ mẫu hệ chi phối các nghi thức, tập tục, tín ngưỡng và khẳng định vai trò quan trọng của người phụ nữ Chăm trong các sinh hoạt gia đình cá nhân như ma tang, cưới hỏi, cúng bái, thừa kế... Tuy nhiên ngày nay, với sự biến đổi về chế độ kinh tế xã hội và giao thoa với các nền văn hóa khác, chế độ mẫu hệ Chăm chỉ còn biểu hiện ở quan hệ tộc họ trong các sinh hoạt có tính chất tinh thần, tâm linh và chế độ thừa tự.

Theo quan niệm của người Chăm, *tang lễ* là tổng hòa những hoạt động của những người đang sống dành cho người chết, thể hiện mối quan hệ giữa con người với con người, bị chi phối đậm nét

bởi tôn giáo. Người Chăm trong xã có quan niệm chết lành và chết không lành. Chết không lành phải qua lễ đuổi tà cầu hồn (chi-áo kalơn).

Tập tục táng tử thi của người Chăm Bàlamôn chủ yếu là hỏa táng tức là thiêu xác người chết. Cũng có nhiều trường hợp vì các lý do nào đó không làm lễ hỏa táng ngay khi chết được thì chỉ làm nghi thức đơn giản đem đi chôn tạm, để sau 3 năm bốc cốt lên làm lễ hỏa táng đúng theo tập tục (đám thiêu khô). Riêng đối với trẻ vị thành niên dưới 16 tuổi thì không hỏa táng mà chỉ đem chôn theo tập tục "Một đêm nằm". Tuy nhiên ngày nay cũng có người lớn vẫn chôn theo tập tục "một đêm nằm". Ngoài ra trong xã có một tộc họ lớn gồm nhiều gia đình ở thôn Bình Hiếu và Bình Đức theo tập tục chôn gọi là tộc họ "Chăm Phòn" ("Phòn" là hòm). Trong một xóm làng, khi đang có đám tang thì không thể tiến hành đồng thời các loại lễ khác như cưới xin, lễ múa... và không thể dựng hai nhà lễ tang. Đám tang còn phải kiêng kỵ không được làm trong ngày xấu, ngày hỏa, sóc, vọng hoặc trong thời gian đạo Bà Ni hành lễ Ramưwan.

Sau khi hỏa táng, người ta lấy xương trán cắt mài thành 9 miếng tròn nhỏ bỏ vào một hộp bằng

kim loại (vàng, bạc, đồng) gọi là "Ka-lông" để thờ phượng. Liên quan đến di cốt trong hộp "ka-lông" có các lễ cúng tuần (Chíp) giáp tháng, giáp năm, giáp 3 năm; lễ cúng giỗ (chíp phuôl); lễ lập "Kút"; lễ nhập di cốt vào "Kút" và lễ viếng "Kút". "Kút" mang ý nghĩa như là nghĩa địa chung của cả một tộc họ để chôn các di cốt hỏa táng sau mỗi giáp 3 năm. Việc lập "Kút" khá tốn kém nên không phải tất cả tộc họ nào cũng đều có "Kút". Toàn xã Phan Hiệp hiện nay có 14 "Kút" tộc họ.

Biểu hiện *tín ngưỡng gia đình* của người Chăm Phan Hiệp là việc thờ cúng linh hồn tổ tiên cùng một tộc họ gọi là thờ "a-tâu" gồm "a-tâu chớ" (tộc núi) và "a-tâu ta-thí" (tộc biển) có nghi thức cúng lễ khác nhau, biểu hiện bằng "chiết a-tâu". Liên quan đến thờ "a-tâu" có lễ cúng nhập tộc "iêu a-tâu-pa-ró", lễ múa "ri-chà" gia đình, tộc họ.

Riêng lễ cúng "Katê" và "Cha-bul", đây là các tập tục thờ cúng tổ tiên ông bà của người Chăm theo đạo Bàlamôn tương tự người Chăm Bàn cúng Ramưwan. "Katê" tiến hành vào tháng 7 và "Cha-bul" vào tháng 9 lịch Chăm. "Katê" diễn ra trong phạm vi thượng tuần và "Cha-bul"

trong phạm vi trung tuần của tháng (ngày rằm hoặc 16) như tục ngữ Chăm: "Katê thì phì nguồ, Cha-bul thì ka lăm". Hiện nay, trong xã Phan Hiệp số hộ cúng "Chabul" rất ít, đại đa số cúng "Katê". Có hộ đều đặn năm nào cũng cúng, nhưng cũng có hộ do tài chính khó khăn thì năm cúng, năm nghỉ. "Katê" là hình thức, là cơ hội mà con cháu, những người còn sống thể hiện lòng thành kính và hiếu thảo tưởng nhớ đến tổ tiên, ông bà, cha mẹ, những người đã khuất. Bà con họ hàng thân tộc, bạn bè, đồng nghiệp, sui gia có dịp quây quần, tụ họp, bày các lễ vật đã cúng xong ra ăn uống vui vẻ, kể cả bà con hàng xóm láng giềng cũng được mời đến chung vui.

Ngoài các lễ nghi tưởng nhớ tổ tiên, đồng bào Chăm xã Phan Hiệp còn có một số *lễ nghi cầu xin cho làm ăn, sức khỏe gia đình* như:

- Các lễ cúng liên quan đến cây lúa gồm: Lễ dựng chòi "Pathằng Tôn" khi mới xuống cày. Khi lúa làm đòng sắp trở có lễ "Đố chi-al". Sau khi thu hoạch đưa lúa về nhà, có lễ tại sân lúa là lễ "Ta-khộ Lal".

- Lễ cúng đất và lễ cúng tuổi đầu năm.

- Cúng tẩy trần nhà, đất do các chức sắc thầy Xế (thầy Cả) Balamôn thực hiện. Cũng có khi lễ này do thầy Chang (Ôn I-mươ̄m) Bà Ni thực hiện.

Tuy bị dồn vào sinh sống tập trung lẫn lộn để rồi được tổ chức thành các đơn vị hành chính ấp, thôn qua các thời kỳ, nhưng đơn vị dân cư hình thành từ xưa là "pa-lây", đến nay vẫn còn tồn tại thể hiện trên hai sinh hoạt lễ nghi là lễ múa làng (Ri-chà Nư-khành) và Ka Tê làng. Hàng năm, vào hai thời điểm tiến hành hai lễ nghi trên, cả 8 làng vẫn tổ chức riêng, kể cả làng Nha Mon tuy đã nhập vào làng Kỳ La.

- "Ri-chà Nư-khành" là lễ múa tổ chức vào đầu năm Chăm lịch, mang ý nghĩa tống khứ đi khỏi làng những xui xẻo, tai họa, bệnh tật và cầu xin bước vào năm mới, vào vụ sản xuất mới mọi sự tốt lành, mưa thuận gió hòa, xóm làng bình yên, hạnh phúc.

- Ka Tê làng: Là lễ nghi tưởng nhớ đến tổ tiên, ông bà trong làng, được thực hiện trong tháng 7 Chăm lịch, tại nhà làng và tại đền thờ "Pô" của làng (nếu làng có đền thờ). Nhân dịp này, các làng đều tổ chức các hội thi, hội diễn văn nghệ thể thao vui tươi, sôi nổi. Đặc biệt có

Ka Tô Pô Nít của làng Bình Hiếu, hằng năm đều tổ chức lễ hội linh đình, được các đại biểu đại diện các cơ quan đoàn thể các cấp đến tham dự chung vui.

Với bản sắc văn hóa phong phú, đa dạng cùng với tiềm năng về lao động, đất đai; ngày nay, nhân dân Phan Hiệp dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam sẽ xây dựng được cuộc sống ấm no, hạnh phúc, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

PHẦN THỨ NHẤT

NHÂN DÂN XÃ PHAN HIỆP THAM GIA ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (8/1945 - 7/1954)

Chương I:

ĐẤU TRANH CHỐNG ÁP BỨC BÓC LỘT CỦA THỰC DÂN, PHONG KIẾN (Những năm trước 1945)

Thời kỳ thực dân, phong kiến trước năm 1945, nhân dân 8 làng Chăm (nay thuộc xã Phan Hiệp) sinh sống chính bằng nghề trồng trọt. Dựa theo dòng của các con sông, suối trong vùng thường xuất phát từ các ngọn núi cao phía tây bắc chảy xuống thấp dần về phía đông nam, người Chăm các làng đã biết ngăn sông suối, đắp các đập thô sơ, đào mương đem nước về khai khẩn đất đai làm ruộng trồng lúa nước và làm rẫy trồng các loại cây ít cần nước như: bắp, khoai, đậu, mè, bầu, bí, cà, dưa gang hoặc trồng bông để kéo sợi

làm nguyên liệu cho nghề dệt thổ cẩm cổ truyền. Do đó tên theo tiếng Chăm gọi các con đập cũng là tên các cánh đồng hưởng nguồn nước của nó vẫn còn cho đến hôm nay như Cần Răng, Gòn, Ma Ó, Chà Vâu, É Chim... Có thể nói bên cạnh ruộng trồng lúa là chính, thì đất rẫy gần như một mảnh vườn nhỏ, một nguồn kinh tế phụ mà nhiều hộ nông dân thường làm chòi trại tại đây để trực tiếp, thuận lợi trong sản xuất. Lúc này mật độ dân cư thưa thớt, đất sản xuất chưa khó, sản phẩm trồng trọt dùng cho nhu cầu gia đình là chính, nên việc làm ruộng mang tính chất quăng canh, mỗi năm chỉ làm một vụ.

Cùng với làm ruộng rẫy, xưa kia đồng bào Chăm ở các làng còn chăn nuôi trâu bò để có sức kéo, sử dụng vào cúng kính theo phong tục tập quán và để bán.

Do đặc điểm cư trú, từng làng có thêm nghề phụ vào những lúc nông nhàn. Làng Trì Đức có nghề làm đồ gốm, một số dân làng Đa Phước gần bên cạnh cũng học cách làm và hình thành một xóm nhỏ gọi là xóm Gọ ta. Làng Thanh Hiếu theo phụ nghề biển với dân Phan Rí - Hòa Phú và vào rừng Khu Lê bắt ong lấy mật, đặt cạm bắt đông.

Các làng thuộc vùng cánh đồng phía bắc sông Lũy như Kỳ La, Chưởng Thiện, Ninh Hà, Tường Loan, thì do có hệ thống mương lớn nhỏ khá nhiều nên thường đi đơm cá và ở gần các cánh rừng ven núi nên hay đi săn măng hoặc khi đi chợ thường kết hợp đội thêm bó củi ra bán có thêm đồng tiền mua sắm thêm thức ăn. Các làng Kỳ La, Chưởng Thiện... phụ nữ chuyên nghề dệt thổ cẩm Chăm cổ truyền, phục vụ nhu cầu nội bộ và đem đổi chác với miền núi. Vào mùa nắng, sau khi đã thu hoạch lúa, đồng bào vào các cánh rừng trên núi khai thác gỗ, tre, là a, củi đem về dùng trong gia đình là chính như đóng xe trâu, xe bò, đóng cày bừa, làm nhà, chòi trại, nung đồ gốm. Còn dân Trì Đức đến vùng đất sỏi của làng Ninh Hà để khai thác đất sét chở về dự trữ cho làm gốm cả năm.

Việc sản xuất của nhân dân mang tính chất tự cấp, tự túc, rất ít có yếu tố thương mại vì điều kiện giao lưu, đi lại rất khó khăn. Trong vùng chỉ có những con đường mòn nối liền các làng do nhân dân tạo ra trong quan hệ làng xóm và nhu cầu sản xuất đời sống, còn liên lạc với các vùng thì bằng con đường cái quan. Chỉ từ sau năm 1895

thực dân Pháp mở con lộ Phan Rí - Phan Thiết (nay là quốc lộ 1A) và từ năm 1908 đến 1910, chúng tiến hành xây dựng con đường sắt Bắc Nam thì mọi việc giao lưu đều đi ngang qua xã. Trong làng không có chợ búa, việc mua bán phải ra các chợ xa như Chợ Lâu, Phan Rí. Do vậy đời sống một số làng cư trú gần chợ như Hựu An, Tường Loan... có đỡ hơn, còn các làng xa khu thị tứ, chợ búa thì cuộc sống người dân lạc hậu, cơ cực hơn. Một số người dân ở các làng đi chợ Nưng (I-ká nưng) miền núi, thực chất đổi chác là chính, đem các sản phẩm miền xuôi như thổ cẩm, muối, cá khô, nước mắm... đổi lấy bắp và các sản phẩm làm từ tre, là a, song mây của miền núi đem về tiêu dùng trong nội bộ làng xóm.

Với đặc điểm trông trọt là nghề làm ăn chính yếu nên ruộng đất là tư liệu sản xuất chủ yếu và quan trọng của đồng bào Chăm ở các làng. Bằng lao động cần cù của bao đời nông dân người Chăm đã khắc phục điều kiện tự nhiên khắc nghiệt để khai phá tạo dựng nên đồng ruộng tốt tươi, để từ đó, bằng kinh nghiệm và truyền thống canh tác đã tác động vào ruộng đất tạo ra nguồn lương thực duy trì sự tồn tại của mỗi cá nhân và của cả cộng đồng. Cho nên họ rất gắn bó chặt chẽ

đến mức sùng bái ruộng đất biểu hiện thông qua các lễ nghi trong trồng trọt. Tuy là người khai phá tạo thành ruộng đất, làm ra lương thực, thực phẩm, nhưng không phải tất cả mọi nông dân lao động trong các làng trên đều có quyền sở hữu về ruộng đất. Thời kỳ dài từ phong kiến Chăm, bước qua phong kiến nhà Nguyễn đến thời đô hộ của thực dân Pháp, cả vùng ruộng đất rộng lớn tương đối dễ làm ăn trên các cánh đồng thuộc các làng trên đây đã trải qua nhiều sự biến động phức tạp về quyền sở hữu. Ngoài một phần lớn, diện tích ruộng đất chuyển qua các quan lại, địa chủ người Việt ở các làng lân cận bằng nhiều phương thức, thủ đoạn cho đến cuối thế kỷ 19 sang thế kỷ 20, sở hữu ruộng đất trong các làng trên đây gồm 2 loại chủ yếu là công điền và tư điền.

Công điền: Thường gọi là ruộng làng ("ha-mu làng" hoặc "ha-mu pa-lây") thuộc sở hữu của cộng đồng làng, chiếm khoảng 1/5 tổng diện tích ruộng đất các làng, có nguồn gốc là những ruộng không người quản lý đem giao cho làng hoặc "ha-mu Pô", "ha-mu Dang" thuộc về làng thờ phượng.

Tư điền: gồm các loại "ha-mu thang", "ha-mu phùm", "ha-mu kút", "ha-mu họ" (ruộng họ).

Trong mỗi làng có một vài hộ có từ 10 đến 20 ha, cá biệt có hộ có từ 50 đến 60 ha, số này thường là các quan chức, chức sắc phong kiến các triều đại mà sở hữu ruộng đất có được từ sự ban phát của triều đình, từ các thủ đoạn bao chiếm, chiếm đoạt do có quyền hành ưu đãi của Nhà nước phong kiến. Những hộ này vừa trực tiếp làm, vừa phát canh thu tô, hàng năm thu vào từ 40 đến 50 xe lúa, cá biệt hàng trăm xe lúa (1 xe = 1 tấn), đời sống khá giả nhất trong làng, có quyền hành ăn nói, con cái được đi học các trường Pháp Việt trong vùng, có người học cao hơn đi xa ra ngoài huyện, ngoài tỉnh.

Một số ít hộ khác có từ 3 đến 5 ha do thừa kế lưu truyền, do tích lũy mua được cố gắng giữ gìn và cũng do cần cù khai phá được từ những khu đất xa, xấu bị người khác chê bỏ. Còn lại phần lớn số hộ trong mỗi làng, tuy sinh sống chính bằng nghề nông làm ruộng nhưng không có hoặc có rất ít ruộng đất. Tất cả số hộ này tuy có mức độ khác nhau về sở hữu tư liệu sản xuất ruộng đất, trâu bò nhưng lại có cái chung là thiếu tiền vốn cho sản xuất và trang trải cho một số nhu cầu bức xúc trong năm của gia đình như chữa bệnh, cúng bái... Dưới chế độ thực dân phong kiến, họ là lớp người

phải gánh chịu nặng nề nạn thuế má, tô tức và chịu sự bóc lột từ việc đi vay nợ các hộ khá giả trong làng hoặc người Việt các làng lân cận. Các loại thuế như thuế đinh (thuế thân), thuế điền thổ nộp cho Nhà nước phong kiến mức đóng năm sau cao hơn năm trước. Khi đến kỳ nộp thuế, do không có tiền, họ phải chạy vay mượn nơi các hộ khá giả chuyên sống bằng nghề cho vay hoặc bán đồ đạc, lương thực để lấy tiền nộp thuế. Có những gia đình không có tài sản có giá trị thì họ phải cho con ở đợ làm thuê, làm mướn cho đủ tiền đóng thuế. Làng nào thuế má còn bê trễ thì quan trên sai lính lệ về làng đốc thuế. Họ đến từng nhà thiếu thuế, bắt đem ra sân làng, căng nọc ra đánh hay tra chân vào cùm. Ai có ý chống đối thì bị gông đưa về giam cầm ở huyện đường. Bên cạnh thuế, còn có nạn tô tức và trả nợ vay. Số nông dân lãnh canh bằng các hình thức đấu giá công điền, lãnh canh, làm rẽ ruộng của các hộ cho phát canh thu tô thì tùy hình thức mà đến vụ thu hoạch, phải đong chia lúa tô tức. Nông dân trực canh chỉ còn lại một phần. Đã vậy phải trả các khoản nợ vay, với lãi suất cắt cổ. Những năm thời tiết thuận lợi thì còn dư chút ít mang về cả gia đình ăn một vài tháng, còn những năm mất mùa, thanh toán hết

lúa mà chưa hết nợ, chẳng những "vác mỗ gậy về không" mà nợ còn chồng chất mùa này sang mùa khác. Cảnh những chủ nợ đi đòi nợ, xiết đồ, đánh đập chửi bới diễn ra hàng ngày làm cho làng xóm không yên ổn. Hộ có ít ruộng đất, trâu bò thì đem gán nợ theo các hình thức "thục, mại" để rồi đi đến trắng tay. Có hộ không còn khả năng lãnh ruộng làm mà chỉ bán sức lao động bằng cách đi ở đợ theo vụ, theo năm; từ đời này qua đời khác. Trong các làng Chăm, dần dần hình thành sự phân hóa giàu nghèo: một số người giàu lên có nhiều ruộng đất trâu bò và nắm các chức sắc trong làng; trong khi một số nông dân khác ngày càng bần cùng, xơ xác. Đã thế lại còn phải chịu cảnh đi xâu khiêng võng chuyển quan ta, quan Tây cùng cống vật từ làng, trạm này sang làng, trạm khác hoặc đi phu làm đường bộ, đường xe lửa; bị cúp phạt, roi vọt đánh đập trong khi làm việc; làm cho nhiều người đuối sức, đau bệnh, khiếp sợ phải bỏ trốn đi vùng khác sinh sống.

Đã bị bần cùng về kinh tế, bọn thực dân phong kiến còn lũng đoạn về đời sống tinh thần. Lợi dụng vào quá khứ lịch sử dân tộc, chúng khoét sâu các mâu thuẫn giữa người Chăm trong các làng với người khác dân tộc ở các làng khác

nhằm chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, thực hiện ý đồ thống trị của chúng. Chúng rêu rao chiêu bài khai hóa văn minh cho nhân dân. Nhưng trên thực tế, thực hiện chính sách ngu dân, chính quyền thực dân phong kiến xây dựng đồn bót, nhà tù nhiều hơn là mở nhà thương, trường học. Văn học nghệ thuật dân tộc không được phát huy, chữ Chăm không phát triển được. Bên cạnh chúng khuyến khích lối sống tự do, phóng túng, cờ bạc rượu chè; thả nổi để cho các tập tục lạc hậu và mê tín dị đoan phát triển. Sức khỏe nhân dân ít được quan tâm, khi đau bệnh không có thuốc men, chỉ biết nhờ vào cúng bái tin vào thần linh phù hộ; phụ nữ sinh đẻ thì nhờ các bà mụ vườn. Rất ít có cơ sở và đội ngũ nhân viên y tế. Toàn khu vực Hòa Đa - Phan Lý chỉ có một nhà thương Tây ở cuối làng Long Lễ, xã Phan Rí Thành (cạnh chùa Tòng Lâm Vạn Đức tự hiện nay), trong đó có ông Dụng Tài, người làng Hựu An làm y tá. Tình trạng hữu sinh vô dưỡng và bị cơn bệnh dịch tả đầu năm 1945 hoành hành, đã làm cho dân số các làng giảm sút; một số làng, xóm điêu tàn dân còn quá ít như làng Ninh Hà, hoặc phải nhập chung vào làng khác như làng Nha Mon, Tố Lý. Toàn vùng Hựu An - Chợ Lầu chỉ có một ngôi trường Pháp - Việt của nhà nước phong kiến thực dân, cơ sở đặt tại làng Đa Phước phía

trước huyện đường Phan Lý Chàm mà cấp học cao nhất cũng chỉ đến tiểu học. Việc học hành của trẻ em các làng Chăm vô cùng khó khăn; ngoài chuyện tiền bạc còn phải đi bộ xa qua các con đường mòn ít an toàn, thường xuyên gặp sự chặn đường trên chóc của thanh thiếu niên các làng xung quanh, do vậy mà số thanh niên các làng Chăm của Phan Hiệp tốt nghiệp tiểu học (primaire) rất hiếm. Trước năm 1945, làng Trì Đức có 3 người; làng Hựu An có 5 người đậu tiểu học, 1 người học trung học (collège) năm thứ tư tại Qui Nhơn. Tuy nhiên vốn sẵn có tinh thần hiếu học, cho nên không riêng gì một số nhà giàu có khá giả, mà có khá nhiều gia đình nghèo khó (20% dân số các làng) đã khắc phục khó khăn tìm mọi cách tạo điều kiện cho con em được theo học, dù không được lên cao như các nhà khá giả, nhưng cũng đến được lớp nhì, lớp ba.

Với cảnh bóc lột hà khắc của các thế lực cai trị đã làm nảy sinh mâu thuẫn âm ỉ giữa nông dân lao động với tầng lớp bóc lột; cùng với mâu thuẫn gay gắt giữa nhân dân Chăm yêu nước trong các làng với bọn thực dân, phát xít cướp nước và bọn tay sai. Nhân dân mong muốn có một cuộc đổi đời nên đã có một số cuộc đấu tranh của người Chăm chống thực dân phong kiến.

Vào những năm 1885 - 1886, một số thanh niên Chăm ở các làng trên đã tham gia cuộc khởi nghĩa của lãnh binh Nguyễn Văn Luận ở Chí Công; tham gia nghĩa quân Cao Hành của làng Xuân Hội.

Để khai thác các nguồn tài nguyên của đất nước ta, từ năm 1908 đến năm 1910, thực dân Pháp mở rộng đường 1A và làm đường sắt, chúng bắt người Việt, người Chăm ở Hòa Đa, Phan Lý Chàm phải đi phu rất cực nhọc vất vả. Họ phải làm việc quần quật ngày đêm và bị đánh đập dã man. Bất mãn với bọn Pháp, số người Chăm trong các làng bỏ công trường kéo nhau về huyện đường kiện lên tri phủ Lư Thành Cây. Phủ Cây dẫn đồng bào đến công trường gặp viên chỉ huy người Pháp tố cáo những hành vi nhục mạ đến thân thể nhân phẩm người Chăm. Trước thực tế đó, viên chỉ huy người Pháp đã nhượng bộ, không còn đánh đập, dọa dẫm và hành hạ đồng bào nữa. Kết quả này cổ vũ được số đông đồng bào Chăm đang phải lao công tạp dịch đi phu trên công trường.

Năm 1935, tri huyện Trần Ngọc Chánh vụ cáo ông Lâm Vện là lý trưởng làng Kỳ La "lấy

ruộng công điền đem đi thực thu lợi bất chính" để lấy cơ khám nhà ông Lâm Vận, lấy đi 40 tấm chăn ("khanh"). Được sự hậu thuẫn của dân làng Kỳ La, ông lý trưởng đã kiện lên Tuần vũ Bình Thuận, cuối cùng tên tri huyện Chánh phải bị đổi đi nơi khác.

Năm 1936 - 1937, khi Mặt trận Bình Dân Pháp lên cầm quyền ở Pháp, hưởng ứng phong trào đòi dân sinh dân chủ, đòi tự do cơm áo do Đảng ta phát động, nhân dân cùng lý trưởng của 4 làng gồm Đàng Điệu làng Tịnh Mỹ; Cao Đức Cang làng Xuân Quang, Cao Đàm làng Xuân Hội; Quách Quế làng Trì Đức đã kiện tên tri huyện Trần Ngọc Mậu lên triều đình Huế, buộc triều đình phải đổi Trần Ngọc Mậu đi nơi khác về hành vi đòi lấy lại công điền làng và ăn hối lộ của y.

Năm 1938, đồng chí Lâm Đình Trúc, một đảng viên cộng sản ở Phan Thiết về vận động lý trưởng và nhân dân các làng Chăm kéo xuống phủ Hòa Đa, đưa đơn kiến nghị đòi giảm tô nước. Trước phong trào đấu tranh của quần chúng, tri phủ Hòa Đa đã phải yêu cầu tên Lãng-Lê (Langlet), chủ đập Đồng Mới phải giảm 10%

thuế nước. Kết quả của cuộc đấu tranh đã có ảnh hưởng tốt đến đời sống kinh tế - chính trị của nông dân Chăm và làm cho chính quyền phong kiến thực dân ở địa phương lúng túng đối phó. Phong trào này cũng biểu hiện ý chí và nguyện vọng của nông dân trong các làng Chăm đã theo Đảng hướng dẫn đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ.

Tháng 6/1941, thực dân Pháp đầu hàng phát xít Nhật, mở cửa cho quân Nhật vào Đông Dương. Nhân dân Việt Nam trong đó có đồng bào các làng Chăm chịu cảnh một cổ ba trùng. Từ những năm 1941 - 1945, phong trào Việt Minh được thành lập trong cả nước và nhen nhóm phát triển ở Hòa Đa, đã ảnh hưởng đến một số nhân sĩ trí thức người Chăm có tinh thần yêu nước ở các làng. Tuy chưa hiểu biết về Đảng cộng sản, chưa có những người cộng sản tuyên truyền giải thích, chưa có người tham gia và chưa có cơ sở Việt Minh, nhưng trước bối cảnh lịch sử sôi động cách mạng trong nước và khu vực thì lòng căm thù đế quốc và phong kiến, ý thức đấu tranh đòi độc lập tự do của nhân dân các làng đã được khơi dậy, chờ đón phong trào cách mạng tổ chức cho nhân dân hành động.

Chương II:

THAM GIA GIÀNH VÀ CỨNG CỐ CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG (8/1945 - 12/1945)

Vào những tháng đầu năm 1945, tình hình thế giới và trong nước có những biến động quan trọng. Ngày 9/3/1945 Nhật đảo chính Pháp; Trung ương Đảng có chỉ thị "Nhật, Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta". Từ tinh thần chỉ thị này, các tổ chức Việt Minh trong cả nước nhanh chóng tập hợp lực lượng quần chúng đón thời cơ và chờ lệnh cấp trên. Ngày 9/5/1945, phát xít Đức đầu hàng Liên Xô không điều kiện. Ngày 13/8/1945, Nhật đầu hàng Đồng Minh. Cũng trong ngày hôm đó, lệnh Tổng khởi nghĩa của Đảng ta từ Tân Trào được phát ra cả nước.

Phong trào khởi nghĩa giành chính quyền do Việt Minh lãnh đạo như ngọn sóng trào không gì cản nổi. Ngày 24/8/1945, Việt Minh tỉnh Bình Thuận lãnh đạo giành chính quyền tại Phan Thiết. Ngày 25/8/1945 toàn bộ chính quyền huyện Hòa Đa về tay nhân dân. Ảnh hưởng của các sự kiện này đã tác động mạnh tới chính quyền

thực dân, phong kiến cũng như nhân dân các làng Chăm thuộc huyện Phan Lý Chàm, nhất là lớp thanh niên trai trẻ có ít nhiều học thức hết sức phấn khởi và sục sôi khí thế, chỉ chờ được tổ chức sẽ sẵn sàng tham gia lực lượng khởi nghĩa lật đổ chế độ phong kiến giành lấy chính quyền về tay nhân dân. Trong lúc đó, vào ngày 25/8/1945, lớp huấn luyện thanh niên huynh trưởng tại Chợ Lầu đã nhảy bển chớp thời cơ, chia làm hai đội có trang bị giáo, mác, cây, gậy tiến vào huyện đường Phan Lý Chàm. Tri huyện Phạm Ngọc Cẩn sớm giác ngộ, đã chuẩn bị sẵn ấn tín giấy tờ, nên khi lực lượng khởi nghĩa đến đã tiếp nhận sự đầu hàng nhanh chóng không có gì khó khăn trở ngại. Sau khi giao lại ấn tín, tri huyện Cẩn viết một cái trát đại ý là, bây giờ Tri huyện đã đầu hàng và nộp tất cả con dấu, giấy tờ cho Việt Minh rồi thì các lý trưởng bên dưới đừng tin tưởng chính phủ Trần Trọng Kim nữa mà phải đầu hàng Việt Minh đi, để cho lực lượng khởi nghĩa đưa về cho các lý trưởng. Tiếp đó lực lượng khởi nghĩa phát truyền đơn biểu ngữ cho lý trưởng để đi rải, dán trong xóm làng và hô hào vận động nhân dân đi dự mít-tinh.

Sau khi giành chính quyền huyện Phan Lý Chàm, những người khởi nghĩa đã lập ngay một huyện mới đặt tên là Nam bộ Hòa Đa, ranh giới từ Hựu An, Chợ Lầu đến Bình Thiện bao gồm các làng Chăm và Việt, cử ra chính quyền lâm thời Nam bộ Hòa Đa gồm có 7 người do ông Nguyễn Cẩm (Trợ Cẩm) làm Chủ tịch, ông Nguyễn Quang Đẩu (Giáo Đẩu) làm Phó Chủ tịch, ông Trương Trọng Hy làm Ủy viên thư ký, ông Nguyễn Ngọc Châu làm Ủy viên Tuyên truyền, ông Nguyễn Ngọc Anh làm Ủy viên Tài chánh, ông Lê Thượng Ích làm Ủy viên Quân sự - Thanh niên, ông Trần Cảnh làm Ủy viên Tư pháp, đóng trụ sở huyện ở làng Xuân An (Chợ Lầu). Ngày 29/8/1945, tại sân vận động Phan Lý Chàm (khu dân cư thôn Bình Đức ngày nay) đã diễn ra cuộc mít-tinh chào mừng Cách mạng tháng Tám thành công và ra mắt chính quyền lâm thời, có hàng ngàn đồng bào các làng trong huyện tổ chức thành từng đoàn quần áo chỉnh tề, cờ xí, biểu ngữ kéo về sân lễ.

Cách mạng tháng Tám thành công, với lý tưởng xây dựng một xã hội mới tốt đẹp hơn; nhiều thanh niên có trình độ học vấn ở các làng Chăm và một số chức sắc lý, tổng có tư tưởng tiến

bộ đã tham gia vào bộ máy các cấp huyện và làng, xã.

Tháng 9 năm 1945, lần lượt các ông Lê Trung Ngạn và tiếp đến là đồng chí Cổ Văn An với tư cách là phái viên của tỉnh từ Phan Thiết ra, chủ trì họp bàn thành lập huyện Phan Lý. Theo chỉ đạo của tỉnh, huyện Phan Lý dưới chế độ cách mạng được lập tháng 9 năm 1945 theo ranh giới gồm tất cả các làng cũ thời phong kiến của 2 tổng người Chăm là Tuân Giáo, Ninh Hà và 1 tổng miền núi là Cây Da; riêng tổng miền núi La Bá và tổng Tuy Tịnh thì thuộc về huyện Tuy Phong. Cấp huyện gọi là huyện bộ gồm có Ủy ban Cách mạng Lâm thời (UBCMLT), bên cạnh có Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể cứu quốc. Tỉnh chọn trong số nhân sĩ, trí thức trẻ tham gia sau khi giành chính quyền để chỉ định vào UBCMLT huyện Phan Lý, gồm có 6 thành viên.

- Ông Thanh Giác (làng Cảnh Diển) làm Chủ tịch.

- Ông Văn Nưng (làng Hậu Quách) làm Phó Chủ tịch.

- Ông Lâm Nai (làng Hựu An) làm Ủy viên Thư ký.

- Ông Lữ Dụng (làng Hựu An) làm Ủy viên Tài chính.

- Ông Đặng Lô (làng Minh Mỹ) làm Ủy viên Quân sự.

- Ông Dụng Gạch (làng Tịnh Mỹ) làm Ủy viên Kinh tế.

Ông Phạm Ngọc Cẩn, nguyên là tri huyện Phan Lý Chàm cuối cùng, do giác ngộ tốt, được cử làm Chủ nhiệm Việt Minh huyện Phan Lý.

Ta xóa bỏ cấp tổng. Mỗi làng là một đơn vị hành chính trực thuộc huyện và gọi là xã bộ. Riêng 4 làng Kinh cựu là Tân Mục, Tuấn Giáo, Xuân Hội, Xuân Quang xin nhập về huyện Hòa Đa. Bộ máy xã bộ cơ cấu giống như cấp huyện. UBCM lâm thời 7 xã bộ (thuộc Phan Hiệp sau này) gồm có:

- Ở Trì Đức có các ông Cửu No, Mai Bò.

- Thanh Hiếu có các ông Đàng Tiết, Đàng Cá.

- Hựu An có các ông Qua Tý, Dụng Mít.

- Tường Loan có các ông Văn Ngọc Dụng, Lâm Nhội.

- Ninh Hà có các ông Văn Hóa, Văn Chợ, Thanh Thân.

- Kỳ La có các ông Văn Khà, Phan Nài, Dụng Đá.

- Chưởng Thiện có các ông Đào Ngọc Thủy, Kim Hùng, Lương Đắc Có.

Cùng với thiết lập bộ máy chính quyền, các đoàn thể cứu quốc như Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân,... cũng được xây dựng, phát triển rộng khắp ở các làng xã, hợp cùng chính quyền cách mạng tạo thành cơ sở chính trị cho xã hội mới. Hoạt động của các đoàn thể tập trung vào tuyên truyền vận động để mọi người dân tự nguyện, tự giác tham gia sôi nổi vào các phong trào hành động cách mạng trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, thật sự là chỗ dựa vững chắc đáng tin cậy cho chính quyền non trẻ.

Đến tháng 9 năm 1945, chính quyền từ huyện đến cơ sở đều được thành lập xong, bắt đầu điều hành mọi công việc ở địa phương, đồng thời cũng vĩnh viễn chôn vùi chế độ quân chủ phong kiến thối nát, xóa bỏ ách đô hộ của thực dân Pháp.

Thực hiện các chủ trương, chính sách của tỉnh và của huyện, chính quyền Cách mạng lâm

thời ở các làng, xã đã tuyên bố xóa bỏ mọi thứ thuế vô lý và nợ nần trong thời chế độ cũ, phát động nhân dân thực hiện lời kêu gọi của Bác Hồ chống ba thứ giặc là giặc ngoại xâm, giặc đói và giặc dốt, thi đua sản xuất thực hành tiết kiệm. Đáp ứng lời kêu gọi của chính quyền, nhân dân ở các làng đã đẩy lên phong trào khai hoang phục hóa, thi đua sản xuất, trồng thêm khoai, mì, tiết kiệm lương thực để từng bước ổn định đời sống góp phần ổn định chính trị địa phương. Với khí thế sôi nổi, chính quyền cách mạng còn kêu gọi và tổ chức cho nhân dân trong các làng tham gia phong trào "diệt giặc dốt" để làm cho mọi người đều biết chữ phổ thông. Nhận thức được việc học để biết chữ là cần thiết nên nhà nhà, người người đều tham gia dạy và học. Ban đêm học tại nhà làng, mỗi người tự làm một cây đèn; người biết chữ dạy người không biết chữ; người biết nhiều dạy người biết ít; cha - con, chồng - vợ dạy cho nhau; mọi người học tập lẫn nhau tạo thành phong trào quần chúng tham gia việc học bình dân. Mỗi thôn đều có một lớp học, tùy thôn nhiều thôn ít. Thôn học đông nhất là Trì Đức, Thanh Hiếu. Ngoài tuyên truyền vận động để mọi người tự giác tham gia, chính quyền đoàn thể ở cơ sở còn

tổ chức giảng dạy đố chữ ở các lối ra vào xóm làng, vào chợ búa: ai đọc được chữ thì cho đi qua, ai đọc không được thì bắt buộc trở lại; kể cả hình thức biểu dương khen thưởng. Nhờ vậy mà chỉ trong thời gian ngắn mấy tháng, số lượng người biết chữ đã tăng lên; đáng kể là các chị phụ nữ Chăm trong các làng, là tầng lớp đã bao đời nay không hề được học hành, biết chữ thì nay nhiều chị đã đọc thông, viết thạo, hiểu được đường lối kháng chiến và kiến quốc của Đảng và Bác Hồ đề ra.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Chính phủ vận động nhân dân ủng hộ thực hiện "Tuần lễ vàng", "Tuần lễ đồng" để có tài chính và nguyên vật liệu đúc súng đạn; từ ngày 17 đến 24/9/1945 các đoàn thể cứu quốc đi vào từng gia đình trong các làng giải thích mục đích yêu cầu làm cho nhân dân hiểu rõ để từ đó tham gia tích cực. Phát động đến đâu, thu nhận ngay đến đó. Sau một tuần vận động, người có vàng thì góp vàng, người không có vàng thì góp đồ đồng, đồ gang như nồi, mâm, lư hương, chân đèn, cá biệt có cả báu vật quý giá của hoàng tộc, cho cách mạng. Kết quả tổng cộng ở tất cả các làng (của xã Phan Hiệp ngày nay) đã đóng góp 14 lượng, 8 chỉ vàng và hàng trăm ký

đồng gang; đặc biệt trong đó riêng tộc họ phụ trách thờ phượng Pô Nít ở Thanh Hiếu (xóm Giàng) đã đóng góp hiện vật 1 cái chén và 1 búi tóc bằng vàng hơn 10 lượng. Vào thời điểm đó, trong hoàn cảnh còn nhiều khó khăn thì kết quả trên đây không phải là nhỏ và lớn hơn đó chính là tấm lòng, niềm tin của người dân các làng Chăm đối với chính quyền và chế độ mới.

Song song với việc thành lập, củng cố chính quyền, các đoàn thể nhân dân và việc giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội, thì phong trào xây dựng lực lượng tự vệ, luyện tập quân sự, bảo vệ an ninh làng xóm cũng sôi động không kém. Huyện rút những thanh niên trẻ khỏe hăng hái của các làng như: Cửu Tiết Kiệm (làng Trì Đức), Huỳnh Đồng (làng Thanh Hiếu), Lư Thái Đắc (làng Hựu An), Lâm Gửi (làng Tường Loan), Văn Thảo và Đồng Trì (làng Chưởng Thiện) đi dự các lớp huấn luyện quân sự do ông Đặng Lô phụ trách tại huyện. Sau khi kết thúc đợt huấn luyện ở huyện, các anh về tổ chức huấn luyện lại cho số thanh niên trong đội tự vệ tập trung của làng có từ 10 đến 15 người tại sân làng và các bãi đất trống. Chính quyền và các đoàn thể vận động nhân dân lập "hũ gạo đồng tâm", "hũ gạo cứu

quốc" tại mỗi nhà để có lương thực nuôi đội tự vệ luyện tập. Lực lượng tự vệ các làng tổ chức canh giữ xóm làng, tuần tra kiểm soát, ai lạ mặt đến làng đều được hỏi giấy tờ kiểm tra chặt chẽ.

Cuối năm 1945, tình hình trong nước diễn biến phức tạp. Núp dưới bóng quân đồng minh giải giáp quân Nhật, thực dân Pháp tìm mọi cách tiến hành âm mưu và hoạt động xâm lược nước ta lần thứ hai. Ngày 23 tháng 9 năm 1945, quân Pháp được quân Anh giúp sức đánh chiếm Sài Gòn và sau đó ra các tỉnh Nam bộ. Trước âm mưu của giặc, các làng - xã vừa tập trung xây dựng củng cố chính quyền, vừa chuẩn bị lực lượng và điều kiện để đánh Pháp; đồng thời sôi nổi tham gia học tập về mục đích ý nghĩa, thể lệ bầu cử, danh sách ứng cử viên để chuẩn bị thật tốt cho cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vào ngày 06 tháng 01 năm 1946. Việc tuyên truyền cổ động cho ứng cử viên của Mặt trận Việt Minh là Nguyễn Tương và bác sĩ Huỳnh Tấn Đối, trí thức tiến bộ được tiến hành khéo léo bằng các câu thành ngữ "Cá đối kho tương" hoặc 2 từ "Tương - Đối". Do ý thức được đây là ngày hội lớn, tự hào

là một công dân của một nước độc lập, lần đầu tiên sau hơn 80 năm nô lệ, được đi bầu những người đại diện cho mình vào cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất theo các nguyên tắc: phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín; nên từ sáng sớm, toàn thể cử tri từ 18 tuổi trở lên của các làng đã ăn mặc chỉnh tề tập trung về các địa điểm bầu cử được trang hoàng long trọng, để bỏ lá phiếu bầu người mình tín nhiệm. Kết quả đã góp phần đưa 2 ứng cử viên do Mặt trận Việt Minh giới thiệu đắc cử làm đại biểu Quốc hội của đơn vị tỉnh Bình Thuận, tạo ra ý nghĩa chính trị rất quan trọng là người Chăm ở các làng đã khẳng định được quyền và nghĩa vụ của mình, đóng góp thiết thực vào việc xây dựng chế độ mới, tỏ rõ ý nguyện và lòng tin theo Đảng và Bác Hồ, giữ vững thành quả cách mạng vừa mới giành được. Sau khi Quốc hội họp phiên đầu tiên tại Hà Nội, thì UBCM Lâm thời các cấp tỉnh, huyện, xã đổi thành Ủy ban Hành chánh (UBHC).

Cách mạng tháng Tám thành công, bước đầu đã mang lại cho người dân ở các làng Chăm (thuộc Phan Hiệp ngày nay) những quyền lợi thiết thực về kinh tế - chính trị - xã hội với một

cuộc sống mới hứa hẹn nhiều tốt đẹp. Ngày vui chưa được bao lâu, thì thách thức mới lại đến: Thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta lần thứ hai. Được khí thế của Cách mạng tháng Tám cổ vũ, đồng bào Chăm các làng lại cùng cả tỉnh, cả huyện đứng lên hưởng ứng lời hiệu triệu của Chủ tịch Hồ Chí Minh "...Thà hy sinh tất cả, chứ không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ", tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, bảo vệ thành quả cách mạng.

Chương III:

THAM GIA KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC LẦN THỨ HAI (01/1946 - 7/1954)

Sau cuộc bầu cử Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa thành công tốt đẹp, giữa lúc nhân dân các làng xã Chăm đang chuẩn bị cùng vui Tết Nguyên đán độc lập đầu tiên với đồng bào Kinh trong vùng thì được thông báo: Giặc Pháp sắp tấn công vào tỉnh Bình Thuận. Sau đó có lệnh của Tỉnh cho nhân dân tản cư và thực hiện tiêu thổ kháng chiến, vườn không nhà trống. Trước tình hình đó, chính quyền cách mạng và lực lượng kháng chiến của huyện Phan Lý tạm thời rút qua Kỳ La; sau đó chuyển về làng Cảnh Diển (bên kia Sông Lũy) hưởng ruộng Tà-bân để bảo tồn lực lượng. Chỉ còn một bộ phận ở lại huy động thanh niên chặt phá cây dọc đường quốc lộ 1A, đào đường, đắp ụ đất, nhằm chặn chặn đoàn xe của địch khi đi qua địa phương tiến về Phan Thiết và hướng dẫn số đông nhân dân các làng ven quốc lộ 1A tản cư lên Đồng Gòn vào rừng hoặc đi qua động, còn từ 5 đến 10 hộ thì tạm thời lánh

tránh ra bụi bờ ngoài ruộng, chờ cho giặc đi qua rồi thì quay lại làng cũ làm ăn. Để phòng địch chiếm đóng, ta phá ngôi trường Pháp - Việt sát quốc lộ 1. Quang cảnh đón Xuân trở thành những ngày chuẩn bị chiến đấu, nhân dân vô cùng căm thù giặc Pháp.

Sáng ngày 31/01/1946, cánh quân Pháp từ Phan Rang sau khi đánh chiếm huyện lỵ Hòa Đa, đã để lại đây một đại đội lính Âu Phi do tên đại úy Can-Ve (Calvert) chỉ huy rồi tiếp tục tiến về hướng Nam.

Sau thời gian đã hoàn thành việc chiếm đóng các nơi trong tỉnh Bình Thuận, quân Pháp đóng lại ở Hòa Đa bắt đầu bung ra thiết lập hệ thống đồn bót trên trục lộ 1 từ Hòa Đa lên Lương Sơn để làm bàn đạp tung lực lượng ra càn quét, lùng sục các vùng xung quanh, tìm diệt lực lượng tự vệ và chính quyền non trẻ của ta. Đi đến đâu chúng bắn giết, hãm hiếp, đốt phá, cướp bóc, gây đau thương tang tóc nơi đó. Đồng thời chúng dựng bộ máy tay sai ở phủ Hòa Đa, huyện Phan Lý Chàm và thành lập ban hội tề ở các làng như thời kỳ phong kiến, nhưng không lập lại cấp tổng.

Đối với huyện Phan Lý, chúng thực hiện âm mưu thâm độc, ít tổ chức càn quét vào vùng đồng bào Chăm để tạo ra sự nghi ngờ, gây chia rẽ khối đoàn kết Kinh - Chăm, kêu gọi lại lịch sử phong kiến, kích động mâu thuẫn dân tộc với ý đồ dùng người Chăm chống lại người Kinh; rêu rao ai theo chúng sẽ được làm các chức vụ cao trong bộ máy tề ngụy để câu móc, mua chuộc, lôi kéo một số cán bộ kháng chiến chủ chốt của ta, nhằm gây hoang mang trong quần chúng, làm cho nhân dân mất niềm tin vào cách mạng. Chúng dùng thủ đoạn bắt buộc một số thanh niên Chăm có học thức trong các làng ra làm việc cho chúng hoặc đưa đi đào tạo tại Ninh Chữ - Phan Rang (Ecole de cadre); thông qua bộ máy hội tề làng xã bắt thanh niên đi lính, xây dựng đội quân tay sai chống phá cách mạng.

Ở các làng xã, địch đưa những tên tay sai đắc lực vào tổ chức tề điệp để lôi kéo đồng bào theo chúng chống lại lực lượng kháng chiến của ta. Ngoài những thủ đoạn trên, địch còn tuyên truyền nói xấu chính sách của Việt Minh. Tuy nhiên, ngoài một bộ phận bị chúng lôi kéo, khổng

chế; còn lại phần lớn nhân dân trong các làng xã tin theo kháng chiến không hợp tác với Pháp.

Đối với ta, việc củng cố các đoàn thể quần chúng cứu quốc bằng các hình thức mở lớp huấn luyện, đào tạo cốt cán được chú trọng. Thông qua đội ngũ này tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục nhân dân về tình hình đất nước, về âm mưu của địch, động viên nhân dân hăng hái tham gia kháng chiến.

Đầu năm 1946, Đặng Lô, ủy viên quân sự của huyện Phan Lý bị Pháp bắt. Sau đó Thanh Giác, Chủ tịch cũng bị lính Pháp đồn Hòa Đa bao vây bắt tại làng Cảnh Diển. Cả 2 người đều phản bội kháng chiến, đầu hàng làm việc cho giặc. Chính quyền huyện Phan Lý gần như tan rã, chỉ còn lại một số cán bộ chuyển từ Cảnh Diển lên Lệ Nghi - Bá Ghe tạm thời đóng ở trong chòi ông Bùi Xuân Thọ tại ruộng Cà The để tìm cách liên hệ móc nối với tỉnh.

Trước tình hình đó, tháng 3 năm 1946, Ủy ban Hành chánh 2 huyện Hòa Đa và Phan Lý đã họp kiểm điểm tình hình và lực lượng cán bộ qua hơn hai tháng sau khi Pháp tái xâm lược đồng thời

thực hiện chủ trương của tỉnh, tổ chức địa bàn 2 huyện Hòa Đa - Phan Lý thành 12 khu kháng chiến, không phân biệt theo làng người Chăm hay làng người Kinh, nằm trong khu vực nào thì thuộc khu kháng chiến đó, để tạo thuận lợi cho công tác lãnh chỉ đạo trong tình hình mới. Cán bộ huyện được phân công xuống phụ trách từng khu kháng chiến để sâu sát cơ sở và bám sát dân hơn. Trong khu có khu trưởng, thư ký và ủy viên phụ trách ngành. Dưới các khu kháng chiến vẫn giữ nguyên các xã bộ với UBHC và các đoàn thể xã. Theo đó thì hai làng Trì Đức và Thanh Hiếu thuộc khu 6 do ông Nguyễn Cầm (Trợ Cầm) làm khu trưởng; ba làng Hựu An, Tường Loan, Ninh Hà thuộc khu 10 do ông Phạm Chí Hiền làm khu trưởng; ba làng Kỳ La, Đào Hiệp, Chưởng Thiện thuộc khu 11 do ông Văn Thái làm khu trưởng. Các khu kháng chiến nhanh chóng cùng hòa nhập trong các mặt công tác.

Việc hình thành các khu kháng chiến đã mang lại một số kết quả nhất định về chống giặc càn quét, xây dựng căn cứ,... Nhưng sau một thời gian hình thành thì tình hình đã có bước phát triển mới và mô hình khu kháng chiến bộc lộ một số

nhược điểm dễ bị địch kích động xuyên tạc gây chia rẽ khối đại đoàn kết trong nội bộ cán bộ và nhân dân. Cho nên, đến tháng 6 năm 1946, Tỉnh chủ trương giải thể khu kháng chiến, liên kết nhiều xã nhỏ (làng) lập ra xã lớn hơn theo từng huyện riêng và cử đồng chí Nguyễn Đức Dương, Chủ tịch Ủy ban Hành chánh tỉnh Bình Thuận ra triệu tập cuộc họp ở động Ngọc Sơn để củng cố lại Ủy ban Hành chánh huyện Phan Lý, chỉ định Văn Nưng làm Chủ tịch; Lâm Nai làm Phó Chủ tịch đồng thời bổ sung thêm ủy viên. Như vậy đến giữa năm 1946, huyện Phan Lý gồm có 3 xã miền núi là Oan-tà-liếp, Da-ka-xa-nan, Ru-xăng-tà mầu và 4 xã Chằm là:

- Xã Thanh Đức gồm hai làng Thanh Hiếu và Trì Đức, do ông Khê Tình người làng Trì Đức làm Chủ tịch, ông Đàng Tiết người làng Thanh Hiếu làm Phó Chủ tịch UBHC xã, ông Đàng Xe làm chủ nhiệm Việt Minh, ông Long Bưởi làm ủy viên thư ký, ông Mai Bò phụ trách quân sự; cơ quan xã đóng tại Cà Nuôi.

- Xã Thiện An gồm các làng Kỳ La, Đào Hiệp, Chưởng Thiện, (còn có thêm các làng nay thuộc xã Phan Hòa là Tôn Thành, Minh My, Hậu

Quách, An Bình) do ông Lâm Tôn người làng Kỳ La làm Chủ tịch, ông Lư Bằng người làng Hậu Quách làm Phó Chủ tịch UBHC xã, ông Bộ Than người làng Hậu Quách làm Chủ nhiệm Việt Minh, ông Văn Nối làm ủy viên thư ký; cơ quan xã đóng tại Đá Giá.

- Xã Mỹ Quang gồm các làng Hựu An, Tường Loan, Ninh Hà (và các làng nay thuộc xã Phan Thanh là Tịnh Mỹ, Cảnh Diển) do ông Dụng Nho, người làng Cảnh Diển làm Chủ tịch UBHC xã, ông Đảng Điều người làng Tịnh Mỹ làm Phó Chủ tịch, ông Lư Thái Đắc người làng Hựu An làm ủy viên thư ký xã, ông Lâm No làm chủ nhiệm Việt Minh, cơ quan xã đóng tại ruộng Cà Păng.

- Xã Tiến Hóa gồm 4 làng thuộc xã Phan Thanh ngày nay là Mai Lãnh, Trí Thái, Châu Hanh, Thanh Kiệt do ông Đặng Lợi người làng Châu Hanh làm chủ tịch, ông Lê Củi, người làng Trí Thái làm Phó chủ tịch, ông Tạ Đức Mạnh người làng Mai Lãnh làm ủy viên thư ký UBHC, cơ quan xã đóng tại Ma Hý.

Sau khi thực hiện chủ trương liên xã, các xã mới đều thành lập các lực lượng du kích, tự vệ để làm nhiệm vụ bảo vệ xóm làng, diệt tề; tham gia, phối hợp với đại đội bộ đội địa phương Quang Trung, trung đoàn 82 Bình Thuận đánh địch ở đồn cầu Xóm Lụa (Chợ Lầu). Cùng với hoạt động vũ trang, phong trào nhân dân ủng hộ kháng chiến phát triển mạnh. Cơ quan kháng chiến và bộ đội đóng ở đâu đều được lực lượng tiếp tế của địa phương lo cho đầy đủ nơi ăn, chốn ở, lương thực, thuốc men. Đại đội Quang Trung được nhân dân các làng xã Chăm Phan Lý chu cấp nuôi dưỡng hết sức nhiệt tình. Huyện Phan Lý tập trung xây dựng Bá Ghe - Lệ Nghi thành căn cứ làm chỗ dựa vững chắc cho cuộc kháng chiến, tổ chức được đội dệt vải và sản xuất lúa ở Ma Hỷ mỗi năm từ 2 đến 3 xe để tự túc cơ quan.

Cuối năm 1946, tình hình đất nước có những chuyển biến mới. Từ ngày 15 đến 19/12/1946 Pháp gây hấn tại Hà Nội và gửi tối hậu thư đòi Chính phủ ta phải đầu hàng. Ngày 19/12/1946, Hồ Chủ Tịch ra "Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến".

Lúc này ở địa phương, địch đã đóng giữ các nơi trọng yếu, chúng thực hiện âm mưu củng cố vùng chiếm đóng bằng cách lập đồn bót để chỉ huy bộ máy tề điệp là Hội đồng hương chính làng xã được chúng dựng lên như thời phong kiến. Ở Tỉnh chúng đưa Lưu Bá Châm từ tri phủ Hòa Đa lên làm tỉnh trưởng. Ở huyện Phan Lý Chàm, sau khi bị bắt và đầu hàng giặc, Đặng Lô được Pháp cho làm tri huyện Phan Lý Chàm, còn Thanh Giác thì làm đề lại cho Đặng Lô. Cùng với việc thành lập ngụy quyền, chúng ra sức phát triển ngụy quân, bắt thanh niên người Chăm, người Thượng vào lính. Địch tổ chức 1 trung đội công-mãng-đô, đa số là người Chăm, do Chang Mai(1), một tên khét tiếng gian ác, tàn bạo trực tiếp chỉ huy. Các tay sai đắc lực như Thanh Giác, Đặng Lô,... móc nối với một số người Chăm thân Pháp ở Ninh Thuận tổ chức cuộc họp dưới sự bảo trợ của Pháp với thành phần tham dự gồm đại diện các làng và trí thức người Chăm trong huyện Phan Lý, một số đại diện người Chăm ở huyện Tuy Phong, ở tỉnh Ninh Thuận. Nội dung cuộc họp,

(1) Chang Mai là thầy Chang (đạo Bà-ni) tên Mai.

chúng rêu rao chiêu bài "Chiêm, Thương phục hưng" lập lại khu Chàm tự trị có cờ riêng và thành lập 2 đại đội lính Chăm đóng quân ở Lương Sơn và Hậu Quách. Chúng kêu gọi các làng nhận vũ khí do giặc Pháp trang bị gọi là "để bảo vệ làng, chống lực lượng Việt Minh đột nhập". Chúng xác định làng Trì Đức có vị trí chiến lược quân sự quan trọng, có thể làm bàn đạp để từ đây khống chế các làng lân cận xung quanh như Sơn Cang, Khánh Tài, Hà Thanh, Vĩnh An, Ngọc Sơn và vùng đất động cát khu Lê Hồng Phong. Cho nên chúng hình thành một tiểu đội dân vệ có trang bị súng ống do Bùi Thừa (tức Đội Thừa) cầm đầu nhằm mục đích không cho lực lượng cách mạng bên ngoài xâm nhập vào Trì Đức. Bên cạnh đó, trong một số làng Chăm, có một vài tên tay sai mù quáng, cả tin vào chủ Pháp, khá đắc lực trong nhiệm vụ theo dõi, truy lùng, bắt bớ, tra khảo, giết hại cán bộ cơ sở của ta, nổi lên như những "hung thần" khét tiếng khắp vùng. Một số người trong các làng xóm nhận súng của Pháp lúc bấy giờ mục đích để yên ổn làm ăn nhưng hoang mang lo sợ sẽ bị lực lượng cách mạng đánh trả, sẽ gây cảnh thương vong.

Về phía ta, sau khi có lệnh toàn quốc kháng chiến, bên cạnh Ủy ban Hành chánh các cấp ta tổ chức thêm Ủy ban Kháng chiến, sau thời gian ngắn thì nhập 2 ủy ban này lại thành Ủy ban Kháng chiến - Hành chánh gọi tắt là Ủy ban Kháng - Hành, cùng các đoàn thể bám sát quần chúng hoạt động theo phương châm, phương thức kháng chiến và kiến quốc, động viên nhân dân đẩy mạnh khai hoang phục hóa, trồng khoai mì, bông, sản xuất lương thực, bông vải để tự túc ăn mặc; lãnh đạo tổ chức cho nhân dân các làng đấu tranh chống càn quét, bắt bớ, cô lập bọn tề xã tay sai, đưa người của ta về làm tề, tạo ra tề 2 mặt(1). Ở mỗi xã, ta đều thành lập lực lượng dân quân du kích. Một số dân quân tự vệ ưu tú của các làng được rút tăng cường về trên tham gia vào trung đội bộ đội địa phương huyện Phan Lý như Huỳnh Thương, Qua Lý, Khê No,... do anh Ngọc chỉ huy. Hoặc tham gia vào đơn vị trung đội Chế Bồng Nga của tỉnh được thành lập vào tháng 10/1947

(1) Tề hai mặt là họ nhận làm việc cho địch, nhưng báo cáo tình hình địch cho ta.

như Huỳnh Đồng, Lâm Chuẩn,... do đồng chí Hứa Nam Tiến và đồng chí Bồ Xuân Hội (1) từ bộ đội Quang Trung tăng cường về làm trung đội trưởng và trung đội phó. Nhiệm vụ của trung đội Chế Bồng Nga vừa tuyên truyền vũ trang, vừa đánh địch trong địa bàn người Chăm và người Thượng sinh sống trong tỉnh. Có lúc hoạt động lên đến Tánh Linh, Đồng Nai Thượng. Đơn vị cũng đã phối kết hợp cùng bộ đội chủ lực Tỉnh đánh một số trận trong vùng Phan Lý, bắn hư xe lửa của Pháp, lập được nhiều thành tích.

Để có hạt nhân lãnh đạo phong trào kháng chiến trong đồng bào Chăm tại địa phương, năm 1947, Tỉnh điều động đồng chí Đỗ Khắc Kính ra phụ trách xây dựng Đảng ở Phan Lý, đã kết nạp các ông Văn Quyên, Lâm Nài vào Đảng và hình thành chi bộ huyện Phan Lý do đồng chí Kính làm Bí thư. Ngoài ra, đồng chí Cao Đức Cang người Kinh cự làng Xuân Quang (Hòa Đa) nói rành tiếng Chăm cũng được điều động về lại Phan Lý

(1) Đồng chí Bồ Xuân Hội người làng Hựu An, sau này là Tỉnh đội trưởng tỉnh Ninh Thuận, hy sinh năm 1972.

từ năm 1947 bổ sung vào UB Kháng Hành huyện Phan Lý làm ủy viên kinh tế - tiếp tế.

Để củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, chống lại luận điệu tuyên truyền xuyên tạc của kẻ địch, tháng 4 năm 1947, tỉnh Bình Thuận thành lập Phòng Quốc dân Thiểu số, rút ông Bồ Xuân Long, người làng Hựu An, lúc ấy đang dạy học ở Lạc Trị, về làm Trưởng Phòng, cơ quan đóng tại xã Hồng Sơn. Phòng Quốc dân Thiểu số lập Hội Liên Hữu ở huyện Phan Lý do ông Quách Minh, người làng Trì Đức, làm Hội Trưởng; đến tháng 10/1947 đã phát hành tờ báo "Liên Hữu" và truyền đơn bằng 2 thứ chữ Chăm (do ông Văn Quyền trực tiếp viết) và chữ Việt tuyên truyền về chủ trương, chính sách đoàn kết các dân tộc của Việt Minh, được nhân sĩ, trí thức Chăm ở các làng xã phấn khởi đón nhận và đã có tác dụng tích cực. Nhờ đó, mà nhiều chủ trương của Việt Minh và chính quyền về kiến quốc - kháng chiến, xây dựng lực lượng tự vệ được nhân dân nhất tề hưởng ứng và thực hiện; lòng tin vào cách mạng được củng cố.

Yêu cầu của cuộc kháng chiến phải tập hợp các tầng lớp nhân dân còn đứng ngoài tổ chức

Mặt trận Việt Minh tham gia kháng chiến, cho nên trên có chủ trương thành lập tổ chức Hội Liên Hiệp Quốc dân Việt Nam gọi tắt là Liên Việt. Ở Phan Lý thành lập Hội Liên Việt gồm có:

- Ông Đặng Lợi - Hội trưởng.
- Ông Quách Minh - Hội phó.
- Ông Lâm Rồi (Gũi) - Bí thư Thanh niên.
- Đồng chí Võ Cứng - Hội trưởng Hội nông dân.
- Đồng chí Bá Hội - Hội trưởng Hội phụ nữ.

Ở xã Thanh Đức, Hội Liên Việt do ông Quách Minh làm Hội trưởng, xã Mỹ Quang do ông Văn Hóa làm Hội trưởng và xã Tiến Hóa do ông Vũ Khắc Minh làm Hội trưởng. Hội Mẹ Chiến sĩ cũng lần lượt được hình thành như ở Hiệp An có bà Diên Thị Hời, Úc Thi Đậu, ở Thanh Hiếu có bà Diên Thị Đa.

Nhiều ban ngành đoàn thể của huyện, xã lần lượt ra đời. Phòng Văn hóa Thông tin - Đoàn Văn nghệ của huyện do đồng chí Nguyễn Quan (Giáo Quan) phụ trách đã phục vụ tốt công tác tuyên truyền và làm nòng cốt cho phong trào văn hóa văn nghệ. Đặc biệt, mỗi lần hội nghị huyện và

nghe có đoàn văn nghệ trình diễn thì nhân dân chẳng kể đường xá xa xôi và sự canh gác của địch đều tìm mọi cách đến xem cho kỳ được. Phòng Giáo dục, trong lúc chưa tìm ra cán bộ nên đồng chí Nguyễn Quan kiêm luôn. Cùng lo công tác này có đồng chí Văn Cào phụ giúp với đồng chí Quan, nhằm chăm lo công tác bình dân học vụ. Phòng Dân y huyện có ông Quách Quế, người làng Trì Đức phụ trách cả Hòa Đa - Phan Lý. Làm giao liên có anh No (chồng bà Long Thị Dẫn) rất nhanh nhẹn, gan dạ, một mình vào tận vùng địch đưa giấy mời cho cơ sở ra họp, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Để ổn định tình hình trong nhân dân và gây ảnh hưởng thanh thế cách mạng, Đội tự vệ tập trung cùng lực lượng an ninh huyện Phan Lý và bộ đội Quang Trung, Phan Đình Phùng Trung đoàn 82 Bình Thuận tiến hành đột kích vào các làng Trì Đức, Thanh Hiếu, Hựu An rải truyền đơn, tiêu diệt một số tên tay sai đắc lực và đốt nhà lầu Chánh tổng, nơi bọn tề tụ tập canh gác, để cảnh cáo, răn đe những tên tay sai khác. Sau đó, một số thanh niên đã mang súng do Pháp trang bị, nộp cho ta hoặc tìm cách trả lại cho

Pháp, khí thế cách mạng trong quần chúng có dâng lên.

Trước tình hình đó, để tăng cường nắm và kiểm soát dân, chống lại cuộc kháng chiến lâu dài của ta trong khi không thể nào phân tán lực lượng đóng đồn bót khắp các khu dân cư được, địch tiến hành dồn dân các làng rải rác hẻo lánh tập trung vào các khu vực do chúng kiểm soát. Tháng 5/1947, bắt chấp sự phản ứng của nhân dân, Pháp vẫn cho lính lừa dân làng Thanh Hiếu từ bên kia sông về ở khu đất Cà Păng đầu xóm Liêm Bình (gần chùa Pháp Âm hiện nay). Tháng 6/1947, Pháp tiếp tục dồn dân làng Trì Đức, một số bị chúng đưa về làng Hựu An gần kề huyện lỵ Phan Lý Chàm, một số chạy lên Tịnh Mỹ, một số khác chạy xuống ở với Thanh Hiếu. Các làng Trí Thái, Mai Lãnh thuộc xã Tiến Hóa cũng bị dồn về khu dân cư làng Tịnh Mỹ. Một thời gian sau, làng Thanh Hiếu di chuyển lần thứ hai từ khu đất Cà-Păng về ở tại khu dân cư hiện nay.

Đứng trước nguy cơ địch tiếp tục dồn dân ở các làng xã khác; huyện Phan Lý chỉ đạo Ủy ban Kháng hành xã Thanh Đức tổ chức đấu tranh giành dân quyết liệt. Chính quyền và các đoàn

thể xã tăng cường vận động nhân dân ở 2 làng trên đấu tranh với bọn Pháp đòi về ở lại làng xóm cũ làm ăn sinh sống, trong khi địch cũng tăng cường các âm mưu thủ đoạn dồn dân vào khu tập trung. Việc đi lại làm ăn của nhân dân và hoạt động của cán bộ xã Thanh Đức gặp rất nhiều khó khăn. Sau khi địch dồn dân vào các khu tập trung, trên địa bàn huyện Phan Lý hình thành 2 vùng: vùng địch tạm chiếm gồm các làng Hựu An, Trì Đức, Thanh Hiếu; vùng bán tự do gồm các làng còn lại của 2 xã Mỹ Quang, Thiện An và một số dân làm ăn rải rác ở các cánh đồng Măng, đồng Gòn, đồng Ma Ní, đồng Cần Răng... Trong khi địch thực hiện âm mưu dồn dân quyết liệt, cán bộ lãnh đạo huyện Phan Lý bị tổn thất, phải củng cố lại: Ông Văn Nưng, Chủ tịch huyện Phan Lý bị Pháp bắt và ông Lâm Nai, Phó Chủ tịch huyện Phan Lý trên đường công tác, bị rấn cản về nhà trong khu tập trung để điều trị rồi ở lại luôn. Do vậy ông Văn Quyền được cử lên làm Chủ tịch huyện Phan Lý. Nhiều cán bộ cũng được tỉnh điều động tăng cường về huyện Phan Lý phụ trách các ban, ngành, đoàn thể để nhằm đẩy mạnh phong trào cách mạng trong huyện.

Ở vùng bán tự do, Ủy ban Kháng chiến hành chính các xã lãnh đạo nhân dân sản xuất, ủng hộ vật chất, đào hầm chôn cất thóc lúa, đồng thời xây dựng lực lượng dân quân du kích làm nhiệm vụ tuần tra canh gác bảo vệ xóm làng; tổ chức và củng cố các đoàn thể quần chúng, tuyên truyền giáo dục cho nhân dân về trường kỳ kháng chiến, tổ chức kháng chiến. Cơ quan huyện Phan Lý lúc này chuyển sang đóng tại Thái An (huyện Hòa Đa). Trong lúc cuộc đấu tranh giành cơ quyết liệt giữa ta và địch trong những năm 1947, 1948 thì đồng chí Đỗ Khắc Kính, Bí thư Phan Lý cùng ông Khê Tình, Chủ tịch Ủy ban Kháng Hành xã Thanh Đức, trên đường công tác về cơ quan huyện bị giặc Pháp bắt tại khu Ngọc Sơn. Chúng đưa đồng chí Đỗ Khắc Kính đi, riêng ông Khê Tình thì đem trói vào cột đình Ngọc Sơn, dùng chày đập vào lưng và mông để tra khảo. Không khai thác được gì, chúng phải thả. Ông về nhà vẫn tiếp tục hoạt động cách mạng nhưng do thương tật sau một thời gian lâm bệnh nặng qua đời. Sau khi đồng chí Đỗ Khắc Kính bị địch bắt, đồng chí Nguyễn Bích được tỉnh cử về làm Bí thư huyện Phan Lý, đã kết nạp thêm nhiều đảng viên

ở các xã. Đồng thời rút một số cán bộ xã tăng cường cho huyện, trong đó có ông Tạ Đức Mạnh, đảng viên cán bộ xã Tiến Hóa được rút về tăng cường cho huyện.

Ở khu vực địch tạm chiếm Hựu An, chúng ra sức xây dựng đồn bót kiên cố kể cả ở bến Thanh Tu. Từ các đồn bót này chúng thường đưa quân đi lùng sục, đánh vào hậu phương ta và các làng mà dân không chịu về tập trung, không chịu sự kiểm soát của chúng hoặc không chịu lập tề như các làng Chưởng Thiện, Kỳ La, Đạo Hiệp, Ninh Hà, Tường Loan. Ở vùng chúng kiểm soát, bị địch cấm đoán mọi thứ nhưng đồng bào vẫn đấu tranh với địch đòi được ra ngoài làm ăn; đấu tranh không đi lính, không muốn làm tề ấp; địch có bắt buộc làm thì họ làm việc với thái độ tiêu cực, miễn cưỡng. Một vài cơ sở bên trong như bà Diên Thị Hời, Úc Thị Đậu (làng Hựu An), ông Đàng Xe (làng Thanh Hiếu), ông Đặng Nài (Trì Đức),... bí mật vận động các gia đình khá giả, có cảm tình với kháng chiến ủng hộ tiền bạc, thuốc men, vật dụng và cung cấp tình hình địch cho xã, huyện có nhiều kết quả.

Để đối phó và uy hiếp tinh thần tham gia kháng chiến của đồng bào các làng trong vùng địch tạm chiếm, vào tháng 4/1948 địch đã bắt một số người trong đó có các ông Lâm Vận, Đặng Tiết, Đặng Nài, Văn Cào, bà Diên Thị Hời... đem về cầm tù tại nhà lao Hòa Đa. Địch đánh đập tra khảo hòng để tìm bắt cán bộ và dập tắt tinh thần ủng hộ kháng chiến của đồng bào. Nhưng với ý thức kiên quyết bảo vệ cán bộ và cơ sở của ta nên đa số đồng bào không khai báo gì với địch. Thấy bắt số người này không có kết quả, cuối cùng địch phải thả đồng bào về nhà làm ăn. Trước đó, địch cũng đã bắt ông BỐ Thuận (1) giam giữ ở Nha Trang, hòng lung lạc ý chí các người con của ông và uy hiếp tinh thần các gia đình có người tham gia kháng chiến.

Tuy bị thực dân Pháp và bọn tay sai luôn o ép, khủng bố nhưng đồng bào vẫn ủng hộ kháng chiến. Trong các năm 1948, 1949 nhân dân các làng, xã thuộc huyện Phan Lý, trong đó phần lớn các làng thuộc xã Phan Hiệp ngày nay đã tích cực

(1) Ông BỐ Thuận, người làng Trì Đức, thời phong kiến làm để lại, có nhiều người con tham gia kháng chiến như BỐ Xuân Long, BỐ Xuân Hội, BỐ Xuân Đồng,...

ủng hộ cho cách mạng hàng trăm tấn thóc, tiền 400.000 đồng và 10 con trâu. Những gia đình tiêu biểu cho phong trào ủng hộ ở làng Trì Đức có gia đình các ông Quách Minh, Tôn Biều, Đặng Chánh Đáng, Đặng Toại, bà Nguyễn Thị Xé; ở làng Thanh Hiếu có gia đình các ông Đàng Tiết, Đàng Xe, Đàng Bông, Đàng Hoài; ở làng Hựu An có gia đình các ông thầy cả Văn Mạ, bà Diên Thị Hạt, Úc Thị Do, Diên Thị Hời, Diên Thị Ích, ông Văn Bá Ai. Số đông nhân dân ở các làng còn lại do ít ruộng và đời sống khó khăn, nhưng vì sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, có nhiều gia đình đã dành dụm ủng hộ từ 20 - 40 gia lúa (mỗi gia bằng 20 ký), có người không có thóc thì ủng hộ bằng tiền từ 20.000 đồng đến 30.000 đồng. Các làng khác mới bị địch dồn về khu tập trung, nhưng cũng tham gia ủng hộ cách mạng. Như ở làng Kỳ La có ông Lâm Vện, bà chủ Giá; ở làng Ninh Hà có bà Lâm Thị Dốc ở làng Tường Loan có ông chủ Kèn; ở làng Chưởng Thiện có bà Úc Thị Khanh. Có thể nói, trong thời kỳ này so với các huyện trong tỉnh thì Phan Lý được đánh giá là địa phương nổi bật về sự đóng góp ủng hộ lương thực cho kháng chiến.

Tháng 4/1949, thực dân Pháp đưa Bảo Đại từ Pháp về Đà Lạt làm Quốc Trưởng bù nhìn, ra sức tuyên truyền cho cái gọi là "độc lập" giả hiệu của Chính phủ Bảo Đại và chia lãnh thổ Việt Nam làm ba phần Bắc Việt, Trung Việt, Nam Việt. Tỉnh Bình Thuận thuộc về Trung Việt đứng đầu là viên tỉnh trưởng. Chúng đổi huyện gọi là quận và đưa Thanh Giác lên làm quận trưởng quận Phan Lý Chàm, còn Đặng Lô thì chuyển qua phụ trách quân sự.

Sau khi thực hiện âm mưu "đánh nhanh thắng nhanh" bị thất bại, từ năm 1948, Pháp thực hiện âm mưu "lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt". Từ cuối năm 1949 thực dân Pháp tiến hành lừa dân các làng vùng bán tự do vào các khu tập trung. Bọn Pháp và tay sai quận Phan Lý Chàm chọn 2 khu dân cư có vị thế gần nơi chúng đóng đồn bót, cũng là cơ quan quản lý làm khu tập trung. Đó là khu làng Hựu An và khu làng Hậu Quách. Các làng Chăm theo đạo Bà La Môn như Mai Lãnh, Trí Thái (xã Tiến Hóa) lúc này đang bị dồn về làng Tịnh Mỹ và các làng Tường Loan, Ninh Hà (xã Mỹ Quang), Kỳ La, Chưởng Thiện (xã Thiện An) bị

chúng tiếp tục dồn vào khu làng Hựu An. Làng Thanh Hiếu cũng tiếp tục bị chúng dồn lần thứ ba vào khu này. Còn các làng Chăm theo đạo Bà Ni của huyện Phan Lý, chúng dồn về khu dân cư làng Hậu Quách (gần cơ quan quận Hòa Đa của chúng). Làng nào không chịu về thì chúng đốt phá, dùng xe san ủi, dùng lính lừa dân. Làng nào đấu tranh thì chúng bắn giết, hãm hiếp. Âm mưu của chúng là muốn đẩy lực lượng kháng chiến ra xa dân, thực hiện khẩu hiệu "tát nước bắt cá" để dần dần tiêu diệt cách mạng. Việc dồn dân của địch lúc này gây cho nhân dân nhiều khó khăn về sản xuất, đời sống và chuyện ăn, ở. Chúng khống chế và quản lý chặt chẽ các hoạt động của nhân dân ra vào khu tập trung; liên tục tuyên truyền lôi kéo dụ dỗ các gia đình có chồng, con, em tham gia kháng chiến về đầu hàng, đầu thú. Tại mỗi khu tập trung chúng cử ra Bang tá để giúp quận trưởng kiểm tra, quản lý. Ở khu Hậu Quách, Lu Hóa làm bang tá. Ở khu Hựu An, bang tá là Văn Nưng (1). Tuy nhiên cũng có một số đồng bào Chăm Bà-Ni không chịu sống ở khu Hậu Quách,

(1) Nguyên là Chủ tịch huyện Phan Lý kháng chiến thời gian 1946 - 1947.

chạy lên ở khu đất đối diện khu Hựu An phía Nam quốc lộ 1A (hiện nay trước Trường Tiểu học Phan Hiệp và thuộc khu dân cư Hiệp Phước - Chợ Lầu.

Đối phó với thủ đoạn của địch, Ủy ban Kháng Hành huyện và các xã đã nhiều lần vận động đồng bào đấu tranh được trở về làng cũ sinh sống, vận động đồng bào đẩy mạnh sản xuất lương thực, thực phẩm, duy trì việc tham gia các phiên chợ nưng (chợ kháng chiến) ở miền núi (tiếng Chăm gọi là I-ká nưng) để lưu thông hàng hóa giữa các vùng. Ngoài yêu cầu cải thiện đời sống, còn thông qua hình thức "chợ kháng chiến" này để liên lạc, nắm tình hình, tuyên truyền giác ngộ đồng bào, tạo ra tình cảm gắn bó miền núi với miền xuôi.

Song song với tăng gia sản xuất, thực hiện chủ trương "Văn hóa kháng chiến, kháng chiến văn hóa", xã Phan Hiệp đã đẩy mạnh phong trào bình dân học vụ từ khu căn cứ đến vùng tạm chiếm; tổ chức các buổi biểu diễn văn nghệ trong khu căn cứ nội dung phản ánh thành tích sản xuất, chiến đấu, đả kích thói hư tật xấu, mê tín dị đoan phục vụ cho các đại hội, hội nghị.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc đóng góp của đồng bào cho kháng chiến, chính quyền huyện và các xã đã tổ chức lực lượng tham gia phong trào "bảo vệ mùa màng" chống địch cướp phá vào các mùa gặt cuối 1949 đầu năm 1950. Cán bộ, du kích, tự vệ vừa làm nhiệm vụ canh gác bảo vệ, vừa giúp dân thu hoạch mùa màng nhanh chóng cất giấu kỹ, không để địch lấy lúa đi.

Chính từ được thử thách thêm qua khó khăn, gian khổ, ác liệt của phong trào bảo vệ mùa màng, nhiều cá nhân có thành tích xuất sắc được khen thưởng. Một số cán bộ như Lâm Tôn, Lâm Gửi, Văn Hiệp... được kết nạp vào Đảng. Đây là những đảng viên là con em người Chăm được rèn luyện đào tạo trưởng thành từ phong trào đấu tranh gian khổ ác liệt, trở thành hạt nhân lãnh đạo phong trào cách mạng địa phương trong thời gian tới.

Song song với ủng hộ vật chất, công tác tuyên truyền binh vận trong vùng địch hậu cũng tiến hành có kết quả. Số gia đình có người thân đi lính cho địch, được chính quyền cách mạng mời ra giáo dục, để kêu gọi người thân mình phản chiến

về làm ăn hoặc đấu tranh với địch không đưa đi xa, mất tích mất xác. Sau một thời gian vận động đã có các anh Qua Đình Phố, Nguyễn Thương... bỏ hàng ngũ giặc ra vùng kháng chiến. Một số binh lính khác thì bỏ lính vào làm đạo giáo, thầy bóng. Một số bọn tề điệp, bị ta gửi giấy cảnh cáo hoặc kêu ra giáo dục răn đe, khi trở về làm việc cho địch có thái độ tiêu cực, lưng chừng hoặc bỏ việc ra đồng làm ăn. Cơ sở bên trong của ta cũng được củng cố, tiếp tục hoạt động lại. Từ đó việc cung cấp tin tức và vận động nhân dân vùng tập trung ủng hộ vật chất ngày càng tốt hơn. Đặc biệt trong những ngày Tết Nguyên đán, địch cố ngăn cấm, kiểm soát gặt gao, nhưng với tinh thần vì kháng chiến, vì con em ruột thịt tham gia kháng chiến nên cơ sở và đồng bào ta bằng đủ mọi cách đưa hàng hóa từ vùng địch hậu ra ngoài căn cứ, để cán bộ xã, huyện và bộ đội ăn tết.

Trong khi ta căng kéo với địch, cố gắng vận động dân bung về làng cũ thì đối với địch, ngoài việc tiến hành những biện pháp kèm kẹp bên trong; bên ngoài chúng tăng cường khủng bố tàn quét, cướp bóc, đốt phá các vùng Đồng Mãng, Đồng Gòn, Bá Ghe và các khu vực làng cũ, gây

nhiều khó khăn cho đồng bào về làng cũ làm ăn sinh sống; đời sống đồng bào các làng trên càng khó khăn hơn.

Trước tình hình phức tạp đó, ta thay đổi chủ trương không vận động nhân dân bung về làng cũ, mà chấp nhận để dân vào khu tập trung với quan điểm giành dân là giành lòng dân hướng về với kháng chiến, với cách mạng chứ không thể đưa dân ra căn cứ như trước nữa. Như vậy, từ năm 1947 đến tháng 3/1950, lần lượt các làng Trì Đức, Thanh Hiếu, Tường Loan, Ninh Hà, Kỳ La, Chưởng Thiện và các làng Chăm Bà-la-môn khác bị thực dân Pháp và tay sai buộc phải rời bỏ các làng cũ đã sinh sống từ bao đời nay để dồn hết vào một khu tập trung Hựu An. Kể từ đây, địa bàn công tác của bộ phận Đảng, chính quyền, đoàn thể cùng dân quân du kích của 4 xã Chăm thuộc huyện Phan Lý là Thiện An, Mỹ Quang, Thanh Đức, Tiến Hóa bị thu hẹp lại. Cán bộ các xã đều tập trung về huyện, hoạt động lúc này chỉ nhờ vào móc nối xây dựng cơ sở bên trong và thông qua cơ sở bên trong để chỉ đạo phong trào 2 khu tập trung.

Để củng cố lại tổ chức hành chánh và các cơ quan huyện Phan Lý, cuối năm 1949 đầu năm 1950, dưới sự chủ trì của ông Phạm Ngọc Cẩn, Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến hành chánh tỉnh, huyện Phan Lý tổ chức đại hội bầu Ủy ban Kháng chiến hành chánh huyện gồm:

Chủ tịch: Ông Văn Quyền

Phó chủ tịch: Ông Dụng Gạch, phụ trách 3 xã miền núi.

Các ủy viên: Ông Lâm Nài (làm Trưởng phòng Công an huyện); ông Tạ Đức Mạnh (làm ủy viên thường trực); đồng chí Cao Đức Cang (làm trưởng phòng kinh tế tiếp tế); ông Lư Dụng (phụ trách tài chính); ông Văn Ngọc Giai (phụ trách thông tin); đồng chí Nguyễn Ngọc (phụ trách quân sự); ông Lâm Tồn (phụ trách xã).

Về Đảng, năm 1950, tỉnh đưa đồng chí Nguyễn Quý Đôn về làm Bí thư huyện ủy Phan Lý thay cho đồng chí Nguyễn Bích chuyển về công tác ở Hàm Tân; ông Lâm Nài được phân công làm Phó Bí thư, ông Đặng Lợi làm Chủ tịch Liên Việt.

Sau khi làm Chủ tịch huyện một thời gian, do sức khỏe yếu nên ông Văn Quyền được tỉnh cho nghỉ dưỡng bệnh ở Hàm Tân. Đồng chí Cao Đức Cang được cử làm Chủ tịch huyện Phan Lý.

Để phù hợp với thực tế lúc này là 4 xã Chăm gồm Thiện An, Mỹ Quang, Thanh Đức, Tiến Hóa không còn nơi cũ, dân làng đã bị Pháp dồn hết vào 2 khu Hậu Quách và Hựu An; vào cuối năm 1949 đầu năm 1950 huyện Phan Lý quyết định thành lập 2 xã: khu tập trung Hựu An của đồng bào Chăm theo đạo Balamôn lập xã Phan Hiệp và khu tập trung Hậu Quách của đồng bào Chăm theo đạo Bà Ni lập xã Phan Hòa. Riêng miền núi, do địch không dồn được dân nên vẫn còn nguyên 3 xã Oan-tà-liếp, Da-ca-xa-nan, Ru-xăng-tà mâu.

Xã Phan Hiệp ngày nay chính thức thành lập từ cuối năm 1949 đầu năm 1950, do ông Lâm Tồn làm Chủ tịch UBND xã, đồng chí Văn Hiệp làm Phó chủ tịch và một số cán bộ do huyện tăng cường, trong đó có đồng chí Hồ Thị Dương(1) phụ trách công tác phụ nữ, ông Nguyễn

(1) Đ/c Hồ Thị Dương là cán bộ phụ nữ huyện Hòa Đa được điều động sang huyện Phan Lý, được phân công xuống cơ sở phụ trách phụ nữ xã Phan Hiệp.

Quan (người Xuân Quang - Chợ Lầu) làm Chủ tịch liên việt xã. Về dân quân du kích có một tiểu đội do anh Cầu (người Quảng Nam - Đà Nẵng) làm xã đội trưởng, đồng chí Văn Hiệp làm chính trị viên xã đội. Trong dân quân du kích xã có các anh Tro (Tịnh Mỹ), anh Đăng (Mai Lĩnh), anh Nôi (Trì Đức) và một số anh em người Kinh ở Bá Ghe. Cán bộ nhân viên xã có các anh Đảng Bớt, Nguyễn Phú, Tiền Bể, Nguyễn Thuận...

Sau khi được củng cố và tổ chức lại, huyện, xã chuyển cơ quan về đóng ở Lệ Nghi - Bá Ghe, xây dựng nơi này thành căn cứ kháng chiến và từ đây tìm cách bám cơ sở nòng cốt bên trong, động viên quần chúng trong khu tập trung đấu tranh đòi bung ra sản xuất, đòi ra ngoài làm ăn, tạo cơ hội để liên lạc móc nối xây dựng phong trào. Thời kỳ này, các xã phát triển đảng viên rất mạnh nên đều hình thành chi bộ bên ngoài. Đoàn thể và các cơ sở được xây dựng trong vùng tạm chiếm vẫn bí mật hoạt động. Các cơ sở này có nhiệm vụ nhận các chủ trương của huyện, xã về bên trong phổ biến lại. Có khi mang truyền đơn, lén đem vô rải trong khu tạm chiếm. Khi có chủ trương động viên quyền góp ủng hộ thì họ trực tiếp thu nhận, gửi ra. Mỗi khi huyện, xã triệu tập đồng bào ra

vùng căn cứ, thì cơ sở bên trong trực tiếp đi vận động đồng bào ra dự lễ. Tuy bị kềm kẹp, nhưng đồng bào vùng tạm bị chiếm vẫn tin tưởng vào cách mạng. Dù buộc phải sống trong khu tập trung của giặc nhưng việc làm ăn thì lại phải ra các cánh đồng ruộng lúa ở các làng cũ trước đây do đó nhân dân đã bằng nhiều hình thức khôn khéo, vừa công khai hợp pháp, vừa bí mật, dùng tình cảm vận động bọn lính gác là người địa phương để được dễ dãi trong việc ra vào làm ăn. Từ đó, ngày càng có nhiều người dân trong vùng tập trung ra ngoài sản xuất, có điều kiện cho vùng căn cứ liên lạc tiếp xúc.

Cuối năm 1949, đồng chí Trần Như Khuông, ủy viên thường vụ, Trưởng ban tuyên huấn Tỉnh ủy, ra Phan Lý truyền đạt chủ trương của tỉnh cho đồng chí Văn Quyên, sau thời gian dưỡng bệnh, sức khỏe tương đối đỡ, tìm cách vào sống hợp pháp trong khu tập trung Hậu Quách để hỗ trợ cho phong trào xã Phan Hòa và thông báo điều động ông Lâm Nài, phó bí thư, trưởng phòng công an huyện đi học tại Liên khu 5. Ông Tạ Đức Mạnh được bổ sung vào Thường vụ Huyện ủy làm thường trực.

Thực hiện chủ trương trên, trong khi ông Văn Quyền đang về vùng đồng ruộng Hậu Quách, tìm cách vào sống hợp pháp, thì ông Lâm Nài khi về chia tay chuẩn bị đi học bị gia đình tác động không đấu tranh nổi đã ở lại với gia đình và viết thư báo cho huyện biết. Khi nhận được thư biết rằng ông Lâm Nài sẽ phải ra hàng địch, nhưng vì đã trẻ, không còn có thể giữ lại ông Lâm Nài được; đã vậy nếu để cho ông Văn Quyền vào Hậu Quách nữa thì sẽ càng khó khăn, nên Thường vụ Huyện ủy Phan Lý quyết định điều ông Văn Quyền trở lại, không cho vào hợp pháp nữa.

Do yêu cầu lãnh đạo phong trào trong giai đoạn mới, giữa năm 1950, Huyện ủy Phan Lý quyết định thành lập Chi bộ xã Phan Hiệp do ông Lâm Tôn làm Bí thư chi bộ và các đảng viên: Văn Hiệp, Hồ Thị Dương... Chi bộ phân công từng đảng viên bám dân, bám đất, bám từng cánh đồng, liên hệ chặt chẽ với cơ sở, lãnh đạo các đội công tác, giữ vững phong trào kháng chiến.

Như vậy từ cuối năm 1949 đầu năm 1950, khi thành lập xã mới chỉ có tổ Đảng bên ngoài

căn cứ, thì đến *giữa năm 1950, xã Phan Hiệp đã thành lập được chi bộ*. Do đó đã xây dựng được nhiều cơ sở cảm tình làm nòng cốt đấu tranh vận động tề và binh lính địch hướng về kháng chiến. Nhiều người bị bắt, bị tù trước đây trở về hoạt động đã làm nòng cốt trong phong trào quần chúng. Mối quan hệ thân tộc, tín ngưỡng của những người tham gia kháng chiến đã tác động đến những người tham gia cho địch, và những hoạt động cũng như gương chiến đấu của các cán bộ, quần chúng đã làm nhiều người lầm đường lạc lối cũng phải dần dần thức tỉnh quay về với dân tộc và tổ quốc.

Cuối năm 1950 đầu năm 1951, hưởng ứng lệnh tổng động viên nhân tài vật lực phục vụ các chiến dịch tổng phản công, Ủy ban kháng chiến hành chính các xã Phan Hiệp, Phan Hòa... của huyện Phan Lý tiếp tục lập các Ban bảo vệ mùa màng, giúp dân gặt, chuyển, giữ lúa. Qua đó, huyện có sáng kiến lập sổ vàng truyền thống và lập danh sách, phân loại các hộ để tiến hành vận động trực tiếp nhân dân các làng đóng góp cho kháng chiến. Đặc biệt việc vận chuyển thóc lúa

ủng hộ về kho bí mật cũng rất gian nan vì sau thu hoạch, đồng bào phải đào hầm cất giấu, không để cho Pháp và tay sai phát giác được. Huyện Phan Lý huy động được 700 dân công, trong đó riêng các làng thuộc xã Phan Hiệp có trên 100 thanh niên do Lữ Thái Nhân (1) phụ trách không kể hiểm nguy, băng rừng lội đồng, tích cực chuyển hàng trăm gánh lúa vượt qua đèo bót địch, trong một đêm đã chuyển được 50 tấn lúa, đạt chỉ tiêu huyện giao. Nhờ vậy mà các kho của huyện bảo đảm khá đầy đủ yêu cầu hậu cần cho chiến dịch. Đây thực sự là công lao, thành tích to lớn của nhân dân Phan Lý nói chung và các làng xã (thuộc Phan Hiệp ngày nay) đối với công cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Cũng trong thời gian này, một đồng chí lãnh đạo cao cấp của Đảng cùng đoàn cán bộ trên đường từ miền Nam bí mật ra miền Bắc đã đi ngang qua địa phận Phan Lý. Sau khi dừng nghỉ tại khu vực cơ quan xã Phan Hiệp nắm tình hình đường giao liên, đồng chí đó quyết định Chủ tịch

(1) Sau này về hàng địch, năm 1975 làm thiếu tá Quận trưởng quận Phan Lý Châm.

UBKCHC huyện Phan Lý là Cao Đức Cang trực tiếp dẫn đoàn đi theo tuyến đường giao liên từ bắc Bình Thuận ra đến ranh giới Ninh Thuận. Lực lượng cơ quan xã Phan Hiệp và huyện Phan Lý đã bảo vệ và đưa đoàn đi tuyệt đối an toàn, được khen ngợi. Khi đoàn đi khỏi cách mấy tháng sau, ở địa phương mới biết đó là đồng chí Lê Duẩn, sau này là Tổng Bí thư của Đảng.

Trong thời gian từ năm 1950, 1951 giặc Pháp tiến hành những hành động, thủ đoạn thâm độc tàn bạo đánh phá ta mọi mặt. Bên trong khu tập trung, chúng rào xung quanh lại, chừa cổng kiểm soát đồng bào ra vào rất chặt chẽ, cấm không cho mang cơm gạo ra ngoài, lục từng giỏ đồ, sợ truyền đơn cách mạng lọt vào trong, cấm đồng bào không đi làm ruộng xa, không đi rừng lấy củi cây. Chúng cấm họp chợ Nưng làm cho miền núi thiếu mắm muối. Chúng kêu gọi cán bộ ta ngoài rừng về sẽ không bị tù tội lại còn được trọng dụng tùy theo khả năng. Sự khống chế chặt chẽ đó làm cho hoạt động của cơ sở ta gặp rất nhiều khó khăn, có thời gian cả 3, 4 tháng không liên lạc được trong ngoài. Một số ít như các ông Bá Khe, Lâm Quang Cảnh ở Kỳ La, ông Đàng É, Văn Hè

ở Hựu An, ông Đặng Nài ở Trì Đức len lỏi tìm mọi cách ra bên ngoài gặp cán bộ, còn đa số thì nằm im chờ đợi. Còn ở bên ngoài thì chúng tăng cường hoạt động lùng sục. Các toán lính còm-măng-đô thường xuyên phục kích các suối nước nhỏ, nơi lấy nước và nhất là các đường mới, nơi có rừng rậm, mai phục cán bộ ta đi qua thì chúng chụp 2 chân cho ngã úp, xông ra bắt sống để tra tấn thủ tiêu. Chúng liên tiếp mở các trận càn lớn vào vùng tranh chấp. Cán bộ chính quyền, đoàn thể của các xã Phan Hiệp, Phan Hòa do không liên lạc được với bên trong, thiếu lương thực thực phẩm, lại bị địch đánh phá nên phải liên tục di chuyển tránh lánh, gặp rất nhiều khó khăn mọi mặt, đói rách phải đi đào nằng, đào khoai ăn. Một số nhân dân bên trong thiếu tin tưởng với cách mạng.

Trong quá trình kháng chiến từ những năm 1948 đến 1951, không tránh khỏi những hy sinh mất mát của một số cơ sở cán bộ trong xã. Ngoài ông Khê Tình, còn có ông Cửu No (Trì Đức) chở đồ dùng và lương thực cho huyện Phan Lý ở làng Kỳ La bị địch phục kích bắn chết tại khu vực ruộng Gò Dí. Ông Tôn Chực (Trì Đức) được xã

Thanh Đức phân công giữ kho thóc ở động Ngọc Sơn, khi đi lại thăm kho thóc đã bị địch phục kích bắn chết cách kho hơn 100 mét. Ông Bùi Xuân Thọ tham gia kháng chiến làm liên lạc bị địch bắt, tra tấn dã man, nhưng không hề khai báo, sau khi địch thả về nhà thì lâm bệnh nặng. Ông Cửu Tiết Kiệm (Trì Đức) tham gia kháng chiến làm y tá cho huyện Phan Lý, trên đường đi công tác bị địch phục kích bắn bị thương nhưng không đầu hàng giặc; sau khi chữa khỏi vết thương, vẫn tiếp tục hoạt động cách mạng. Ông No làm giao liên cho huyện đi công tác bị địch bắt tra tấn, buộc vào ngựa kéo lê đến cầu xóm Lụa. Các bà Diên Thị Hời, Úc Thị Đậu, Diên Thị Két, ông Đặng Nài là những cơ sở trung kiên của ta hoạt động trong vùng tập trung Hựu An bị địch bắt, tra tấn nhiều lần nhưng không khai báo.

Cuối năm 1950 đầu năm 1951, một số cán bộ huyện Phan Lý như Văn Quyền, Văn Ngọc Giai, Lư Dụng đều bị Pháp bắt. Một số cán bộ khác bỏ ngũ về hàng địch, đã làm cho tình hình trong huyện gặp khó khăn.

Tháng 4 năm 1951, đồng chí Hồ Liên, Bí thư Tỉnh ủy Bình Thuận triệu tập các đồng chí lãnh

đạo của huyện Phan Lý gồm Nguyễn Quý Đôn, Cao Đức Cang, Dụng Gạch vào Tỉnh giải thích: "Địa bàn huyện Phan Lý rộng, cán bộ Phan Lý bây giờ lại ít, nếu để riêng như vậy thì không có sự tương trợ qua lại lẫn nhau và điều cán bộ huyện Hòa Đa qua cũng khó" và giao nhiệm vụ: "Các anh về triệu tập đồng bào lại, hỏi ý kiến về chủ trương liên huyện". Các đồng chí lãnh đạo huyện Phan Lý thấy chủ trương của Tỉnh cũng hợp lý, cũng muốn liên huyện lại, nên khi triệu tập đồng bào họp (chủ yếu là đồng bào ở Hựu An) đã cố gắng giải thích theo ý của mình rồi hỏi đồng bào có đồng ý không? Đồng bào chưa được trao đổi gì, người thì nói đồng ý, người thì nói không, người thì không phát biểu. Lúc đó theo ý muốn của mình, lãnh đạo Huyện đã báo lên trên Tỉnh là đồng bào đã đồng ý. Trên cơ sở đó, Tỉnh quyết định liên huyện Hòa Đa, Tuy Phong, Phan Lý vào thành một huyện lấy tên là huyện Bắc Bình, do đồng chí Phan An Định (Sáu Hy) làm Chủ tịch. Ông Bố Xuân Long được Tỉnh điều động từ Phòng Quốc dân thiểu số tỉnh về làm Phó Chủ tịch huyện Bắc Bình. Các đồng chí Cao Đức Cang, Dụng Gạch đều là ủy viên UB huyện Bắc

Bình và được phân công trở lại phụ trách địa bàn Phan Lý cũ. Một thời gian ngắn khi ra công tác tại Lạc Trì, ông Bố Xuân Long bị Pháp bắt bỏ tù, sau đó thả ra làm giáo viên dạy học tại Lạc Trì.

Trong vùng tập trung, địch tiếp tục bắt lính, đôn quân; tăng cường kiểm soát gặt gao. Địch cấm không cho đi làm ăn xa bắt buộc sáng đi chiều về. Chúng thành lập khu quân sự Phan Lý Chàm và xây dựng một đại đội bảo an đồng thời tiếp tục củng cố nguy quyền tay sai và tổ chức gián điệp tung ra ngoài nắm tình hình về sự hoạt động của ta. Mặt khác, địch không ngừng tuyên truyền xuyên tạc cuộc kháng chiến của ta, nhất là lợi dụng việc liên 3 huyện Phan Lý, Hòa Đa, Tuy Phong thành huyện Bắc Bình để kích động, làm hoang mang đội ngũ cán bộ của ta. Chúng luôn miệng rêu rao rằng "bây giờ chỉ có Pháp mới bảo vệ quyền lợi cho dân tộc Chàm chứ Việt Minh cũng là Kinh thôi. Đồng bào có thấy không, bây giờ liên huyện, mai kia sẽ liên xã, tiến đến sẽ liên thôn, như vậy là đồng hóa dân tộc không còn dân tộc Chàm nữa, thành dân tộc Việt hết...". Một số đồng bào trong vùng địch hậu đã nghe theo tuyên truyền xuyên tạc của địch, nhả tin ra gọi chồng, gọi con là cán bộ ở ngoài rừng về; vì kẻ

thù vô cùng thâm độc: về trong nó không bắt tội tù gì hết mà tùy theo khả năng còn trọng dụng, bổ sung vào bộ máy cai trị của chúng. Phong trào cách mạng của xã Phan Hiệp nói riêng, huyện Phan Lý nói chung lúc này vô cùng khó khăn. Cán bộ, cơ sở của ta hao hụt, giảm sút do bị địch bắt, một số bỏ về nhà, một số đầu hàng địch lúc này khá nhiều như Mai Bò, Lâm Chuẩn, Đào Bỏ... Có những cốt cán tương đối tốt về trình độ, năng lực như Lư Thái Nhân, Văn Nối được lãnh đạo Huyện ngầm dặn nhau phải cố giữ cho bằng được không để bị "mất vốn", thế nhưng vẫn không giữ được. Trung đội du kích của huyện Phan Lý cũ, lúc này do anh No, người Trì Đức phụ trách, sau mỗi buổi canh gác thấy chỉ còn súng ống để lại, còn người thì lần hồi chạy về hết.

Trước tình hình đó, cuối năm 1951, đồng chí Nguyễn Côn, khu ủy viên Khu V, Bí thư Ban cán sự cực Nam vào Bình Thuận thấy sáp nhập Phan Lý vào huyện Bắc Bình là sai chính sách của Đảng; sau khi kiểm điểm, đã chủ trương tách Phan Lý ra khỏi huyện Bắc Bình, lập lại huyện Phan Lý như cũ để tiếp tục lãnh đạo phong trào và giữ lại lòng dân các làng xã đồng bào Chăm đối với công cuộc kháng chiến. Do thiếu cán bộ,

nên lúc đầu về tổ chức lãnh đạo của Đảng chỉ thành lập Ban Cán sự do đồng chí Cao Đức Cang làm Trưởng ban, ông Dụng Gạch làm Phó ban và một số làm ủy viên như Tạ Đức Mạnh, Lâm Tôn, Đặng Chế Hoa... Đồng chí Nguyễn Bích được Tỉnh đưa về lại làm Bí thư Huyện ủy. Dần dần sau đó, mới hình thành Ủy ban Kháng chiến Hành chính huyện Phan Lý, do đồng chí Cao Đức Cang làm Chủ tịch và cơ quan huyện Phan Lý đóng gần cơ quan huyện Bắc Bình. Khi tái lập, huyện Phan Lý được huyện Bắc Bình giao lại xã miền núi La Bá, các làng Chăm thuộc tổng Tuy Tịnh bị địch dồn vào khu tập trung Lạc Trị (trước kia thuộc huyện Tuy Phong), và xã miền núi Gia Le-Láng Cốc của huyện Hàm Thuận. Đồng thời, Tỉnh điều động tăng cường các đồng chí Nguyễn Chay (người Bình Thạnh - nguyên huyện ủy viên Tuy Phong), Lê Trọng Du (huyện ủy viên Hàm Thuận) là những cán bộ có kinh nghiệm, đang phụ trách các xã trên bổ sung vào Huyện ủy Phan Lý. Huyện Phan Lý đặt tên cho xã miền núi La Bá là xã Phan Sơn, khu tập trung đồng bào Chăm Lạc Trị là xã Phan Điền và xã miền núi Gia Le là xã Phan Tiến. Như vậy khi tái lập huyện vào cuối năm 1951, huyện Phan Lý có 3 xã Chăm là Phan Hiệp, Phan Hòa, Phan Điền, và 5 xã miền núi.

Sau khi củng cố, Huyện ủy Phan Lý phân công cán bộ huyện về phụ trách các địa bàn như sau: Đồng chí Đặng Chế Hoa, huyện ủy viên (HUV) phụ trách 3 xã miền núi của Phan Lý cũ. Đồng chí Nguyễn Chay, HUV, phụ trách xã Phan Sơn (La Bá). Ông Tạ Đức Mạnh, HUV làm Bí thư xã Phan Hòa. Ông Lâm Tôn tiếp tục làm Bí thư xã Phan Hiệp. Đồng chí Lê Trọng Du, HUV phụ trách xã Phan Tiến. Riêng địa bàn xã Phan Điền (Lạc Trì) là vùng trắng chưa có chính quyền và cơ sở, chỉ dựa vào ông Bố Xuân Long, cán bộ cũ của ta đang dạy học tại đây, nên phân công ông Lâm Gửi (người Tường Loan) phụ trách. Ngoài ra mảng Phan Điền và Phan Sơn còn có thêm anh Quách Cầu (người Trì Đức), anh Huỳnh Nhội (người Tường Loan). Cán bộ được phân công về các xã đã gặp dân giải thích về sự thành lập lại huyện Phan Lý, củng cố lại phong trào, cơ sở bắt đầu hoạt động lại.

Do dịch khủng bố và kiểm sát gắt gao, nhân dân ra vào gặp khó khăn, nên xã Phan Hiệp đã hình thành hai bộ phận: Bộ phận thứ nhất lo kế hoạch sản xuất tự túc gồm có Đảng Bớt, Nguyễn Phú và một số khác. Bộ phận thứ hai gồm số còn

lại hình thành đội vũ trang tuyên truyền của xã do các ông Lâm Tôn làm đội trưởng, đồng chí Văn Hiệp làm đội phó, trong đó nòng cốt có tiểu đội dân quân du kích, thường xuống các cánh đồng, các vùng cơ sở để hoạt động. Nhiệm vụ của Đội vũ trang tuyên truyền của xã lúc này là:

- Vận động nhân dân trong vùng tập trung đấu tranh với địch bằng nhiều hình thức để được ra ngoài làm ăn sinh sống.

- Giáo dục và vận động thanh niên trốn lính. Vận động các gia đình có con em đi lính cho địch, bỏ ngũ về nhà làm ăn.

- Bằng nhiều hình thức cảnh cáo, mời bọn ngụy quyền tay sai ra ngoài giáo dục để chúng giảm bớt sự hung hăng, giảm bớt việc tiếp tay cho địch chống phá cách mạng.

- Tiếp tục gây cơ sở bên trong, nắm chắc tình hình địch để ta đối phó kịp thời những âm mưu thủ đoạn của chúng.

- Vận động đồng bào trong vùng tập trung bằng cách trực tiếp hoặc gián tiếp ủng hộ nhân tài vật lực cho cuộc kháng chiến.

Từ sau năm 1951, Đội vũ trang tuyên truyền Phan Hiệp đã nhiều lần mời đồng bào trong vùng tập trung Hựu An ra căn cứ tham dự các cuộc mít-tinh kỷ niệm các ngày lễ Quốc khánh 2/9, ngày Nam bộ kháng chiến... Qua các lần mít-tinh, ta có biểu dương lực lượng bộ đội và du kích địa phương tại khu rừng Bá Ghe. Sau các cuộc dự lễ, tình cảm quần dân thêm thắm thiết. Nhân dân thấy được lực lượng kháng chiến của ta lớn mạnh, niềm tin vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và tay sai trong nhân dân càng được thêm củng cố, từ đó động viên mọi người hăng hái tích cực tham gia các phong trào hành động cách mạng.

Việc củng cố khối đại đoàn kết các dân tộc cũng được chú ý. Cuối năm 1952 đầu năm 1953, tại khu rừng sông Mù U, huyện Phan Lý tổ chức Đại hội các dân tộc với thành phần tham dự gồm: Cán bộ cốt cán các xã vùng Chấm và miền núi; các đại biểu đại diện cho trí thức, chức sắc tôn giáo và các cơ sở cách mạng bên trong khu tập trung. Nội dung Đại hội phong phú sinh động, vui tươi. Công tác tổ chức Đại hội chu đáo. Kết quả thành công của Đại hội đã tạo được tiếng vang; đã tuyên truyền về kháng chiến rất sâu rộng,

không những ở vùng căn cứ mà còn ảnh hưởng lớn trong vùng tập trung của địch làm cho bọn ngụy quyền tay sai phải đối phó.

Tháng 5 năm 1953, đại đội lính Âu Phi và lính ngụy Hòa Đa chia làm 3 mũi tiến đánh căn cứ Bá Ghe. Lực lượng xã Phan Hiệp mà nòng cốt là tiểu đội du kích của xã đã phối hợp với du kích Bình An đánh địch ở ruộng Rô, làm chết và bị thương nhiều tên giặc, buộc chúng phải rút lui. Trước đó, tiểu đội du kích còn phối hợp chặn đánh tiểu đoàn Ngự Lâm Quân của Pháp từ Lâm Đồng tràn xuống. Tuy nhiên, trong năm 1953, ông Dụng Gạch, Phó Chủ tịch huyện Phan Lý bị Pháp bắt.

Tháng 2 năm 1954, bộ đội tỉnh phối hợp với bộ đội địa phương 216 tiến công tiêu diệt đồn cầu Sông Cạn do lính ngụy đóng. Phát huy thắng lợi, sau đó ngày 6/5/1954 tiếp tục nổ súng tấn công giải phóng cứ điểm Lương Sơn và cứ điểm đồn Duồng.

Phối hợp với chiến trường trong vùng, cũng trong đêm đó tiểu đội du kích Phan Hiệp trực tiếp đánh vào các tháp canh cầu Bom đường sắt phía

Bắc Sông Mao và bót canh bến Thanh Tu đưa 2 tiểu đội lính ngụy người Chăm và người miền núi cùng vũ khí theo ta về khu căn cứ. Trong thời gian này, xã Phan Hiệp còn huy động lực lượng thanh niên, dân công trong xã phối hợp cùng xã bạn phá cầu đường sắt Cà Giây, tháo gỡ hàng trăm mét đường sắt, gây khó khăn cản trở cho địch trong việc vận chuyển tiếp tế và hành quân đánh phá ta.

Do những chiến thắng liên tiếp của ta và địch thì thất bại dồn dập, nên bọn ngụy quyền ở quận Phan Lý Chàm phần nào bớt hung hăng với quần chúng nhân dân trong vùng tập trung, chỉ còn hoạt động lưng chừng; bọn ngụy quân không đi càn quét khủng bố như trước nữa mà co rút về cố thủ để bảo vệ bọn ngụy quyền tay sai. Nhân dân Phan Hiệp trong vùng tập trung ra vào làm ăn, trở về làng cũ được dễ dãi hơn; ủng hộ nhân tài - vật lực cho kháng chiến nhiều hơn; binh lính địch bỏ ngũ về nhà làm ăn ngày một đông hơn.

Đầu năm 1954, các ông Cao Đức Cang, Tạ Đức Mạnh, Nguyễn Chay được triệu tập đi học lớp chính Đảng 3 tháng tại Hồ Đất thuộc xã Hồng Lâm, huyện Lê Hồng Phong, do Liên khu V mở

cho 3 tỉnh cực Nam Trung bộ là Bình Thuận, Ninh Thuận và Lâm Đồng có đồng chí Trần Lê, Khu ủy viên phụ trách lớp học.

Diễn biến quân sự trên các chiến trường cho thấy thất bại của thực dân Pháp là điều khó tránh khỏi. Để cứu vãn tình hình, tháng 4/1954, Mỹ thành lập cơ quan Viện trợ quân sự Mỹ (MAGG) ở Sài Gòn. Tháng 6/1954, Mỹ đưa Ngô Đình Diệm, một tên đầu sỏ phong kiến đã từng là tay sai cho đế quốc Pháp, Nhật và được Mỹ nuôi dưỡng về Sài Gòn chuẩn bị cho bước lập chính quyền tay sai thân Mỹ. Đến tháng 7/1954, cố vấn quân sự kéo đến Sài Gòn ngày càng đông. Đây là những bước đi đầu tiên của Mỹ nhằm thực hiện thủ đoạn chính trị mới, lợi dụng sự suy yếu của thực dân Pháp để nhảy vào thay thế, muốn dùng sức mạnh khuất phục nhân dân ta đang chịu tổn thất qua cuộc kháng chiến trường kỳ gian khổ.

Trong khi các trận chiến thắng tại địa phương đã góp phần cùng với chiến thắng trên các chiến trường lớn trong cả nước đang tạo ra một khí thế quyết tâm đánh thắng thực dân Pháp, giành độc lập, thống nhất đất nước thì được tin,

sau thất bại thảm hại tại chiến trường Điện Biên Phủ, thực dân Pháp buộc phải ký kết Hiệp định đình chiến Giơ-ne-vơ (Genève) ngày 20/7/1954 chấm dứt chiến tranh ở Đông Dương. Dù chưa hiểu rõ nội dung Hiệp định, nhưng sẵn có niềm tin vào sự lãnh đạo sáng suốt của Trung ương Đảng và Bác Hồ; hơn nữa, trải qua 9 năm kháng chiến gian khổ, hy sinh, nay nghe có đình chiến, hòa bình lập lại thì cán bộ và nhân dân xã Phan Hiệp cũng như các nơi vô cùng hồ hởi phấn khởi vì từ đây hết cảnh chết chóc tù đày, được tự do làm ăn, không còn lo đói kém. Tại khu căn cứ Bá Ghe, huyện Phan Lý phối hợp cùng huyện Bắc Bình tổ chức mít-tinh trọng thể mừng thắng lợi Hiệp định đình chiến.

PHẦN THỨ HAI

NHÂN DÂN XÃ PHAN HIỆP THAM GIA KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC (8/1954 - 4/1975)

Chương I

ĐẤU TRANH CHÍNH TRỊ, ĐÒI ĐỊCH THI HÀNH HIỆP ĐỊNH GIƠ-NE-VƠ (8/1954 - 12/1958)

Đầu tháng 8 năm 1954, toàn thể cán bộ, chiến sĩ của xã Phan Hiệp đang đóng ở vùng căn cứ Bá Ghe, chấp hành lệnh triệu tập của tỉnh đã cùng cán bộ Ban Cán sự huyện Phan Lý di chuyển về tại Triền thuộc xã Hồng Thịnh, huyện Lê Hồng Phong (nay là một thôn thuộc xã Hồng Phong của huyện Bắc Bình), là địa điểm tập trung cán bộ, chiến sĩ của tỉnh Bình Thuận, để học tập nội dung Hiệp định Giơ-ne-vơ, tình hình nhiệm vụ mới và lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch. Các ông Nguyễn Chay, Tạ Đức Mạnh, Cao Đức Cang thuộc Ban Cán sự Phan Lý đang theo học lớp chính Đảng cũng về thẳng đây tham dự. Cán bộ,

chiến sĩ hai huyện Bắc Bình và Phan Lý bố trí học chung một cụm, dưới sự hướng dẫn và truyền đạt của đồng chí Trương Cửu, Thường vụ Tỉnh ủy Bình Thuận.

Qua học tập, mọi người hiểu được tinh thần nội dung Hiệp định là chấm dứt chiến tranh, hòa bình được lập lại ở Việt Nam và toàn cõi Đông Dương. Nước Việt Nam tạm thời chia làm 2 miền, lấy vĩ tuyến 17 (sông Bến Hải) làm ranh giới tạm thời. Miền Bắc từ Quảng Bình trở ra được hoàn toàn giải phóng, quyền kiểm soát quản lý thuộc về Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa của ta; lực lượng của Pháp và tay sai phải rút khỏi miền Bắc. Miền Nam từ Quảng Trị trở vào còn chịu dưới sự kiểm soát của Chính phủ Liên hợp Pháp và bọn tay sai. Lực lượng của ta ở miền Nam phải chuyển hết ra miền Bắc trong thời hạn 80 ngày, kể từ ngày 01/8/1954, ngày Hiệp định ngừng bắn có hiệu lực. Sau 2 năm, đến ngày 20/7/1956, đại diện nhân dân 2 miền sẽ tiến hành hiệp thương, thực hiện quyền độc lập tự quyết thống nhất nước nhà.

Cùng với niềm vui chung của cả nước là hòa bình đã được lập lại thì trên nét mặt của mỗi cán

bộ, chiến sĩ tham dự học tập, ai nấy cũng đều thoảng nổi băn khoăn suy tư và lo lắng. Dù sao trong 9 năm kháng chiến trường kỳ gian khổ nhưng chúng ta có Đảng, chính quyền, quân đội, có vùng căn cứ kháng chiến; còn những ngày sắp tới, khi lực lượng tập kết chuyển ra miền Bắc rồi thì số cán bộ còn lại cùng với nhân dân sẽ sống và sinh hoạt như thế nào giữa vòng vây kềm kẹp của kẻ thù; chỉ có thể dựa vào cơ sở pháp lý của Hiệp định Giơ-ne-vơ mà đấu tranh trong khi kẻ thù thì thâm độc, xảo quyệt. Tâm tư nhiều người ai cũng mong muốn được tập kết ra miền Bắc.

Tuy nhiên, khi được phổ biến lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, biết rằng Đảng, Chính phủ và Hồ Chủ tịch luôn theo dõi cuộc đấu tranh đến ngày toàn thắng; được giải thích rằng phải có lực lượng tập kết ra miền Bắc là để thi hành Hiệp định đình chiến, nhưng cũng cần có người ở lại dựa vào qui định của Hiệp định sống hợp pháp cùng với nhân dân để hướng dẫn cho nhân dân đấu tranh đòi kẻ thù nghiêm chỉnh thi hành Hiệp định, xây dựng thực lực chính trị chuẩn bị cho bước hiệp thương tổng tuyển cử hai năm sau. Như vậy người đi kẻ ở đều có vinh quang và trách

nhiệm. Từ đó mọi người ý thức được rằng phải đạt lợi ích cả nước trên lợi ích địa phương, lợi ích lâu dài trên lợi ích trước mắt để cùng đồng bào toàn quốc phấn đấu củng cố hòa bình thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập dân tộc, dân chủ trong toàn quốc, yên tâm tuân thủ theo sự phân công bố trí của tổ chức.

Trong thời gian học tập, toàn bộ lực lượng bộ đội, du kích và một số cán bộ Dân chính Đảng được tỉnh thông báo đi tập kết thì tranh thủ chuẩn bị và chia tay người thân gia đình. Xã Phan Hiệp có đồng chí Văn Hiệp, các anh Quang Đình Phố, Tiền Bể, Nguyễn Thuận, Lâm Tro, Nguyễn Chức, Tôn Quy, Nguyễn Thương, Cửu Nội,... ở huyện Phan Lý có đồng chí bí thư Nguyễn Bích; đồng chí chủ tịch Cao Đức Cang. Còn đồng chí Đặng Chế Hoa, các ông Tạ Đức Mạnh, Nguyễn Chay thuộc diện cán bộ huyện bố trí ở lại thì được lãnh đạo tỉnh gặp riêng từng người để trao đổi, dặn dò công việc của người ở lại, kiên trì chờ đợi sự mọc nối của tổ chức. Ngoài ra, do mới đi học lớp chính Đảng về, tình hình của huyện còn chưa nắm chắc nên ông Tạ Đức Mạnh được đồng chí Nguyễn Bích gặp truyền đạt lại tình hình huyện

Phan Lý thời gian qua và chuyển giao lại cho ông Mạnh cất giữ tiền 3.000 đồng cùng một ít dụng cụ y tế thuốc men, trước khi ông Mạnh trở về sống hợp pháp.

Kết thúc đợt học tập, để phát huy và cổ vũ thắng lợi đã giành được, ngày 19 tháng 8 năm 1954 tại Triền, tỉnh tổ chức cuộc mít-tinh mừng chiến thắng có biểu diễn văn nghệ với sự tham gia của các chiến sĩ Trung đoàn 812 đi dự lễ ở Liên Khu 5 về. Sau mít-tinh, cán bộ chiến sĩ được đi tập kết thì di chuyển về địa điểm qui định để xuống tàu ra Bắc. Cuối tháng 9 đầu tháng 10 năm 1954, sau vài lần bị bên địch thay đổi chuyển địa điểm, đoàn cán bộ chiến sĩ tập kết xuống tàu tại Xuyên Mộc, Bà Rịa tạm thời rời xa quê hương xứ sở thân thương. Mọi người lưu luyến trong giờ phút tiễn đưa. Còn hầu hết số cán bộ thôn - xã và một số cán bộ huyện ở lại trở về sinh sống hợp pháp cùng gia đình tại làng xóm thuộc vùng tạm chiếm dựa vào pháp lý của Hiệp định để làm ăn và cùng với quần chúng đấu tranh chống kẻ thù. Riêng ông Tạ Đức Mạnh từ Triền, lúc đầu về vùng ruộng rẫy của xã Phan Hòa, nơi ông phụ trách trước khi đi học chính Đảng, để lấy đồ đạc cất giấu, dò la động tĩnh tìm cách tiếp xúc với

đồng bào và số cán bộ kháng chiến cũ trong khu tập trung. Sau đó ông Mạnh chuyển về vùng ruộng rẫy bìa động Ngọc Sơn thuộc xã Phan Hiệp, sử dụng số tiền đang cất giữ, mượn ruộng Bà Tín (Đồng Mới - Trì Đức) sản xuất, sinh sống chờ đợi trên móc nổi hoạt động.

Ở khu tập trung Hựu An, kể từ khi có lệnh đình chiến, do không chịu nổi cảnh sống tá túc, chật chội, không thuận tiện cho việc làm ăn nên dân các làng bị dồn về như: Mai Lãnh, Tịnh Mỹ, Xuân Quang đều lần lượt trở về quê cũ sinh sống; còn Trí Thái về Tân Mục chứ không còn ở tập trung một khu Hựu An nữa. Riêng làng Thanh Hiếu chuyển về khu đất cũ trước khi dồn vào khu Hựu An (tức là khu dân cư hiện nay), nhưng chỉ phía Bắc đường quốc lộ 1A. Do vậy mà số cán bộ kháng chiến về sống hợp pháp cũng theo gia đình ở các khu dân cư đó.

Tâm trạng chung của đồng bào Phan Hiệp là vui mừng vì không còn cảnh chiến tranh loạn lạc, bom đạn thương vong, được dễ dàng tự do đi lại làm ăn, nhưng vẫn thấp thỏm lo lắng vì chưa biết tình hình sắp tới. Còn cán bộ kháng chiến, do bộ máy hành chính từ huyện đến cơ sở của ta đã tự

giải thể không còn xác lập nữa, cho nên khi về sống hợp pháp cùng gia đình thì bước đầu cảm thấy lúng túng, băn khoăn. Vì từ cách thức đấu tranh vũ trang hoạt động công khai trước đây nhân dân đều biết nay chuyển sang cách thức đấu tranh chính trị sống chung dưới sự quản lý kiểm soát của địch, hoàn toàn mới và rất khó khăn, lại không có tổ chức chỉ đạo thống nhất. Do đó hành động của cán bộ ta trong lúc này không ngoài thông qua việc đi lại thăm viếng bà con thân thuộc, bạn bè quen biết để phổ biến, giải thích nội dung, ý nghĩa thắng lợi của việc ký kết Hiệp định đình chiến, để cho đồng bào hiểu rõ không nghe theo các luận điệu tuyên truyền xuyên tạc của địch, tham gia đảm nhiệm các chức vụ làng, xã của địch lập ra trong khu tập trung, động viên quần chúng tích cực tham gia các cuộc đấu tranh đòi nhà cầm quyền thực hiện các vấn đề dân sinh dân chủ, giữ lấy các quyền lợi mà quần chúng đã giành được trong kháng chiến, cải thiện đời sống, đòi địch thi hành Hiệp định, củng cố niềm tin vào sự nghiệp cách mạng. Các tổ chức cơ sở Đảng đều đình chỉ sinh hoạt. Người đảng viên chỉ được phép luôn luôn nhớ rằng lúc nào cũng có Đảng ở bên cạnh, phải giữ vững niềm tin, giữ vững phẩm

chất, giữ mối quan hệ tốt với quần chúng khi nào cần thì tổ chức sẽ bắt liên lạc.

Về phía địch, lúc đầu khi bọn quan thầy Pháp lo chuyển quân về khu vực tập kết đợi đúng thời gian rút về nước thì bọn tay sai ở địa phương ngừng hẳn việc ruồng bố. Chúng co cụm lại trong đồn bót, ủ rũ lo lắng, ngoắc ngoải chờ mong. Đến khi ta hoàn thành công việc tập kết ra miền Bắc trong thời gian đã định, được lệnh quan thầy Mỹ - Diệm cấp trên thì chúng thay đổi thái độ, tăng cường các hoạt động kèm kẹp. Chúng khẩn trương ráo riết củng cố tổ chức bộ máy nguy quyền từ quận xuống cơ sở; giữ nguyên quận Phan Lý Châm, tiếp tục giao cho Thanh Giác làm Quận trưởng. Bám theo Thanh Giác có tiểu đội lính Bảo an do thiếu úy Kim Hùng chỉ huy. Địch bắt ép thanh niên vào tổ chức "Thanh niên chiến đấu" xây dựng lực lượng vũ trang canh gác cho chúng. Địch sắp xếp, bố trí lại các khu dân cư để phục vụ cho ý đồ chiến lược, chiến thuật của chúng bằng cách không cho đồng bào các làng Trì Đức, Trường Loan, Ninh Hà, Kỳ La, Chương Thiện, Đạo Hiệp về sống ở làng cũ mà giữ hết lại ở khu tập trung Hựu An và chuyển dân làng Thanh Hiếu về ở khu ruộng đồng Vua, phía dưới

bến Thanh Tu, cặp sát quốc lộ 1A về hướng Bắc hình thành khu dân cư mới án ngữ giữa 2 thị trấn Chợ Lầu và Phan Rí Thành. Từ 8 làng trên, địch lập ra xã Hựu An, cũng là khu quận lỵ quận Phan Lý Chàm của chúng để dễ kèm chặt, tách đồng bào Chăm ra khỏi Đảng, khỏi cách mạng. Chúng lập Hội đồng Hương chính xã Hựu An do ông Qua Diệt làm Đại diện xã, ông Thanh Thên làm Tài chánh xã, ông Lương Đắc Trận làm Đoàn trưởng Dân vệ kiêm Tư pháp xã. Ở mỗi làng, chúng cử ra lý trưởng và phó lý gồm:

Làng Kỳ La: Ông Nguyễn Lực (tức Nguyệt) và ông Diên Đá.

Làng Chưởng Thiện: Ông Lâm Tồn (*) và ông Lượng Tía.

Làng Ninh Hà: Ông Văn Hóa và ông Thanh Hậu.

Làng Hựu An: Ông Dụng Gạch (*) và ông Đa Vàng.

Làng Tường Loan: Ông Đào Bỏ và ông Văn Quán (tức Văn Ngọc Giai *).

(*) Cán bộ kháng chiến cũ của xã Phan Hiệp trước năm 1954.

Làng Trì Đức: Ông Khê Tại và ông Long Bưởi.

Làng Thanh Hiếu: Ông Đàng Xe và ông Nguyễn Cận (Tư Kèn - người Kinh).

Từ tháng 10 năm 1954, địch đưa Sư đoàn 5 của chúng do đại tá Woòng A Sáng, người Nùng chỉ huy có đại tá Mỹ Mallen làm cố vấn cùng 5.000 dân, chủ yếu là người Tày, Nùng thuộc dân tộc thiểu số miền Bắc thuộc tỉnh Lạng Sơn, Quảng Ninh (Móng Cái)..., trong đó phần đông là gia đình binh lính vào đóng và ở tại khu dân cư của làng Ninh Hà thuộc xã Phan Hiệp, cạnh kề đường sắt Bắc - Nam để từ đó hình thành 3 xã người Nùng - Hoa là Hải Xuân, Hải Lạc, Hải Thủy, nhằm xây dựng khu ga đường sắt, hậu cứ Sông Mao và thành lập khu quận lỵ quận Hải Ninh, tạo thế bao vây án ngữ chia cắt địa bàn hoạt động của ta.

Cùng với việc củng cố tổ chức bộ máy, bố trí lại địa bàn hành chính, địch bắt đầu tiến hành các thủ đoạn trấn áp. Bên ngoài chúng hô hào chung sống hòa bình, xoa dịu nhân dân rằng cứ yên tâm làm ăn bình thường, nhưng ngấm ngấm bên trong,

chúng tung thám báo tìm hiểu việc rút quân của ta có triệt để không, có lực lượng vũ trang của ta nằm lại không, điều tra cán bộ kháng chiến ai đi ai ở, theo dõi số cán bộ từ rừng về có quan hệ, hoạt động ra sao.

Thực hiện thủ đoạn hòng dập tắt ý chí đấu tranh cách mạng và tiêu diệt sinh mệnh chính trị của những người đi kháng chiến; bôi nhọ, ly gián cán bộ với quần chúng nhân dân; chính quyền tay sai ở địa phương đã một mặt vừa kêu gọi vừa răn đe buộc những người kháng chiến đang về sống hợp pháp cùng gia đình phải ra trình diện đầu hàng đầu thú. Mặt khác, chúng sử dụng cảnh sát, lính bảo an lùng sục trong các khu dân cư, ruộng rẫy, chặn trên đường để bắt giữ đảng viên, cán bộ kháng chiến hoạt động.

Sau khi từ triển về sinh sống hợp pháp chẳng bao lâu, hầu hết số cán bộ kháng chiến của xã Phan Hiệp lần lượt đều bị địch bắt giữ (ngoại trừ ông Lâm Tôn). Các anh Huỳnh Nhội, Đàng Bớt bị bắt tại đầu cầu xóm Lụa (Chợ Lâu) giữa đường từ Tịnh Mỹ xuống Hựu An. Ngày 10 tháng 9 năm 1954, ông Tạ Đức Mạnh bị lính bảo an bắt tại

ruộng Bà Tín (Đồng Mới - Trì Đức). Toàn bộ số bị bắt (bao gồm cán bộ các xã khác nữa) đều bị đưa về giao cho bọn cảnh sát quận Hòa Đa do các tên Bi, tên Thìn giam giữ (lúc này quận Phan Lý Chàm chưa có công an cảnh sát).

Sau đó, bọn địch viện ra lý do có Thanh Giác nhận lãnh, nên chúng chuyển hết cán bộ kháng chiến người Chăm về quận Phan Lý Chàm, nhưng thật ra ý đồ chúng muốn thông qua Thanh Giác là người Chăm, lại có thời gian tham gia kháng chiến, hy vọng sẽ lung lạc ý chí cán bộ ta nghe theo.

Tại quận Phan Lý Chàm, quận trưởng Thanh Giác ra lệnh tập trung cán bộ kháng chiến bị bắt cho hắn nói chuyện. Hắn nói "Anh em theo Việt Minh mấy năm qua, nhưng vừa rồi Việt Minh đã đi ra Bắc, bỏ rơi các anh ở lại miền Nam. Bây giờ các anh muốn sống ở miền Nam thì phải làm giấy cam đoan ly khai Việt Minh, xuất thú tội lỗi với quốc gia". Thấy Thanh Giác nói vậy đồng chí Văn Quyền đưa tay có ý kiến: "Chúng tôi đi làm cách mạng kháng chiến đánh Tây, nay có hòa bình lập lại, anh em tôi về nhà làm ăn, bởi trong

văn bản Hiệp định Giơ-ne-vơ do hai bên Việt - Pháp ký kết có nói rõ các chương, điều khoản quy định thời gian nhà đương cuộc hai miền gặp nhau bàn cho hiệp thương, tiến tới tổng tuyển cử thống nhất hai miền Nam - Bắc. Tôi còn nhớ Điều 14C bản Hiệp định Giơ-ne-vơ có nói rõ: Nhân dân có quyền chọn nơi sinh sống, kể cả người kháng chiến cũng như quốc gia, nhà đương cuộc hai miền phải tôn trọng và bảo vệ, tránh không trả thù"... Đuối lý trước lập luận của những người kháng chiến, quận trưởng Thanh Giác trả lời tránh né: "Các anh không nói Hiệp định với tôi, bởi quốc gia ngoại trưởng Vũ Văn Mẫu không ký vào văn bản Hiệp định mà chỉ có hai bên Việt Minh và Pháp ký mà thôi. Cho nên các anh muốn nói Hiệp thương tổng tuyển cử thì đến chính phủ Pháp mà nói. Vậy các anh phải làm ly khai xuất thú". Số cán bộ kháng chiến ở Phan Lý nói chung, xã Phan Hiệp ta nói riêng vì đã qua học tập, nắm vững nội dung Hiệp định là về sống công khai hợp pháp, chứ không phải thua trận đầu hàng nên lập trường vững vàng, kiên quyết cự tuyệt không chịu làm giấy xuất thú theo đòi hỏi của địch.

Bất lực trước tinh thần kiên định của cán bộ kháng chiến, Thanh Giác tuy vô cùng căm tức, nhưng đành phải chịu thú nhận một kết quả không như mong muốn với cấp trên ở tỉnh. Sáng hôm sau, bọn tay sai ở quận Phan Lý Chàm chuyển cán bộ ta vào Phan Thiết, mặc dù trước khi bắt giữ chúng rêu rao tuyên bố là không trả thù những người kháng chiến. Khi tổ chức chuyển cán bộ ta vào Phan Thiết, địch có âm mưu muốn phân hóa đội ngũ cán bộ ta bằng cách chỉ chọn chuyển một số mà chúng cho là cầm đầu kích động. Nhưng cán bộ ta đã đấu tranh, không chuyển thì thôi, còn nếu chuyển thì phải chuyển hết. Hưởng ứng và cổ vũ tinh thần đấu tranh của những cán bộ kháng chiến bị bắt giữ, quần chúng nhân dân Hựu An và ngã ba Hiệp Phước, đa phần là các chị phụ nữ, đã ồ ạt kéo nhau ra đường bao vây, chặn đầu xe chở cán bộ ta, hô to các khẩu hiệu hoan hô tinh thần cán bộ; phản đối hành động của địch khi hòa bình rồi mà còn bắt bớ trả thù, đồng thời đưa lên xe số bánh kẹo là hàng buôn bán của bà con ủng hộ cho cán bộ kháng chiến.

Tại nhà lao Phan Thiết, cùng với cán bộ kháng chiến các nơi trong tỉnh bị địch bắt giữ tại đây, cán bộ ta tiếp tục tỏ rõ thái độ kiên quyết không đầu hàng địch. Tên Nguyễn Quang Hoàn, trung tá tỉnh trưởng Bình Thuận cùng với các tên đại diện Ty Công an và Chánh án (quan tòa) đã cố thuyết phục cán bộ ta. Tên tỉnh trưởng nói: "Các anh theo Việt Minh cộng sản mấy năm khổ cực, nay Việt Minh đi ra Bắc bỏ các anh ở lại với quốc gia, tại sao các anh không căm thù. Ngược lại chính quyền quốc gia sẵn sàng đón tiếp các anh, tại sao các anh không biết ơn mà còn chống đối quốc gia. Như vậy là ngoan cố. Các anh đừng nghĩ 2 năm sau có hiệp thương tổng tuyển cử. Các anh có thấy Đông và Tây nước Đức chia đôi lãnh thổ từ sau thế chiến năm 1945 đến nay thì có được thống nhất không? Còn Bắc Hàn và Nam Hàn nữa. Do đó Việt Nam cũng thế thôi, miền Bắc đã giao cho Việt Minh, miền Nam giao cho Pháp rồi, nếu các anh cứ tin theo Việt Minh mà chống đối phá hoại an ninh trật tự quốc gia thì các anh ở tù rục rường nghe chưa". Mặc cho bọn chúng nói gì thì nói, cán bộ ta vẫn không chịu làm giấy xuất thú. Chúng tiếp tục giam giữ cán bộ ta tại Phan Thiết, hằng ngày chúng cho xe chở cán bộ ta đi ra

núi Tà Dôn chặt cây làm trại cho nhân dân bị chúng đưa từ miền Bắc vào ở. Cứ như thế, sau thời gian 3 tháng không buộc được cán bộ ta làm các giấy tờ do chúng yêu cầu, chúng phải thả cán bộ kháng chiến. Lần lượt cán bộ ta trở về lại địa phương, sinh sống hợp pháp cùng gia đình, bám ruộng rẫy vừa lo làm ăn vừa chờ đợi tổ chức cấp trên móc nối. Cùng lúc này, đồng chí Bó Xuân Đồng, người làng Hựu An, là cán bộ kháng chiến công tác tại miền Đông Hàm Thuận từ địa điểm tập kết Hàm Tân trở về khu Hựu An, dự tính thăm nhà ít hôm trước khi trở vào vùng Hàm Thuận tránh lánh tiếp tục hoạt động như trước. Nhưng chưa kịp vào lại, thì đã bị Thanh Giác phát hiện và kêu buộc đồng chí Đồng phải xuống công an Hòa Đa làm giấy xuất thú. Đồng chí Đồng dùng dằng không chịu làm giấy xuất thú. Vài ngày sau, đồng chí Đồng bỏ tiền ra làm giấy tùy thân để dễ bề ở lại địa phương hoạt động. Từ khi có giấy tờ, đồng chí Đồng thường xuyên đi lại các vùng Tuy Phong, Phan Thiết để nắm bắt tình hình và tìm đến liên hệ trao đổi với các cán bộ ở lại tại chỗ.

Cùng với các hoạt động truy bức cán bộ kháng chiến, tại địa phương kẻ địch tăng cường

hoạt động tuyên truyền nói xấu Đảng ta, trắng trợn xuyên tạc và phá hoại Hiệp định hòa bình với những luận điệu bịp bợm: "Ký kết Hiệp định là Việt Minh thua", "Tập kết là chia đôi đất nước". Chúng đưa ra khẩu hiệu "Bãi phong đả thực, chống cộng", hòng ru ngủ nhân dân, khống chế các gia đình có quan hệ với cách mạng. Còn việc dồn đồng bào dân tộc Nùng miền Bắc vào sinh sống ở một số vùng trong Nam, chúng vin cớ cho rằng: "Họ không chịu sống chung với cộng sản".

Chúng tìm mọi âm mưu xảo quyệt như dùng chức tước dụ dỗ hay kích động tâm lý dân tộc lôi kéo cán bộ ta tham gia vào đảng phái phản động (tổ chức "Phục hưng Chiêm thượng"), rủ rê gài bẫy vào chốn ăn chơi sa đọa với thâm ý khơi gợi tư tưởng cầu an, hưởng lạc hòng lung lạc ý chí, hạ uy thế, bôi nhọ hình ảnh thanh danh cán bộ cách mạng, nhất là đối với số có trình độ học vấn. Thế nhưng cán bộ ta đã giữ vững lập trường phẩm chất, không để bị khuất phục sa vào cạm bẫy của chúng.

Không dừng lại ở các thủ đoạn trên đây, để tăng cường công cụ giúp bộ máy ngụy quyền địa

phương thực hiện mưu đồ phá hoại hiệp định, đầu năm 1955, địch tiếp tục củng cố bộ máy cơ sở, dồn các làng trong xã tổ chức lại thành 4 thôn, đứng đầu là thôn trưởng và thôn phó đồng thời bố trí lại nhân sự.

- Thôn Trì Đức do ông Long Bưởi làm thôn trưởng và ông Khê Tại làm thôn phó.

- Thôn Thanh Hiếu do ông Nguyễn Cận làm thôn trưởng và ông Đặng Cầu làm thôn phó.

- Liên các làng Hựu An, Tường Loan, Ninh Hà thành thôn Hiệp An do ông Văn Hóa làm thôn trưởng và ông Dụng Gạch làm thôn phó.

- Liên 2 làng Kỳ La và Chưởng Thiện thành Thôn Hiệp Thiện do ông Lâm Tồn làm thôn trưởng và ông Diên Đá làm thôn phó.

Ở xã chúng đưa ông Lương Đắc Có thay cho ông Qua Diệt làm đại diện xã, ngoài số cũ còn cử thêm ông Quách Cầu làm đoàn trưởng thanh niên xã, ông Dụng Lớn làm Trưởng ban thông tin xã, ông Nguyễn Lực (tức Nguyệt) làm Trưởng ban công an xã và ông Đảng Dụng làm phó dân vệ xã.

Bọn cầm đầu địa phương tổ chức mạng lưới mật báo viên, thành lập bảo an đoàn trong đó có tiểu đội thám báo do người địa phương chỉ huy. Chúng tiến hành thanh lọc số binh lính công chức lớn tuổi có thái độ thân Pháp và dọa dẫm, mua chuộc, lôi kéo thanh niên người Chăm trong xã. Nhìn chung tâm trạng thanh niên lúc này cũng thấy đi lính là có tội với đồng bào, dân tộc, nhưng do phong tục tập quán ràng buộc việc thoát ly rời xa gia đình, lại bị o ép không được ra ngoài làm ăn tạo ra thu nhập, nên cuối cùng buộc phải vào lính như một cách làm thuê để có tiền lương chi dùng nuôi gia đình. Tuy nhiên cũng có số người vì ham danh vị, thể hiện tính chất tay sai, phản động cực kỳ hung ác quên hết tình dân tộc, nghĩa đồng bào, sốt sắng tích cực làm tháo báo rình mò, theo dõi mọi hoạt động của cán bộ kháng chiến.

Về phía ta, trong khi địch ra sức phá hoại hiệp định, tăng cường đàn áp phong trào cách mạng của quần chúng thì đội ngũ cán bộ ta đang sống hợp pháp trong dân kể cả các đồng chí cấp huyện được phân ở lại chỉ có một chỗ dựa đầu tranh là nội dung pháp lý của Hiệp định Giơ-ne-vơ, một chiều và quá nhấn mạnh vào đấu tranh

chính trị, không nhận được sự móc nối liên lạc, sự chuyển hướng chỉ đạo từ tổ chức, từ cấp trên, nên hết sức lúng túng và cảm thấy đơn độc.

Đến tháng 9 năm 1954, Tỉnh ủy Bình Thuận họp tại Xóm Rẫy (xã Tân Thuận - Hàm Tân) để bàn công tác cán bộ, sắp xếp lại tổ chức cho phù hợp với tình hình mới và lãnh đạo nhân dân đấu tranh đòi địch thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ. Sau hội nghị, tỉnh cử Võ Xuân Viên là Tỉnh ủy viên phụ trách công tác xây dựng củng cố tổ chức các huyện bắc Bình Thuận về móc nối các cán bộ được phân công nằm lại của huyện Phan Lý. Khoảng tháng 3 năm 1955, em Nguyễn Đỉnh (tự là Sơn) 16 tuổi, vốn trước đây là giao liên của huyện miền Đông Hàm Thuận đã tìm gặp ông Tạ Đức Mạnh tại nơi ông đang làm ăn sinh sống là khu vực ruộng Bà Tín, ven bìa động Ngọc Sơn để chuyển giấy mời của Võ Xuân Viên và sau đó dẫn đường cho ông Mạnh vào khu vực động Thái An. Tại cuộc gặp, sau khi nêu yêu cầu và nghe ông Mạnh báo cáo tình hình địch ở Phan Lý từ đình chiến đến nay, tình hình hoạt động lực lượng nông cốt cán của ta về phẩm chất, đạo đức, đời sống... và tình hình của nhân dân trong khu tập trung; Võ Xuân Viên đã tập huấn cho ông Mạnh

1 ngày đồng thời giao công tác mới, quy định chế độ báo cáo, tổ chức đường dây liên lạc. Như vậy kể từ lúc này, sự lãnh đạo của tỉnh đã được nối lại với phong trào các địa phương thuộc Phan Lý. Sau cuộc gặp, trở lại địa bàn sinh sống hoạt động, ông Mạnh tiến hành công việc bí mật rà xét lại đội ngũ nòng cốt, duy trì mối quan hệ liên lạc với các cán bộ chủ chốt xã đang sống hợp pháp trong khu tập trung.

Tháng 9 năm 1955, theo giấy triệu tập của Võ Xuân Viên do đồng chí Cao Cẩn phụ trách đường dây của Huyện ủy Bắc Bình trực tiếp chuyển, các cán bộ chủ chốt của huyện Phan Lý gồm: Nguyễn Chay, Đặng Chế Hoa, Tạ Đức Mạnh đã tập trung về một địa điểm tại khu vực động Ngọc Sơn. Khi đến điểm tập trung 2 cán bộ Chay và Chế Hoa đã được Võ Xuân Viên gặp riêng trao đổi, còn ông Mạnh thì được đồng chí Cao Cẩn dẫn đến gặp đồng chí Lê Thanh Hải (Mười Râu), Bí thư Huyện ủy Bắc Bình. Trong một đêm đồng chí Hải và ông Mạnh đã trao đổi tình hình địch, ta trên hai địa bàn Hòa Đa - Phan Lý để có sự thống nhất phối hợp và yểm trợ cho nhau chặt chẽ.

Ngày hôm sau, thì Võ Xuân Viên mới làm việc với cả 3 cán bộ ở Phan Lý, để truyền đạt tình hình âm mưu địch trong thời gian tới và nhiệm vụ của ta, đồng thời công bố hình thành tổ chức. Do Phan Lý bước đầu không đủ nhân sự nên chỉ hình thành Ban cán sự huyện gồm 3 cán bộ dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh ủy và phân công cụ thể như sau:

- Ông Nguyễn Chay, Trưởng ban chịu trách nhiệm chung và phụ trách xây dựng phong trào xã miền núi Phan Sơn (nay là Phan Dũng - Tuy Phong).

- Đồng chí Đặng Chế Hoa, Ủy viên phụ trách xây dựng phong trào các xã miền núi còn lại như: Oan Ta Líp, Cà Lon (nay là Phan Sơn), Trinh Hòa - Gia Hòa (nay là Phan Lâm), Phú Nhiêu khu tập trung Sông Mao (Phan Điền).

- Ông Tạ Đức Mạnh, Ủy viên phụ trách xây dựng phong trào các xã Chăm là Phan Hiệp, Phan Thanh, Phan Hòa, Phú Lạc.

Tối hôm đó, các cán bộ trên di chuyển từ bên sông qua bên núi, thống nhất địa điểm hội

hợp và tỏa về các địa bàn phụ trách hoạt động, tiến hành điều tra nắm lại đảng viên, cốt cán, phân loại, đặt kế hoạch giáo dục, xây dựng tổ chức bí mật. Vì trong thời gian này, trong các khu tập trung, đặc biệt khu Hữu An là khu quản lý của quận Phan Lý Chàm bị kẻ địch tăng cường các thủ đoạn khủng bố, dọa dẫm, mua chuộc dụ dỗ lôi kéo theo chúng, do đó hoạt động của nhiều cán bộ kháng chiến của xã Phan Hiệp đang sống hợp pháp bị giám sát chặt chẽ, rất khó khăn, một số có biểu hiện thụ động nằm im, không dám và không muốn gặp gỡ các cán bộ của huyện đang tìm cách móc nối. Do đó, tại địa bàn mình phụ trách, ông Tạ Đức Mạnh chỉ liên lạc nối lại được một số cốt cán cũ như: Văn Quyên, BỐ Xuân Đồng, Lâm Gửi, Khê Bồi, Dụng Gạch... Ban cán sự Phan Lý đã triệu tập các cốt cán này vào khu căn cứ huyện đóng trên núi để tổ chức học tập trong thời gian một ngày về các âm mưu phá hoại của địch, phương châm tổ chức xây dựng của ta, do ông Tạ Đức Mạnh trực tiếp hướng dẫn, có sự tham dự của Võ Xuân Viên. Học tập xong, tiến hành phân công cán bộ nòng cốt phụ trách các khu vực. Bộ phận phụ trách xã Phan Hiệp có địa

bàn lúc này khá rộng, trải dài từ Thanh Hiếu lên Hựu An, Tịnh Mỹ, Cảnh Diển, Trí Thái, Châu Hanh, Thanh Kiệt đến Mai Lãnh gồm 3 cán bộ là Bố Xuân Đồng, Khê Bồi và Đặng Nư Chớ, trong đó phân công cụ thể đồng chí Đồng về bám khu vực Hựu An và Thanh Hiếu; Khê Bồi khu Tịnh Mỹ, Cảnh Diển; Đặng Nư Chớ trên Châu Hanh, Thanh Kiệt, Mai Lãnh và Trí Thái. Tuy nhiên, chỉ sau một thời gian vì ngao ngán trước gian khổ, lại mới cưới vợ nên Đặng Nư Chớ về nhà nằm im. Một số cán bộ cũ khác như Lâm Tôn, Quách Cầu, Dụng Gạch sau cuộc học tập trên thì về ở hẳn trong khu tập trung, rất khó khăn cho việc liên lạc móc nối. Địa bàn hoạt động quá rộng, không người bổ sung, bộ phận này chỉ còn hai người. Để lẩn tránh sự truy bắt của địch, bộ phận phụ trách địa bàn Phan Hiệp đã chọn khu rẫy động gần 2 làng Ngọc Sơn, Thái An để dựa vào nhân dân hai làng vốn có truyền thống cách mạng, cùng hòa nhịp trong sản xuất và sinh sống. Sau một thời gian, thấy bên động bọn địch thường hay đi truy lùng, nên đồng chí Đồng chuyển lánh qua địa bàn miền núi.

Tháng 7 năm 1955, Ngô Đình Diệm tuyên bố không thực hiện hiệp thương theo tinh thần hiệp định, hung hăng đẩy mạnh chiến dịch "tố cộng" đợt 1, tuyên bố lấy ngày 20/7 hàng năm làm ngày "quốc hận", hô hào "Bắc tiến, lập sống Bến Hải". Biết Mỹ - Diệm sẽ không thi hành hiệp định nên Trung ương Đảng đã chỉ đạo toàn miền Nam dùng áp lực quần chúng đấu tranh đòi hiệp thương tổng tuyển cử, tẩy chay trò hề trưng cầu dân ý là thủ đoạn do Mỹ nặn ra nhằm xóa bỏ chính phủ tay sai thân Pháp ở Việt Nam, vô hiệu hóa Hiệp định Giơ-ne-vơ, chia cắt lâu dài đất nước ta. Bọn địch ở địa phương ráo riết hoạt động chống phá; huy động tay chân ngăn chặn mọi hoạt động của nhân dân ta vào dịp kỷ niệm một năm ngày ký kết hiệp định lập lại hòa bình. Phong trào quần chúng lúc này không khởi gặp khó khăn nên mọi hoạt động phải đi vào chiều sâu, kín đáo hơn, việc liên lạc trao đổi báo cáo tình hình trong nội bộ với cấp trên đều thực hiện qua hộp thư mật.

Ngày 23 tháng 10 năm 1955, địch tổ chức rầm rộ cái gọi là "trưng cầu dân ý" nhằm truất phế Bảo Đại đưa Ngô Đình Diệm lên làm tổng

thống. Để thực hiện được ý đồ, chúng cho bọn tay chân làm cò mỗi công khai vận động đồng bào bằng khẩu hiệu "xanh bỏ giỏ, đỏ bỏ thùng" (xanh là phiếu Bảo Đại, đỏ là phiếu Ngô Đình Diệm). Thực hiện chủ trương tẩy chay trò hề của Mỹ Diệm, cơ sở cốt cán của ta đã vận động hướng dẫn cho nhân dân bằng nhiều hình thức tìm cách trì hoãn không đi bỏ phiếu, hoặc nếu buộc phải đi thì bỏ phiếu bất hợp lệ. Đã có người tìm lý do lẫn trốn như ông Quách Quýt (Trì Đức), Lương Trá (Hiệp An), Đảng Tiết, Đảng Xe, Đảng Chụp (Thanh Hiếu); có người đã thoa ớt vào mắt cho đỏ như bị đau để khi bỏ phiếu thì làm như bị bỏ lộn, thay vì bỏ phiếu đỏ lại bỏ phiếu xanh vào thùng như ông Quách Minh (Trì Đức), vợ chồng ông Bùi Xuân Thọ (Hiệp An), ông Lâm Quang Cảnh, bà Úc Thị Đậu (Hiệp Thiện), bà Nguyễn Thị Nhờ, ông Đảng Hưng (Thanh Hiếu). Bọn tay sai nghi ngờ đã tổ chức mật báo viên núp trên tấm đan theo dõi, cho nên có một số quần chúng nhân dân bị tình nghi và sau này bị bắt. Vì là mưu đồ gian lận sắp đặt trước, cho nên cuối cùng Ngô Đình Diệm cũng trúng cử.

Sau khi được giữ chức tổng thống, nắm chính quyền làm tay sai cho Mỹ, Ngô Đình Diệm càng thẳng tay đàn áp lực lượng cách mạng một cách ác liệt hơn. Chúng tuyên bố đặt "cộng sản" và phong trào yêu nước của nhân dân miền Nam ra ngoài vòng pháp luật. Chúng giương cao ngọn cờ "chống cộng", thẳng tay đánh phá cách mạng, đưa chủ trương "tố cộng, diệt cộng" thành quốc sách hàng tiêu diệt những người kháng chiến cũ, những người yêu nước, dập tắt phong trào đấu tranh của nhân dân ta. Chúng bắt ép thanh niên vào tổ chức thanh niên chiến đấu, xây dựng lực lượng vũ trang bắt canh giữ thôn ấp. Đồng thời chúng dựng lên các chi bộ, phân bộ của đảng phái, đoàn thể phản động mà chúng gọi là "phong trào cách mạng quốc gia" ở cấp xã, ấp nhằm tập hợp lực lượng làm hậu thuẫn cho chính quyền tay sai thân Mỹ như: Đảng Cần lao nhân vị, Hiệp hội nông dân, Hội phụ nữ liên đới, Thanh niên cộng hòa, Thanh nữ cộng hòa... lôi kéo một số người ở địa phương có trình độ học vấn, có ít nhiều quan hệ gia đình kháng chiến giữ chức vụ chủ chốt. Bọn địch ra sức đầu độc nhân dân với những chiêu bài chính trị gia hiệu như "quốc gia dân

tộc", "tự do dân chủ", "tôn trọng nhân vị", "thăng tiến cần lao, đồng tiến xã hội". Về xã hội, chúng thực hiện các thủ đoạn phỉnh phờ, lừa gạt mị dân như chiếu bóng, phát quà bánh, áo quần, mừng mền, tổ chức chiêu an...

Với khẩu hiệu "giết lầm còn hơn bỏ sót", chúng chọn xã Hựu An làm điểm trong các xã Chăm thực hiện chiến dịch "Tố cộng". Tháng 12 năm 1955, chúng đưa tên Hồng Đức và tên Bi (trước là Chi trưởng cảnh sát Hòa Đa) cùng đồng bọn về Hựu An tổ chức "tố cộng". Ở cấp quận, để tăng cường tổ chức phản động, chúng thành lập Chi công an Phan Lý Chàm do tên Trần Thanh Thả làm Chi trưởng, tên Thìn làm phó cùng tên Lịch và một số tên khác. Sau khi nắm tình hình dân chúng, gạn lọc những người tình nghi, chúng phân quần chúng làm 3 loại: thiện chí, lưng chừng và thân cộng. Hết ngày này sang ngày khác địch tổ chức các buổi học tập, buộc những người có ít nhiều dính líu với cách mạng tham dự. Trước tình hình đó, một số cán bộ xã của ta trước đây về sống hợp pháp với gia đình đang còn hoạt động phải chạy ra sống ngoài ruộng rẫy, không còn mấy ai bám được trong dân. Hoạt động của cán bộ bên ngoài hết sức khó khăn. Trong các lớp "tố

cộng", nguy quyền không ngớt khoát lác rêu rao ca ngợi "chính nghĩa quốc gia", "nhà chí sĩ yêu nước" Ngô Đình Diệm, đi đôi với xuyên tạc hiệp định. Chúng cho rằng Đảng, Chính phủ ta rút ra Bắc ở yên, bỏ nhân dân và cán bộ nằm vùng ở lại cơm không đủ no, đau không thuốc uống, thân hình tiều tụy ốm yếu, mọc lông mọc lá, đến nỗi ba người đeo trên nhánh đu đủ mà không gãy, hoặc là miền Bắc đói khổ, hàng trăm người chia nhau ăn một con cá tràu v.v... Vì sợ địch khủng bố, hãm hại, những người dự học không dám phát biểu trong lớp học, nhưng khi ra về bà con bàn tán với nhau không ai tin vào lời nói của chúng và tỏ thái độ buồn cười cho sự vu cáo trơ trên đó.

Cùng với tuyên truyền xuyên tạc, chúng bắt những người học tập phải làm tờ phản tỉnh, tờ ly khai Đảng, nói xấu cách mạng, tố cáo lẫn nhau; viết cam đoan cắt đứt quan hệ với người thoát ly, tập kết. Nhiều người dự học là quân chúng tốt đã được cốt cán của ta hướng dẫn trước nên đã đồng loạt nói rằng: chúng tôi là nhân dân lao động lo làm ăn, không có ai tham gia kháng chiến, không biết cộng sản là gì cả.

Hết việc này chúng lại bày ra chuyện khác. Chúng bảo bà con ta làm đơn đòi miền Bắc phải

trả những người đi tập kết về với gia đình họ, nhưng mãi hạn ba hôm, không có ai nộp đơn cho chúng cả. Chúng bắt nhân dân viết những khẩu hiệu "tố cộng" treo ở những nơi công cộng, bắt những gia đình có người đi kháng chiến, đi tập kết viết dòng chữ "Gia đình cộng sản" trên tường nhà để ly gián, chia rẽ gia đình kháng chiến với quần chúng nhân dân, nhưng đồng bào ta không viết nên sau đó chúng cho tay chân của chúng viết và đem treo.

Song song với tổ chức học tập "tố cộng" trong khu tập trung, bọn địch ra sức truy lùng, cần quét, khủng bố, uy hiếp số cốt cán đang tránh lánh bên ngoài ruộng rẫy và tìm bắt cán bộ bất hợp pháp của ta. Chúng còn treo thưởng cho ai có công chỉ điểm hoặc trực tiếp bắt các "cán bộ nằm vùng" của ta. Những tên công an của Chi công an Hoa Đa biệt phái cùng với Chi công an Phan Lý Chàm mới thành lập luôn để ý theo dõi hoạt động của số cán bộ kháng chiến. Bọn thám báo của đại đội bảo an Phan Lý Chàm càng quý quyết hơn vì chúng là người địa phương, biết rõ ai là cán bộ đảng viên tham gia hoạt động cách mạng, chúng rình rập bám sát gây cản trở không ít. Cộng thêm vào số lính bảo an của Hòa Đa và Sư đoàn 5 đóng

ở Sông Mao, chúng tuần tra bủa vây các khu đồn dân, không cho quân chúng ra ngoài nên khó tiếp tế lương thực, thuốc men cho cán bộ của ta. Chúng cải trang giả dạng thường dân, đánh hơi tìm đến các khu đất rẫy mà chúng nghi là có cán bộ ta đang cùng lao động sản xuất với nhân dân, hoặc đột xuất tổ chức bao vây chòi trại mà chúng cho là có cán bộ ta ở. Gay go nhất là vào mùa khô ở vùng đất động, nước khan hiếm, phải đi lấy nước ban đêm nhưng không dám lấy nước ở giếng Ngọc Sơn vì sợ bọn thám báo phục kích đành phải lấy nước vũng trâu nằm, nước đọng giữa lòng mương tháo đem về nấu chín, lược đôi ba lần để nấu cơm và uống. Đã phải đối mặt với bọn bảo an, thám báo nhiều lần trong năm 1956, nếu không nhanh trí, quyết đoán thì cán bộ, cốt cán của xã khó thoát khỏi tay kẻ địch. Bên cạnh sự căng thẳng phải đối phó với sự rình rập thường xuyên của địch, còn phải lo mối nguy hiểm đe dọa từ phía thú dữ, nhất là lúc về huyện họp phải di chuyển ban đêm từ bên động qua bên núi, cọt theo sau mà không biết hoặc lúc đồng đội đi công tác, ban đêm chỉ còn đơn độc một mình trợ trợ giữa rừng sâu, phải trèo lên ngồi trên cây cao thức suốt đêm không dám ngủ.

Trong tình hình như vậy, không chịu đựng nổi trước các khó khăn, nhất là về đời sống thiếu thốn cơ cực mọi bề phải tự lực cánh sinh trước sự căm dỗ và vây ép của địch, rồi tổ chức thì chưa định hình rõ và phương thức đấu tranh hoàn toàn bằng chính trị không một tất sắt trong tay. Cho nên trong năm 1956, một số cán bộ nòng cốt của ta đang về sống hợp pháp như: Lâm Tôn, Quách Cầu,... đã không đấu tranh nổi với bản thân, đã đầu hàng địch, cộng tác với kẻ thù làm theo những gì chúng đưa ra như "tố cộng", ly khai Đảng, nói xấu lãnh tụ, nói xấu kháng chiến.

Sau khi lung lạc, lôi kéo được một số cốt cán của xã, cộng thêm với số cán bộ kháng chiến huyện Phan Lý đầu hàng trước năm 1954 đang cộng tác đặc lực với chúng. Tháng 4 năm 1956, tên Hoàng Tiểu, cán bộ phụ trách "tố cộng" của tỉnh Bình Thuận đã chỉ huy tổ chức cuộc mít-tinh "tố cộng" tại sân trường Tiểu học Phan Lý Chàm (nay là trường Tiểu học Phan Hiệp). Chúng lừa đồng bào và huy động thân hào nhân sĩ thuộc địa bàn Hựu An và các xã, ấp có liên quan đến dự để uy hiếp tinh thần. Những người được chúng đưa ra đấu tố gồm: Cửu Tiết Kiệm, Tạ Ngọc, Lâm Tôn,

Dụng Gạch, Lâm Nài. Ông Bố Xuân Long sau khi ở tù ra đang dạy học ở Sông Lòng Sông (Tuy Phong) cũng bị Thanh Giác rút về dạy tại trường Tiểu học Phan Lý Chàm để đưa vào đấu tố. Đồng chí Bố Xuân Đồng do trước đó đã biết được âm mưu nên tìm cách tránh lánh và có thông báo cho ông Dụng Gạch, nhưng ông Dụng Gạch cho biết là không thể ra ngoài tránh lánh được, xin ở lại và sẽ lấy đầu thoa làm cho mắt bị nhậm đờ. Tại cuộc đấu tố, tên Hoàng Tiểu đọc diễn văn khai mạc. Ông Lâm Nài bị buộc đứng lên đọc cáo trạng, hô khẩu hiệu chống đối cách mạng, tuyên bố ly khai và xé cờ Đảng.

Ngoài số bị đưa ra đấu tố trên đây, vẫn còn các anh Huỳnh Nhội, Đàng Bớt, Đào Lốc, Nguyễn Phú... đã tìm cách lánh trốn, nối lại với các đồng chí có trách nhiệm ở địa phương. Tuy nhiên, tình hình phức tạp do cuộc đấu tố ít nhiều làm cho quần chúng, nhân dân trong vùng Hựu An - Phan Hiệp hết sức xao xuyến. Các cơ sở cốt cán trong dân nằm im. Việc tiếp xúc với cơ sở cũng khó khăn. Anh Khê Bồi thời gian này có biểu hiện dao động mất hăng hái, đi về lên xuống thất thường. Năm bắt được tình hình này, không

để tiếp tục bị mất cán bộ, Ban Cán sự Phan Lý, mà trực tiếp phụ trách là ông Tạ Đức Mạnh đã từ huyện về tổ chức các lớp học tập củng cố tinh thần, tư tưởng cốt cán, quần chúng cách mạng. Khi thảo luận, liên hệ kiểm điểm, bài thơ "Tiến nữa đi anh" trong đó có những câu được nhiều người tâm đắc:

... *"Muôn bước tiến sao anh còn ngủ gật
Gánh tương lai anh vội vút dưới chân đèo
Làm cách mạng không phải đi theo
Nguyễn giác ngộ xả thân chiến đấu" ...*

đã được đưa ra bình luận, trao đổi học tập.

Qua củng cố tư tưởng, soát xét lại thực lực đội ngũ, huyện đã có sự phân công bổ sung cho các địa phương trong huyện. Các anh Đảng Bớt, Đào Lốc, Nguyễn Phú tăng cường cho đồng chí Đặng Chế Hoa ở miền núi Cà Lon (Phan Sơn). Anh Huỳnh Nhội tăng cường cho đồng chí Nguyễn Chay ở miền núi La Bá (Phan Dũng - Tuy Phong). Anh Lâm Ân tăng cường cho ông Tạ Đức Mạnh liên lạc các xã vùng Chăm.

Tháng 6, tháng 7 năm 1956, cấp trên chủ trương tiếp tục lãnh đạo quần chúng dựa vào

pháp lý của Hiệp định Giơ-ne-vơ đấu tranh chống "tố cộng", đòi quyền dân sinh dân chủ, đòi nhà đương cuộc hai miền sớm gặp nhau bàn về hiệp thương tiến đến tổng tuyển cử cả nước theo quy định của Hiệp định Giơ-ne-vơ đã ký kết, đòi về làng cũ để làm ăn, sinh sống... Đề phòng sự theo dõi và phát hiện của địch, số cán bộ chủ chốt huyện, xã chuyển sinh hoạt và hoạt động theo phương thức mới: không cần thì không gặp, không làm không biết, đi không dấu, nấu không khói, nói không tiếng; nơi ăn chỗ ở thật kín đáo, chọn nơi nào mà đồng bào ngại không dám lui tới để đóng cơ quan.

Phong trào cách mạng của địa phương trong giai đoạn này hết sức căng thẳng. Có một số anh em ngại khó, ngại khổ sợ hy sinh đã đầu hàng địch, phản bội đồng đội, nhân dân. Song cũng chính từ khó khổ của phong trào xã xuất hiện những con người ưu tú tiêu biểu cho tinh thần trung thành tận tụy với cách mạng, với Đảng, với nhân dân của nhiều cơ sở cốt cán. Ông Bùi Xuân Thọ, đã từng tham gia kháng Pháp, bị địch bắt tra tấn thả về lâm bệnh nặng. Đến lúc ông Đồng móc nối, thử thách, giao việc, ông đã sẵn sàng đến gặp

trong lúc tối trời địch thường theo dõi, dòm ngó, ông không quản ngại đến sự hiểm nguy. Anh Đảng Nhữ, một quần chúng tốt, đâu cần anh có, hoàn thành nhiệm vụ giao liên, dũng cảm trước địch, vừa gánh lương thực, vừa dẫn đường cho đồng chí Bồ Xuân Đồng, đã mưu trí qua được bọn địch đi tuần tiễu. Ông Đảng Xe, vừa là cơ sở của ta, vừa nhận chức ấp trưởng của địch. Trong công việc của ta ông rất tận tụy, không có cuộc hẹn gặp nào mà ông vắng mặt; ông dũng cảm đấu tranh với bọn cầm quyền, tố cáo hành vi tham ô, trù dập ức hiếp của quận trưởng Thanh Giác; việc làm của ông có tác dụng làm cho nhân dân thấy rõ bộ mặt thật của bọn cầm đầu tay sai phản dân hại nước. Ông Đảng Tiết hết lòng vì cách mạng, trong khi địch ra sức ly gián giữa cán bộ và nhân dân, ông đã không ngại liên lụy mà che giấu đồng chí Đồng trong nhà để hoạt động. Ông Đảng Bồng nhận làm ruộng cho xã và huyện, diện tích khoảng 3 gạ gieo với tất cả chi phí ông đều hỗ trợ hết.

Mặc dù đã được củng cố tư tưởng tinh thần, nhưng vào tháng 6/1956, anh Khê Bồi trong chuyến đi công tác về cơ sở đã không thấy trở lại

nữa. Tình hình khu vực Ngọc Sơn - Thái An lúc này thật sôi động cho nên đồng chí Đồng thấy cần phải chuyển sang địa bàn bên núi. Khoảng tháng 8 năm 1956, trên đường về huyện họp đồng chí Đồng ngủ đêm tại chòi ông Đa Dú (Đồng Mãng). Đây là chòi bọn Công an Hòa Đa nhiều lần tìm đến để phục bắt cán bộ mà không được. Lần này do thiếu cảnh giác không biết rằng có người đã ham số tiền thưởng 3.000 đồng mà bán rẻ lương tâm, mật báo cho tên Kính, nhân viên Công an Hòa Đa, nên nửa đêm bọn Công an Hòa Đa do tên Đội Tiên người Hòa Thuận chỉ huy bao vây chòi và bắt được đồng chí Đồng đang giữa giấc ngủ. Chúng đánh đập và giải về Công an Hòa Đa tra khảo buộc đồng chí Đồng, ngay trong đêm phải dẫn chúng đi bắt tiếp số anh em khác, nhưng đồng chí Đồng không dẫn đi chỉ. Sáng hôm sau, chúng tuyên truyền rùm beng việc bắt được 1 Việt cộng nằm vùng để từ đó khủng bố tinh thần cốt cán, quần chúng. Không buộc được đồng chí Đồng dẫn đi bắt cán bộ bất hợp pháp, những ngày sau đó chúng chuyển sang tra khảo buộc đồng chí khai ra các cơ sở cách mạng trong quần chúng nhân dân. Cũng trong thời điểm này một số cán

bộ ta như: Khê Bôi, Đào Lốc, Phạm Yên, Nguyễn Phú do không đấu tranh nổi với bản thân, nên đã bỏ về đầu hàng, bị địch đưa về Công an Hòa Đa khai thác, gây khó khăn không ít cho phong trào địa phương.

Trong gần một tuần lễ bị giam giữ tại Hòa Đa, đồng chí Đồng bị bọn Công an, cảnh sát Hòa Đa dùng đủ mọi cực hình đánh đập tra tấn dã man, đồng thời chúng còn hăm dọa sẽ nhốt và hành hạ cha đồng chí nếu đồng chí không khai nhận. Vừa đánh đập, chúng vừa chỉ vào một danh sách đã viết sẵn, hỏi đồng chí Đồng có biết mấy người này không. Đồng chí Đồng nghĩ đơn giản thấy đây là những người chủ chòi rẫy mình qua lại, nên nói biết. Đâu ngờ địch kết vào biên bản là cơ sở của đồng chí Đồng tổ chức.

Từ đó, bọn địch lần lượt tiếp tục bắt và tra tấn dã man các người mà chúng cho rằng do đồng chí Đồng khai ra. Đến lượt ông Đàng Tiết bị bắt, khai có nhận tài liệu hiệp thương tổng tuyển cử từ đồng chí Đồng về giao lại cho ông Bó Xuân Long. Hai ngày sau bọn Công an Hòa Đa lên tại trường Tiểu học Phan Lý Chàm bắt ông Long

đang giữa lúc dạy. Khi bị bắt, ông Long chỉ khai báo có nhận tài liệu xem xong rồi thủ tiêu chứ ngoài ra không có tổ chức một cơ sở nào cả. Tuy vậy với âm mưu từ trước, nay có cố, bọn địch vẫn tiếp tục bắt một số người bị chúng để ý từ lâu như các ông Bùi Xuân Thọ, Đàng Mây, Đàng Nhữ, Quách Quýt, Quách Hớn, Lượng Trá... để trả thù về việc chống phá trưng cầu dân ý của chúng. Số quần chúng bị bắt này chúng giải vào nhà lao Phan Thiết giam giữ trên 3 tháng mới thả về. Riêng đồng chí Đồng, các ông Bố Xuân Long, Lâm Gũi, Văn Quyền bị địch đày ra Côn Đảo.

Cuối năm 1956 và sang năm 1957, phong trào Phan Hiệp gặp khó khăn, cán bộ chủ chốt và một số anh em cơ sở, kẻ thì đầu hàng, người thì bị bắt. Nhiều cuộc truy lùng diễn ra hàng ngày, địch vừa đánh phá trong ấp, vừa tăng cường huy động lực lượng lượng bảo an, dân vệ càn quét, đánh phá ngoài rừng. Các cán bộ còn lại hoạt động hết sức khó khăn không có lương thực - thực phẩm để ăn, mọi nhu cầu sinh hoạt không có, chỗ ở cũng không yên. Phan Hiệp nói riêng và huyện Phan Lý nói chung lúc này là thời kỳ đen tối, đầy máu và nước mắt. Kẻ địch diễn đi diễn lại các cuộc "tố

cộng", gây căng thẳng trong đời sống hàng ngày của nhân dân, nhất là các gia đình có người tham gia kháng chiến hoặc đi tập kết ra Bắc.

Nhiều cơ sở cách mạng và quân chúng ở Thanh Hiếu, Hựu An bị địch bắt giam, tra tấn nghe lời địch cho rằng do đồng chí Bố Xuân Đồng khai báo nên đã từ chỗ oán giận đồng chí Đồng dẫn đến căm ghét xa lánh cách mạng. Vì vậy thời gian này, vừa thấy cán bộ từ xa là quân chúng nhân dân đã bỏ chạy tránh lánh, không dám quan hệ với cán bộ cách mạng.

Ngày 26 tháng 6 năm 1957, Võ Xuân Viên nguyên Thường vụ Tỉnh ủy Bình Thuận chạy về đầu hàng địch, được bọn chúng phái ra các huyện bắc Bình Thuận kết hợp với bọn ác ôn Hồng Đức, Hoàng Tiểu truy bắt các cán bộ mà Võ Xuân Viên đã biết. Sự đánh phá của Viên đối với phong trào trong vùng hết sức ác liệt. Kể từ ngày Võ Xuân Viên về đầu hàng địch, Phan Lý đứt liên lạc không nhận được sự chỉ đạo của tỉnh...

Vào cuối 1957 đầu 1958, giữa lúc đang lúng túng về phương châm, phương pháp hoạt động, Tỉnh ủy Bình Thuận đã nhận được "Bản đề cương

cách mạng miền Nam" do đồng chí Lê Duẩn soạn thảo từ tháng 7 năm 1956. Lúc này, trên có chủ trương xây dựng lực lượng để bảo vệ căn cứ, bảo vệ cán bộ và vũ trang diệt bọn phản động ác ôn.

Trước tình hình và chủ trương trên, đầu năm 1958, Tỉnh ủy Bình Thuận triệu tập cán bộ chủ chốt các huyện Phan Lý (có ông Nguyễn Chay và đồng chí Đặng Chế Hoa), huyện Di Linh và huyện Tân Linh để bàn bạc thành lập Ban Cán sự miền Tây thay mặt Tỉnh ủy trực tiếp chỉ đạo 3 huyện làm nhiệm vụ xây dựng hậu cứ cho phong trào cách mạng của tỉnh. Tỉnh ủy chỉ định đồng chí Lê Văn Triều làm Bí thư Ban Cán sự. Ban Cán sự miền Tây thành lập Ban Công tác Phan Lý Chàm (thay thế cho huyện ủy) gồm các ông Nguyễn Chay (làm Bí thư), Đặng Chế Hoa và Tạ Đức Mạnh.

Thời gian sau đó (tháng 6/1958), đồng chí Tám Triều ra bắt liên lạc với Ban Công tác Phan Lý, củng cố lại đội ngũ cán bộ và truyền đạt các nhận định về tình hình hiện nay do địch đã công khai phá hoại Hiệp định, không chịu hiệp thương hai miền, tổng tuyển cử nữa, huênh hoang tuyên

bố Bắc tiến, lấp sông Bến Hải, nên từ nay ta không còn sợ vi phạm Hiệp định. Theo lệnh trên, các cán bộ hoạt động bất hợp pháp được trang bị súng ngắn cá nhân để tự vệ.

Lúc này ở các xã vùng Chăm không còn cán bộ cơ sở, nên bộ phận phụ trách vận động cách mạng vùng Chăm trong Ban Công tác Phan Lý Chàm phải trực tiếp xuống địa bàn từng xã xây dựng lại. Ở xã Phan Hiệp, bước đầu ông Mạnh đã móc nối tổ chức được 3 cơ sở độc lập là Lượng Trử, Đặng Thao, Tôn Tỏi nhưng chưa ghép thành tổ chức.

Nhận được giấy triệu tập của Ban Cán sự miền Tây mời họp bàn công tác xây dựng căn cứ, xây dựng cơ sở, ngày 20 tháng 12 năm 1958 Ban Công tác Phan Lý Chàm cử các ông Nguyễn Chay và Đặng Chế Hoa đi dự hội nghị, phân công ông Tạ Đức Mạnh ở lại có nhiệm vụ quản lý các cán bộ còn lại của hai bộ phận như bộ phận văn phòng có anh Sáu, anh Nhội giao liên, anh Lữ Bàn, anh Lâm Ẩn và bộ phận đồng chí Hoa có anh Đảng Bớt. Ngoài ra còn có nhiệm vụ lo chuẩn bị lương thực kể cả quà ăn Tết Nguyên Đán. Chỗ

ở lúc này là trên đỉnh núi Ông Cà Lân, cao nhất so với dãy núi khác.

Trong nhiệm vụ chuẩn bị lương thực, anh Lư Bàn đã giao tiền cho cơ sở mua. Sau đó cơ sở báo lên cho anh Bàn là đồ đạc đã mua xong hẹn tối ngày 23 tháng 12 năm 1958 xuống nhận. Theo đề nghị của anh Bàn vì đồ đạc mua nhiều cần có 3 người thì mới mang hết, nên ông Mạnh đã cử thêm 2 anh Lâm Ân và Huỳnh Nhội đi cùng với anh Lư Bàn xuống mang đồ. Đâu biết rằng, cơ sở mà anh Bàn gửi mua đồ đó là Chang Huỳnh đã móc nối với địch. Địch đã sử dụng đại đội Bảo an 445 bao vây phục kích địa điểm giao nhận đồ đạc. Khi 3 người đến địa điểm thì lọt vào ổ phục kích, địch nổ súng bắn, anh Bàn hy sinh tại chỗ, còn lại hai anh Lâm Ân và Huỳnh Nhội thì bị địch bắt sống. Bọn địch tra tấn buộc hai anh phải dẫn chúng lên núi để bắt cho được các cán bộ còn lại trên đó. Không chịu nổi sự tra tấn dã man của địch, hai anh dẫn địch lên núi. Địch huy động cả đại đội đi từ 8 giờ tối đến 4 giờ sáng ngày 24 tháng 12 năm 1958 lên đến chỗ của cán bộ Phan Lý. Lúc này ông Mạnh thức sớm, dậy đi đại tiện ở một bụi rậm cách xa chỗ ngủ, còn hai anh Sáu

và Bớt vẫn còn đang nằm ngủ trên võng. Đang ngồi đại tiện, ông Mạnh chợt nghe có tiếng giày trượt đá, liền đứng dậy. Bọn lính thấy ông Mạnh liền hô bắn, bắn. Ông Mạnh nhảy nhào xuống hố sâu nhờ vậy mà chạy thoát được. Hai anh Đàng Bớt và anh Sáu vì không thoát kịp nên bị bọn chúng bắt được. Biết Đàng Bớt là giao liên, địch dùng cực hình tra tấn, làm cho anh không chịu đựng nổi buộc phải dẫn bọn lính địch đi phục kích đoạn đường cán bộ sẽ đi qua. Dự xong cuộc họp ở Ban Cán sự miền Tây, trên đường trở về đỉnh núi Ông Cà Lân, 2 ông Nguyễn Chay và Đặng Chế Hoa đã lọt vào ổ phục kích, bị địch bắt đưa về nhà lao Phan Thiết giam giữ.

Tại địa điểm núi Ông Cà Lân, không bắt được ông Mạnh, bọn địch lùng sục liên tiếp hai ngày, tiếng súng nổ trên núi như đánh trận. Sau khi chúng rút đi, còn lại một mình giữa rừng sâu đói quá, ông Mạnh tìm đến chỗ cất giấu gạo, muối thì thấy không còn mà thùng đựng thì bị đâm thủng. Tất cả đồ dùng cá nhân và 3 cây súng đều bị mất, ông Mạnh mới biết là hai anh Ân và Nhội đã dẫn lính lên bắt mình và lấy hết đồ dự trữ.

Liên tiếp những ngày sau đó, ông Mạnh chỉ sống nhờ trái cây ăn đỡ dạ, đêm nằm ngủ không có gì để đắp. Hết chịu nổi vì quá đói rét, ông Mạnh tìm đến cơ sở để liên hệ nắm lại tình hình số cán bộ ai còn, ai mất. Nhưng khi ông Mạnh xuống gặp cơ sở Lư Diệu, không ngờ hẳn lại đi kêu một thanh niên khác để cùng với hẳn bắt ông Mạnh về nạp cho tên đại diện xã là Lý Canh Ôn. Bọn ở xã cho tên Sơn, cảnh sát xã đưa ông Mạnh lên cảnh sát quận. Đêm hôm đó ông Mạnh bị các tên cảnh sát Thả, Thìn, Lịch tha hồ tra tấn đánh đập và sau đó chúng chuyển vào giam giữ tại Phan Thiết cùng các đồng chí Chay và Hoa.

Phan Lý nói chung và Phan Hiệp nói riêng, đến cuối năm 1958 xem như không còn bộ phận lãnh đạo tổ chức các phong trào đấu tranh cách mạng. Ở Phan Hiệp một số cơ sở mới được tổ chức, đã bị mất đầu mối lãnh đạo đành phải nằm im, chờ đợi cán bộ khác về tổ chức lại.

Như vậy trước tình hình khủng bố và đàn áp dã man của Mỹ - Diệm, lực lượng cách mạng ở địa phương cơ sở chỉ chống lại bằng đấu tranh chính trị thì việc phải bị tổn thất nặng nề, thậm

chỉ bị xóa sổ là điều không thể tránh khỏi. Thực tiễn đấu tranh cách mạng của quần chúng cho thấy rằng, không thể dùng tay không mà chống lại súng đạn. Trên tinh thần đó, Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 15 (tháng 01 năm 1959) đã kịp thời nhận định đánh giá tình hình và xác định rõ "Con đường căn bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là con đường bạo lực, lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ chính quyền thống trị của đế quốc Mỹ và phong kiến, xây dựng chính quyền cách mạng của nhân dân". Ngày 19 tháng 12 năm 1960, chiến thắng Nha Thiện Phú do lực lượng vũ trang nhân dân Bình Thuận làm nên, đã như một luồng sinh khí mới cổ vũ động viên tinh thần nhân dân Phan Hiệp, sau mấy năm phải chịu đựng dưới ách thống trị của bè lũ Mỹ - Diệm, quyết đứng lên bước vào cuộc chiến đấu theo phương thức mới.

Chương II

XÂY DỰNG LẠI PHONG TRÀO CHÍNH TRỊ VÀ LỰC LƯỢNG TẠI CHỖ, VÙNG LÊN PHÁ ÁP CHIẾN LƯỢC (1/1959 - 12/1965)

Sau khi bộ phận lãnh đạo phong trào cách mạng ở bên ngoài của xã Phan Hiệp và huyện Phan Lý không còn nữa thì bên trong bọn địch càng tăng cường mạnh mẽ chiến dịch "Tố cộng" và thực hiện Luật 10/59 đặt những người mà bọn chúng cho là "cộng sản", "thân cộng", "tiếp tay cho cộng sản" ra ngoài vòng pháp luật, tiến hành các vụ bắt bớ, đày ải nhằm khống chế những người kháng chiến cũ và quân chúng có cảm tình với cách mạng. Cùng với việc chọn khu Hựu An làm thí điểm cho các xã Chăm tổ chức học tập, phổ biến các nội dung mang tính phát xít tàn bạo của Luật 10/59, nhằm uy hiếp tinh thần đồng bào, chúng còn dụ dỗ mua chuộc: "trở về với quốc gia sẽ được khoan hồng và tự do làm ăn" và đe dọa "nếu không thì trước sau cũng bị trừng trị".

Đầu năm 1962, địch triển khai thực hiện chính sách "bình định nông thôn", xây dựng "ấp

chiến lược" nhằm ngăn chặn mối quan hệ liên lạc giữa cán bộ cách mạng đang ở bên ngoài với nhân dân bên trong và để dễ bề đàn áp phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng. Đối với khu vực Hựu An, do quận lý Phan Lý Chàm đóng tại đây cho nên bọn địch quyết phải "bình định" cho được các khu dân cư xung quanh, gây khó khăn cho ta khi tiến hành các hoạt động quân sự đánh vào cơ quan đầu não cấp quận của chúng. Chúng đổi thôn thành ấp, do ấp trưởng và ấp phó phụ trách, thay đổi một vài nhân sự, trong đó đưa ông Đặng Ninh lên làm ấp trưởng Trì Đức. Bên trong thì chúng thực hiện các thủ đoạn mị dân, nhằm lôi kéo mua chuộc đồng bào, còn bên ngoài thì chúng tăng cường các hoạt động quân sự lùng sục, ngăn cấm không cho đồng bào bung về làng cũ, không cho đi làm ruộng rẫy xa hoặc cất chòi trại ngủ lại qua đêm. Chúng qui định đó là các vùng mất an ninh, nếu đồng bào ra làm ăn tại các khu vực đó thì chúng không bảo đảm tính mạng, tài sản của đồng bào. Nhân dân Hựu An, lúc này do không có cán bộ nòng cốt lãnh đạo, bị địch uy hiếp đe dọa không cho trở về làng cũ phải chịu sống chật chội trong khu tập trung để làm vỏ bọc

cho cơ quan đầu não hành chính, quân sự của chúng. Tuy bị kềm kẹp khủng bố như vậy, nhưng từ khi đơn vị vũ trang cách mạng của tỉnh đánh vào Nha Thiện Phú thắng lợi, tiêu diệt toàn bộ lực lượng địch tại chỗ mở rộng vùng giải phóng hơn 4 ngàn dân, tạo tiền đề xây dựng thành khu căn cứ và nhất là ngày 20/12/1960 Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời đã cổ vũ mạnh mẽ cho các phong trào đấu tranh của nhân dân các địa phương lân cận đã làm thối động bọn ngụy quyền ngụy quân Hựu An; đồng thời tác động mạnh mẽ vào tâm tư, tình cảm và làm thay đổi nhận thức đánh giá của nhân dân Hựu An bấy lâu nay về lực lượng cách mạng, tạo sự chuyển biến tích cực hơn trong các hành động đấu tranh, từng bước chống lại sự kềm kẹp của địch.

Không an tâm trước khí thế phong trào cách mạng ở các vùng xung quanh đang sục sôi, bọn chỉ huy của địch ở quận Phan Lý Chàm càng ra sức đốc thúc bọn tay sai ở xã, ấp tăng cường củng cố "ấp chiến lược" chặt chẽ hơn nữa. Từ năm 1962, bọn ngụy quyền sử dụng lực lượng "dân vệ" người dân tộc miền núi (chúng gọi là người

Thượng) làm nòng cốt, đồng thời ra lệnh cho bọn tay sai xã, áp bắt buộc mỗi gia đình đồng bào phải có một người tham gia công tác "xây dựng ấp chiến lược" cho 2 khu vực Hựu An và Thanh Hiếu.

Ấp Thanh Hiếu, nằm bên cạnh phía Bắc quốc lộ 1A (chưa có khu dân cư phía Nam như hiện nay) vừa làm tiền đồn cho khu quân sự quận lỵ Phan Lý Chàm vừa án ngữ ngay trên tuyến đường di chuyển qua lại của lực lượng cách mạng giữa măng phía núi và măng đồng Khu Lê Hồng Phong, cho nên ý đồ của địch muốn xây dựng Thanh Hiếu thành một cứ điểm vững chắc. Xung quanh 3 mặt Bắc - Đông - Tây của khu dân cư chúng cho đào hào, tấp ván đắp đất thành bờ đê và làm công sự phòng thủ ở các góc. Trên bờ đê và mặt tiền phía Nam, giáp quốc lộ 1A chúng dựng nhiều lớp hàng rào bằng cọc sắt và dây kẽm gai đan thành mắt lưới xuôi theo kiểu mái nhà, giữa các lớp rào có cắm chông bằng gỗ và bàn chông sắt do chúng bắt buộc mỗi gia đình phải làm nộp cho chúng. Chúng chừa hai cổng mặt trước và mặt sau, mở cổng từ 7 giờ sáng đến 5 giờ chiều. Bên cạnh cổng chính ra đường lộ chúng làm chòi tôn cao để canh gác kiểm soát người ra vào.

Khu Hựu An tuy không hào hào như khu Thanh Hiếu, nhưng cũng rào kềm gai nhiều lớp 4 mặt xung quanh, mặt phía Nam giáp với quốc lộ IA có 2 cổng vào 2 ấp Trì Đức và Hiệp An, mặt phía Tây giáp với đường lên Sông Mao có 3 cổng vào 2 ấp Hiệp An và Hiệp Thiện. Chúng bắt bọn dân vệ và thanh niên chiến đấu thay nhau canh gác ngày đêm tại các cổng chính để khám xét người ra vào ấp. Chúng qui định giờ giấc ra vào để hạn chế nhân dân đi làm ăn xa, không được ngủ lại ruộng rẫy, bắt buộc bà con đi làm ăn chỉ được mang cơm đủ ăn, không được mang gạo. Trước khi ra cổng, đồ đạc mang theo phải qua kiểm soát. Ban đêm chúng bắt mỗi gia đình phải treo đèn lồng trước nhà; mỗi nhà phải có mõ để báo động khi có người lạ vào ấp. Ai vào ấp trễ giờ qui định sẽ bị tình nghi hoạt động cách mạng hoặc có liên hệ với "việt cộng", bị bọn lính canh phòng xét hỏi làm khó dễ, thậm chí bị thương vong do chúng nổ súng hoặc đập phải mìn, lựu đạn do bọn lính gài đặt.

Song song với việc xây dựng các công sự phòng thủ, chúng tiến hành củng cố bộ máy chính quyền các cấp. Chúng xây trụ sở hội đồng xã Hựu

An sát đường lên Sông Mao. Về bộ máy, chúng mua chuộc, dụ dỗ lôi kéo số người đã ít nhiều từng tham gia kháng chiến, trong đó có người là cán bộ chủ chốt của ta bị địch khuất phục qua các chiến dịch "Tố cộng" đã quay lưng lại với cách mạng, đưa vào một số chức vụ trong bộ máy của chúng. Trong ấp, cứ mỗi dãy nhà chúng lập thành liên gia, cử ra liên gia trưởng, liên gia phó. Bên cạnh bộ máy chính quyền chúng cũng lập ra các đoàn thể phụ nữ, thanh niên, thiếu niên, lão ông, lão bà và các tổ thân hào nhân sĩ làm cố vấn hòa giải những vụ mâu thuẫn xảy ra trong khu dân cư.

Cuối năm 1963, chúng đưa sĩ quan Mỹ xuống quận làm cố vấn, đồng thời tăng cường thúc ép tuyển mộ thanh niên vào các sắc lính của chúng. Bị kềm kẹp, khủng bố, không thể ra làm ruộng rẫy được, nếu ra rừng thoát ly thì kinh tế gia đình khó khăn, các sinh hoạt của gia đình sẽ bị chính quyền quốc gia làm khó dễ; rồi quan niệm tín ngưỡng sẽ khó khăn nếu hy sinh mất tích mà gia đình không tìm được; rồi không được giáo dục giác ngộ cách mạng... Từ đó đã đẩy rất nhiều nông dân lao động chất phác thuộc lứa tuổi thanh niên trai trẻ phải chọn con đường vào các sắc lính

của Mỹ - nguy, trước mắt có đồng lương sống bản thân và nuôi gia đình vợ con. Một số khác có trình độ học vấn nhất định thì chọn làm thầy giáo, y tá với suy nghĩ tiêu cực là không phải cầm súng chống lại cách mạng, ít nguy hiểm, có kế sinh nhai. Chỉ còn lại thành phần trung niên lớn tuổi quá lứa quân dịch và số học sinh là trực tiếp công việc đồng áng.

Chúng thực hiện thủ đoạn, bên trong thì sử dụng bố trí người kháng chiến cũ vào bộ máy kèm kẹp, thúc ép tạo thành nhiều gia đình có chồng, con, em đi lính, làm việc cho "quốc gia", tạo ra sự mặc cảm, nghi kỵ tránh né giữa cách mạng với các gia đình người lao động bình thường; còn bên ngoài thì chúng tăng cường càn quét. Trong khi đó, lực lượng cách mạng bên ngoài là người Hự An hoặc có quan hệ thân quen thì hầu như không có. Do vậy, nhân dân ít dám tiếp xúc với các đội công tác, lòng tin vào cán bộ cách mạng phần nào bị dao động. Đội công tác ít có cơ hội tiếp xúc với quần chúng nhân dân để tuyên truyền vận động gây dựng cơ sở.

Do vậy mà trong thời gian dài từ sau năm 1958, sau khi cán bộ Phan Lý, cán bộ xã Phan Hiệp bị bắt hết không còn một ai thì lãnh đạo huyện Bắc Bình lúc này do đồng chí Lê Thanh Hải làm Bí thư Huyện ủy cùng với các đội công tác của các xã lân cận như: Chợ Lầu, Phan Rí Thành cố gắng liên lạc, móc nối nhưng vẫn chưa gây dựng được cơ sở nào trong ấp thuộc xã Hựu An, tuy rằng vẫn có nhân dân đi vào làm ăn trong vùng cách mạng hoạt động. Đây là thời kỳ phong trào quần chúng và hoạt động của các mũi công tác gặp khó khăn nhất.

Đầu năm 1962, để tăng cường lãnh đạo phong trào các huyện phía bắc của tỉnh, Tỉnh ủy Bình Thuận chủ trương hình thành huyện Lê Hồng Phong, gồm các địa phương phía Nam dòng Sông Lũy. Còn phía Bắc dòng Sông Lũy từ Châu Hanh xuống Chợ Lầu ra đến Tuy Phong thì gọi là Bắc Sơn có 2 mũi công tác: Mũi miền Đông từ Liên Hương ra đến Vĩnh Hảo và mũi miền Tây từ Chí Công, Phan Rí Cửa lên đến Châu Hanh, trong đó có Hựu An. Ban cán sự Bắc Sơn do đồng chí Nguyễn Định (tức Giáp) làm Bí thư, đồng chí Nguyễn Hưng (Năm Hưng) làm ủy viên phụ trách

quân sự và một số đồng chí khác. Một số cán bộ địa phương tập kết ra miền Bắc trở về như Vũ Đình Bá, Đặng Thanh Thùy, Đặng Công Thành... cũng được Tỉnh ủy tăng cường về Bắc Sơn, trong đó riêng đồng chí Thùy (Hanh) công tác ở mũi miền Tây, hoạt động trên địa bàn các xã đồng bào Chăm. Do lực lượng bên ngoài mỏng, không có cán bộ là người địa phương, chưa có điều kiện hình thành tổ công tác của xã, cho nên Hựu An được đội công tác phân công phụ trách theo địa bàn làm ăn của nhân dân trong xã. Mãng ruộng rẫy vùng đồng đập và số đồng bào làm ăn buôn bán ở miền núi chủ yếu là dân 2 ấp Hiệp An và Hiệp Thiện do tổ công tác măng núi thuộc Ban cán sự Bắc Sơn phụ trách. Mãng ruộng Đồng Mới và rẫy đồng phía Nam chủ yếu dân 2 ấp Thanh Hiếu và Trì Đức do tổ công tác Phan Rí Thành phụ trách.

Trước tình hình địch ở Phan Lý Chàm, Hựu An tăng cường kèm kẹp nhân dân, không để ra tiếp xúc với cách mạng nhằm củng cố chắc chắn vùng trắng, bảo đảm an ninh cho khu quận lỵ của chúng; ta chủ trương các tổ công tác ở các địa bàn tranh thủ số đồng đồng bào ra làm ăn vùng ven

để tuyên truyền xây dựng cơ sở hoạt động cho ta. Tháng 4 năm 1962, đồng chí Thùy và đồng chí Hùng (Cực) sau nhiều lần tuyên truyền, móc nối đã xây dựng được ông Đảng Cá, dân Thanh Hiếu, làm cơ sở mật bên trong cho ta. Nhiều lần ông Đảng Cá báo cáo tình hình bên trong bằng thư bỏ hũ và có lúc ra gặp tổ công tác để trực tiếp báo cáo giúp cho tổ công tác có chủ trương đối phó cũng như phục vụ việc đột áp Thanh Hiếu được thuận lợi. Từ ông Đảng Cá, sau đó còn xây dựng được các cơ sở khác ở Thanh Hiếu như bà Đặng Thị Giới, bà Kim Thị Đạo, ông Minh Bầu, ông Đặng Diệp, bà Huỳnh Thị Thanh... Hoạt động bước đầu của các cơ sở này là nắm tình hình, cung cấp tin tức về hoạt động của địch và tiếp tế lương thực, nhu yếu phẩm.

Nhằm mục đích gây thanh thế và phá hoại địch tổ chức cái gọi là "Quốc Khánh đệ nhất cộng hòa 26/10" của Diệm; đêm 25/10/1962, các đồng chí Thùy, Long, Hùng (Cực) và lực lượng Hòa Đa đã bám sát khu dân cư Hựu An, ẩn nấp tại khu Gò Dí dùng súng bắn vào căn cứ quận Phan Lý Chàm làm cho địch bối rối hoảng sợ.

Tháng 11/1963, Ngô Đình Diệm bị lật đổ, chính quyền ngụy ở cơ sở chao đảo giảm sút tinh thần, dân ra vào áp chiến lược có dễ dàng hơn. Một số cán bộ của ta bị giam giữ trong các nhà tù được thả ra về làm ăn sinh sống cùng gia đình ở địa phương. Tận dụng thời cơ địch đang ở thế yếu, Tỉnh ủy Bình Thuận chủ trương dùng vũ trang kết hợp với chính trị, binh vận; tranh thủ xây dựng, củng cố, phát triển lực lượng và phát động phong trào nhân dân vùng lên phá áp chiến lược, đấu tranh ra ruộng rẫy làm ăn tự do.

Cuối năm 1963, địch đưa Lương Văn, người làng Chưởng Thiện - Hựu An, nguyên là sĩ quan được đào tạo tại Mỹ thay Thanh Giác làm quận trưởng kiêm chi khu trưởng chi khu Phan Lý Chàm, Đặng Chánh Anh làm chi khu phó, Qua Đình Bồi làm phó quận trưởng, có sĩ quan Mỹ làm cố vấn, bắt đầu thời kỳ quân sự hóa bộ máy hành chính các cấp.

Nhằm củng cố và mở rộng khối đại đoàn kết các dân tộc, tạo sức mạnh đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược và tay sai, năm 1964 Ban cán sự Bắc Sơn tổ chức đưa các đồng chí Đặng Chế Hoa,

Văn Quyền đã mãn hạn tù đang sống cùng gia đình trong vùng tạm chiếm ra chiến khu và tổ chức đại hội các dân tộc tại căn cứ Cà Lon thời gian 5 ngày, trong đó đại hội chính thức 3 ngày, có hơn 300 đại biểu đại diện cho các dân tộc Kinh, Chăm, Thượng, Nùng trong vùng kiểm soát đã ra tham dự. Nhiều cơ sở mật ở Hựu An cũng được mời tham dự. Sau đại hội, để phát huy thanh thế, tạo niềm tin tưởng trong đồng bào Chăm và làm thối chí bọn cầm đầu cấp quận, đồng chí Văn Quyền đã biên soạn truyền đơn cách mạng viết bằng chữ Chăm và tổ chức cho các cơ sở mật bên trong rải khắp khu vực xã Hựu An, vùng quận lỵ Phan Lý Chàm của địch.

Tiếp đó, ta tổ chức các lớp học tập chủ trương chính sách của cách mạng cho các cơ sở tại Khu Lê. Ở Thanh Hiếu có 5 người tham dự là Đảng Cá, Đặng Cầu, Đảng Xe, Đặng Điệp và Minh Bầu với thời gian học tập là 7 ngày. Sau khi kết thúc lớp học, đồng chí Hùng (Cực) giao nhiệm vụ cho 2 anh Đặng Cầu và Đảng Cá vận động nhân dân bung ra làm ăn và nắm tình hình các tổ chức của địch báo ra ngoài bằng các hủ thư liên lạc ngoài chòi rẫy.

Đầu năm 1965, đội công tác Liêm Bình thuộc Ban cán sự Bắc Sơn được thành lập và được giao trách nhiệm phụ trách luôn ấp Thanh Hiếu xây dựng phong trào gây cơ sở cách mạng. Đội phân công anh Phan Văn Nở và anh Lê Lèo đào một cái hầm bí mật tại bực sông thuộc khu vực ruộng Giây Gò Đạo để tiếp tục móc nối, củng cố lại các cơ sở cũ do đồng chí Hùng (Cực) đã xây dựng được trước đây, đồng thời tổ chức và phát triển thêm các cơ sở mới. Từ năm 1962 đến cuối năm 1965, số cơ sở mật bên trong tại Thanh Hiếu đã xây dựng được gồm các ông Đàng Cá, Minh Bầu, Đặng Diệp, Đàng Chụp, Đàng Xin, Đặng Cầu, Đàng Thơ, các bà Đặng Thị Giỏi, Đặng Thị Cang, Kim Thị Đạo, Huỳnh Thị Thanh... Trong đó có Đàng Cá và Đặng Cầu được ta đồng ý cho vừa làm cán bộ cho địch vừa làm cơ sở cho ta. Số cơ sở này có nhiều hoạt động liên lạc, cung cấp tin tức và tiếp tế lương thực. Trong đó phân công Đàng Xin phụ trách nông hội, Đặng Thị Cang phụ trách phụ nữ. Hủ thư liên lạc bí mật được đặt tại cây Quao ruộng bà Tri và tại gốc Táo gần gò Ó do ông Xin và ông Cá lấy. Hủ thư tại cây xoài tượng đất nhà bà Chín Cang gần bến đò do bà tự

đảm nhận. Riêng bà Đạo 2 lần vận động binh lính địch cung cấp đạn và lựu đạn cho cách mạng.

Ở Trì Đức, trong số bà con thường xuyên làm rẫy động và đi đánh cạm bẫy dông, ta xây dựng được một số cơ sở mật bên trong như Huỳnh Thắng (Ty), Trần Phấn, Cửu Mè, Đặng Nài... ở măng núi Hiệp An, Hiệp Thiện có các ông Lương Khoai, Lâm Quang Cảnh, Bá Khe. Trong số buôn bán miền núi, ta móc nối lại được các cơ sở cũ như các bà Diên Thị Hời, Diên Thị Hiếu, Úc Thị Đậu.

Thực hiện chủ trương phá ấp mở kèm, thúc đẩy phong trào đấu tranh của nhân dân đòi bung ra làm ăn ngoài ruộng rẫy; tháng 3 năm 1965, mũi công tác chính trị, trong đó có đồng chí Thùy được sự chi viện của đơn vị bộ đội C440, do đồng chí Trương Minh Biên, đại đội trưởng trực tiếp chỉ huy đã vào ấp Thanh Hiếu đánh địch, phát động quần chúng phá ấp chiến lược. Khi phát triển vào ấp, mũi hướng Tây đi vào đến xưởng cưa (lò gạch) thì đụng độ trung đội nghĩa quân của địch chốt đóng tại đây. Ta nổ súng, địch bỏ chạy về

căn cứ quận Phan Lý Chàm. Ta tiến vào ấp làm chủ tình hình từ 9 giờ tối đến 12 giờ đêm mới rút về căn cứ Khu Lê. Kết quả đội công tác đã vận động nhân dân Thanh Hiếu nổi dậy đập phá lô cốt, bờ đê, hàng rào kềm gai, chặt ngã chòi gác xuống, chắn ngang qua đường quốc lộ 1A, phá banh một mãng hướng Tây của ấp và tổ chức được cuộc mít tinh có hơn 150 người dân Thanh Hiếu tham dự, nghe vạch trần âm mưu "bình định" gieo rắc tội ác của Mỹ ngụy và phát truyền đơn kêu gọi binh lính đào rã ngũ, phổ biến hiệu triệu của Ủy ban Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam. Sau cuộc mít tinh, bà con ủng hộ cho đội công tác một số lương thực, thực phẩm.

Sau khi "ấp chiến lược" Thanh Hiếu bị phá, bọn địch ở xã, quận tăng cường lực lượng tổ chức kiểm tra kiểm soát việc đi lại của nhân dân rất gắt gao. Mặc dù bên trong có đa số gia đình có chồng, con, em đi lính cho địch và bên ngoài thì công an, cảnh sát giả dạng thường dân theo dõi, nhưng mạng lưới cơ sở mật của ta vẫn đứng vững và phát triển thêm.

Đến tháng 4 năm 1965, đội công tác Liêm Bình có đồng chí Thùy cùng phối hợp, đã tổ chức mít tinh phát động quần chúng tại rẫy động tập hợp được số đông bà con ấp Thanh Hiếu ra làm ăn, nói rõ chủ trương, chính sách của Mặt trận Giải phóng Dân tộc và vận động bà con bung ra làm ăn, ngủ lại chòi rẫy. Sau cuộc mít tinh đó trở về, bà con đã vin cổ cho rằng mình là dân nghèo không có và thiếu ruộng, đời sống chỉ nhờ vào rẫy động và vào rừng bắt ong, đánh đông, chặt sác, để đấu tranh đòi địch cho tự do đi ra làm ăn và ngủ lại chòi rẫy có kết quả.

Chương III

CỦNG CỐ THỰC LỰC CƠ SỞ BÊN TRONG, GÓP PHẦN ĐÁNH BẠI CHIẾN LƯỢC CHIẾN TRANH CỤC BỘ CỦA MỸ NGỤY (1/1966 - 12/1968)

Cuối năm 1965, Mỹ - Ngụy chuyển sang chiến lược chiến tranh cục bộ đưa quân Mỹ và các phương tiện chiến tranh hiện đại vào miền Nam Việt Nam với hy vọng sẽ dồn phong trào cách mạng Việt Nam vào thế bị động, để rồi phải kết thúc chiến tranh theo ý muốn của chúng. Chúng tăng cường đồn quân bắt lính, xây dựng lực lượng bảo an, dân vệ, xây thêm đồn bót. Ngoài việc củng cố căn cứ Chi khu tại các quận, bọn địch còn xây dựng căn cứ quân sự, sân bay và khu cố vấn Mỹ tại Sông Mao, có Trung đoàn 44 thuộc Sư đoàn 23 chủ lực ngụy đóng quân. Trong nhân dân thì chúng tổ chức lực lượng nhân dân tự vệ để cùng với nhân dân làm nhiệm vụ giữ ấp. Tại Chi khu quận Phan Lý Chàm (cũng là khu dân cư Hựu An), thường xuyên có một đại đội Bảo an, có khi là 445, có khi là 118, với quân số đầy đủ, có 1 tiểu đội viễn thám gồm 13 tên, riêng

tiểu đội thám sát bảo an có từ 12 - 14 tên, cùng với trang bị vũ khí, xe quân sự khá đầy đủ. Chúng tổ chức ra Hội đồng nhân dân và Ủy ban Hành Chánh xã ở Hựu An. Chúng đưa Văn Quán (tức Văn Ngọc Giai) làm Chủ tịch, Lương Đắc Có làm Phó Chủ tịch, Lư Văn Thất làm Ủy viên Thư ký HĐND xã; đưa Đặng Ninh làm Chủ tịch và Quách Cầu làm Phó Chủ tịch UBHC xã Hựu An; đưa Diên Đá làm ấp trưởng Hiệp Thiện, Đa Vàng làm ấp trưởng Hiệp An, Dụng Thọ làm ấp trưởng Trì Đức.

Thực hiện âm mưu "bình định" bên trong "càn quét" bên ngoài, tháng 2 năm 1966, Mỹ - Diệm bắt đầu mở cuộc càn vào Khu Lê Hồng Phong với quy mô lớn gồm trên 15.000 quân. Chúng dùng phi cơ bắn phá ác liệt và thực hiện chiến thuật trực thăng vận cùng với dùng pháo từ các chiến hạm ngoài biển bắn vào căn cứ ta, có gây cho ta một số tổn thất, song lực lượng bộ binh của chúng đã bị các lực lượng của ta tiến công liên tục. Do đó, đến năm 1967 địch phải dùng phi cơ rải chất độc hóa học khai quang làm cho cây cối rừng Khu Lê trụi lá, không còn bóng mát và nơi trú ẩn cho vùng căn cứ. Việc "khai hoang"

này làm cho cây cối hoa màu của nhân dân trong vùng bị thiệt hại. Để xoa dịu sự đấu tranh khiêu khích của nhân dân, bọn Mỹ - Ngụy chủ trương kê khai hồ sơ để bồi thường. Tuy nhiên, bọn chính quyền cơ sở đã lợi dụng cơ hội để làm tiền. Nhiều hộ nhân dân lầm tưởng, đã bỏ tiền làm hồ sơ, song chỉ một số ít thân quen là có nhận được tiền bồi thường. Cũng trong năm 1967, thời điểm vào mùa khô, quân Mỹ đưa lực lượng pháo binh đến đóng, án ngữ tại phía Đông - Bắc khu dân cư Thanh Hiếu.

Những hoạt động bình định bên trong, lấn chiếm bên ngoài của địch làm cho hoạt động bám địa bàn của các Đội công tác vũ trang bên ngoài và hoạt động của các cơ sở mật bên trong rất khó khăn. Trước tình hình đó, các cơ sở bên trong như Đặng Cầu, Đàng Cá, Kim Thị Đạo... được chỉ đạo là cố gắng duy trì các hoạt động vận động nhân dân và các gia đình có chồng, con đi lính cho địch bỏ hàng ngũ trở về làm chức sắc đạo giáo để làm ăn lương thiện. Kết quả đã có anh Huỳnh Bè... vào làm thầy bóng. Ngoài ra cũng giao nhiệm vụ nắm tình hình tổ chức địch bên trong báo ra; theo dõi nắm bắt tư tưởng những người làm ăn lương

thiện, quần chúng tốt có cảm tình với cách mạng, giới thiệu cho Đội Công tác bên ngoài để vận động họ tham gia vào các hoạt động, các tổ chức của ta; đồng thời duy trì nhiệm vụ mua lương thực, thuốc men, nón dếp, vải may võng, giấy viết và các đồ dùng để tiếp tế cho Đội Công tác. Do địch tăng cường tuần tra, đánh phá ráo riết, Đội Công tác không thể nào vào ấp nhận đồ tiếp tế được, vì vậy các cơ sở mật phải vận động các ông Đảng Nồi, Minh Bầu, Đặng Điệp, Đặng Phát (Thanh Hiếu) dùng xe bò nhà ngụ trang che mắt địch bằng hình thức chở phân bò vào rẫy động, để lương thực gạo, đồ đạc tiếp tế bên dưới rồi đổ phân lên trên. Bằng cách này, các cơ sở mật bên trong đã chuyển trót lọt nhiều đợt tiếp tế ra bên ngoài cho Đội Công tác.

Năm 1966, Tỉnh ủy Bình Thuận giải thể huyện Lê Hồng Phong lập lại huyện Hòa Đa. Các địa bàn còn lại của Bắc Sơn được hình thành 2 huyện Phan Lý và Tuy Phong, trong đó huyện Phan Lý gồm các xã đồng bào Chăm và đồng bào miền núi. Huyện ủy Phan Lý do đồng chí Nguyễn Hưng (Nguyễn Hữu Ích) làm Bí thư. Vì lực lượng cán bộ Phan Lý ít, việc chỉ đạo của Huyện ủy khó

khăn nên Phan Lý giao khu Hựu An, Thanh Hiếu cho Đội Công tác huyện Hòa Đa tiếp tục phụ trách như trước. Cùng với Huyện ủy, lực lượng bộ đội địa phương Bắc Sơn cũng được chia ra thành 2 đơn vị bộ đội địa phương của 2 huyện: C470 của huyện Phan Lý và C490 của huyện Tuy Phong.

Đến đầu năm 1967, để đáp ứng tình hình mới, Khu VI thành lập tỉnh Bắc Bình gồm 3 huyện Tuy Phong, Phan Lý, Hòa Đa do đồng chí Nguyễn Gia Tú làm Bí thư Tỉnh ủy. Được sự chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh ủy Bắc Bình, cán bộ chủ chốt của các huyện và Đội Công tác được học tập về phương thức hoạt động vùng yếu (vùng địch tạm chiếm), từ đó đã có tác dụng làm cho phong trào bên trong tiếp tục được đẩy lên.

Để tăng cường lực lượng cho bộ đội địa phương, theo chủ trương của Huyện ủy, Đội Công tác măng núi đã vận động vợ chồng ông Diên Rớ và bà Ưc Thị Bỏ đồng ý cho con tham gia thoát ly. Tháng 3 năm 1967, theo kế hoạch đã sắp xếp trước, anh Diên Lem (con ông Diên Rớ) và người em rể chưa cưới là Lư Đạn đi móc ếch tại khu vực ruộng Bà Lang (Đồng Gòn), gần chòi ông Diên

Rớ, được Đội Công tác đưa vào căn cứ, nhưng tung tin về địa phương là "bị Việt cộng bắt" để gia đình khỏi bị chính quyền ngụy làm khó dễ. Sau đó, hai anh Lem và Đạn (đổi tên lại là Lư Văn Trung) được đưa về bộ đội địa phương tỉnh.

Xét trên cơ sở tương quan lực lượng giữa ta và địch, cuối năm 1967, Đảng ta chủ trương mở đợt tổng công kích, tổng khởi nghĩa vào Tết Mậu Thân khắp miền Nam nhằm đánh sập ngụy quyền, tiêu diệt một bộ phận quân Mỹ giành chính quyền về tay nhân dân, buộc đế quốc Mỹ phải đàm phán rút quân về nước. Trong chiến dịch này, ở đợt 2, với sự hỗ trợ của công binh Hòa Đa, Đội Công tác Hòa Đa do đồng chí Nở phụ trách đã tổ chức cho lực lượng nhân dân Thanh Hiếu phá cầu cống, đánh sập một cống qua quốc lộ 1A phía trên đầu ấp và nhiều đêm vào vận động nhân dân tiến hành đắp mô trên đường 1A gây trở ngại cho việc chuyển quân tiếp viện của địch. Tiếp đó vào tháng 4 năm 1968, bộ đội C470 Phan Lý tổ chức đợt nhập vào ấp Thanh Hiếu vũ trang tuyên truyền vận động nhân dân phá ấp chiến lược, gây ảnh hưởng khí thế cách mạng của



Liệt sĩ Lư Văn Đạn - Tiểu đội phó, đại đội 470 hy sinh 1972.

quần chúng, làm cho địch hoang mang dao động, hạn chế mức độ hung hãn kèm kẹp đánh phá phong trào cách mạng.

Sau tổng tấn công Mậu Thân của ta, địch tăng cường các hoạt động lùng sục trả đũa. Các cơ sở mật trong vùng Hựu An và cả địa bàn Thanh Hiếu gặp vô cùng khó khăn trong các hoạt động. Đội Công tác bên ngoài phải tăng cường các hoạt động tìm cách tiếp xúc, gặp gỡ với những người dân thường xuyên đi làm ăn ngoài ruộng rẫy, vào rừng bắt ong, hái trái, đánh cạm dông để tuyên truyền giáo dục giác ngộ làm cho họ dần dần hiểu và có cảm tình với cách mạng, tham gia làm cơ sở cung cấp tin tức, tiếp tế lương thực nhu yếu phẩm hoặc thoát ly gia nhập các đội công tác. Tháng 3 năm 1968, anh Cư (Đặng Hùng Cường) một thanh niên thuộc thôn Thanh Hiếu thoát ly tham gia cách mạng tại đơn vị Trung đội B31, bộ đội địa phương huyện Hòa Đa đóng quân tại Khu Lê do đồng chí Nguyễn Chiến làm B trưởng, đồng chí Lai làm B phó. Sau đó ít lâu, anh Cường được chuyển về Huyện ủy Phan Lý công tác, vì lúc này ở Phan Lý rất ít người Chăm thoát ly, được Huyện

ủy Phan Lý phân công làm liên lạc xã Phan Hòa, đưa tin tức, báo cáo từ xã lên huyện.

Để đẩy mạnh phong trào quần chúng bên trong đấu tranh với địch, tháng 12 năm 1968, Đội Công tác Hựu An được thành lập gồm các đồng chí Nở (Liêm - Bình - Phan Rí Thành), đồng chí Tám Ánh (từ đội Phan Thanh chuyển qua) và một số đồng chí khác đã từng tham gia xây dựng cơ sở mật trong khu Thanh Hiếu, Hựu An trước đây. Các đảng viên trong Đội Công tác hình thành Chi bộ lãnh đạo hoạt động Đội Công tác và giữ quan hệ với Huyện ủy Hòa Đa. Đội Công tác tiếp tục giữ liên lạc với các cơ sở quần chúng bên trong đã xây dựng được, tổ chức chỉ đạo cho họ tham gia các hoạt động nắm tin, theo dõi giới thiệu quần chúng tốt để xây dựng, phát triển cơ sở, củng cố thực lực và tổ chức tiếp tế cho Đội Công tác.

Trong thời kỳ này tiếp tục có nhiều cơ sở hoạt động khá tốt. Điển hình như anh Đảng Thơ (Sáu Ía) là cơ sở rất nhiệt tình chống đò đưa Đội Công tác qua sông vào khi nước sông lớn. Nhiều đêm nước sông Lũy lũ lớn, cán bộ đi công tác,

hợp hành từ phía đông sang phía núi và ngược lại đều nhờ anh chống đò đưa qua sông. Có một đêm vào lúc 1 giờ khuya, cách nhà anh Thơ khoảng 50m có bọn cảnh sát nguy đang phục kích, lại trong tình trạng bị say vì buổi chiều uống rượu nhiều; nhưng khi anh Nở, Đội Công tác vào gặp và yêu cầu anh Đàng Thơ chống đò đưa đoàn cán bộ qua sông, anh đã cố gắng hết sức, khắc phục cơn say chèo chống con đò qua dòng sông Lũy nước lũ lớn, đưa gần 30 cán bộ huyện, tỉnh qua sông an toàn.

Ông Bố Xuân Long, tù chính trị Côn Đảo, địch thả về năm 1966, tuy hàng tháng vẫn phải trình diện với cảnh sát nguy 3 lần, nhưng ông đã thăm hỏi tình hình và nắm được nguyện vọng của nhân dân muốn có trường trung học dạy cho con em mình; đã đến gặp Quận trưởng Phan Lý Chàm trao đổi việc thành lập trường Trung học Tư thực Phan Lý Chàm (sau giải phóng là trường THPT Phan Lý) đáp ứng nhu cầu học tập vào thời điểm đó của con em nhiều địa phương Chợ Lầu, Hựu An, Hậu Quách... trong số đó có nhiều người hiện nay là cán bộ lãnh đạo các cấp xã, huyện, tỉnh.

Ông Lâm Quang Cảnh là cơ sở mật cho đồng chí Nguyễn Thập (lúc này đồng chí Thập là đội trưởng Đội Công tác Phan Hòa) đặt hủ thư mật tại Nào Thí, nhiều lần nắm và cung cấp tin tức, tình hình báo ra ngoài. Đồng thời đã cùng với một số cơ sở khác có ruộng lúa ở mảng núi như Tôn Tỏi, Lượng Trả... tiếp tế nhiều lương thực cho các Đội Công tác bằng cách để lúa lại tại sân để đội tổ chức về lấy.

Nhìn chung, trong những năm 1966 - 1968, mặc dù địch tiến hành cuộc "chiến tranh cục bộ" với nhiều âm mưu nhằm trấn áp, tiêu diệt phong trào cách mạng, nhưng bên trong các cơ sở mật vẫn vững vàng trước mọi thử thách, duy trì các hoạt động theo chủ trương và bên ngoài thì lực lượng phát triển thêm, đủ điều kiện hình thành Đội Công tác Hựu An. Với bước trưởng thành đó, lại được cổ vũ từ thắng lợi của phong trào cả tỉnh, phong trào Hựu An tiếp tục vững vàng bước vào cuộc chiến đấu mới.

Chương IV

THỰC HIỆN 3 MŨI GIÁP CÔNG GÓP PHẦN ĐÁNH BẠI "CHIẾN LƯỢC VIỆT NAM HÓA", VÙNG LÊN GIẢI PHÓNG QUÊ HƯƠNG (01/1969 - 4/1975)

Thất bại từ cuộc "Chiến tranh cục bộ" ở miền Nam, làm cho số lính Mỹ bị thiệt mạng tăng lên, tạo ra làn sóng phản đối chính quyền Mỹ nổi lên rầm rộ trong nước Mỹ, buộc chính quyền Mỹ phải điều chỉnh chuyển sang chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" nhằm dùng người Việt đánh người Việt; tiếp tục đẩy mạnh kế hoạch "Bình định", yểm trợ mạnh cho quân ngụy vũ khí, trang bị hậu cần, nâng quân ngụy mạnh dần lên để thay thế quân Mỹ giành lại thế chủ động trên chiến trường để thương lượng kết thúc chiến tranh có lợi cho chúng. Mỹ - Ngụy ra sức thực hiện chiến lược "quét" và "giữ", ráo riết đôn quân bắt lính, củng cố và tăng cường lực lượng cho Trung đoàn 44 thuộc Sư đoàn 23 bộ binh và phát triển lính dân vệ để làm công cụ đàn áp phong trào cách mạng. Ở bên ngoài, bọn lính Cộng hòa có sự hỗ trợ của lực lượng biệt kích và cố vấn Mỹ cùng

bọn thám báo đã thường xuyên tổ chức đánh phá và phục kích các nẻo đường ven rừng vào các khu căn cứ cách mạng. Bên trong ấp, Mỹ - Ngụ đẩy mạnh "Bình định cấp tốc" tăng cường các đoàn lính Bình định về nằm từng ấp, huy động và bố trí bọn lính bảo an, dân vệ đóng đồn ở những nơi then chốt, sẵn sàng đối phó và khống chế, đàn áp phong trào đấu tranh cách mạng của quân và dân ta.

Chúng đưa đại úy Đặng Chánh Anh lên làm Quận trưởng kiêm Chi khu trưởng Chi khu, Nguyễn Hạnh làm Chi khu phó, lần lượt đưa Mai Úy, Mai Tường, Qua Đình Tường, Qua Đình Bồi làm Phó quận trưởng hành chánh quận Phan Lý Chàm. Ở xã Hựu An, chúng thành lập Phân Chi khu do tên Trung úy Nguyễn Văn Lộ làm Phân Chi khu trưởng, bỏ Ủy ban Hành chánh xã, đưa Mai Phốc lên làm Xã trưởng, Quách Quán làm Phó xã trưởng, giữ nguyên Hội đồng nhân dân xã, thành lập cuộc cảnh sát xã do Nguyễn Lực (tức Nguyệt) làm Cuộc trưởng gồm 11 tên. Ở các ấp trong xã chúng đưa cảnh sát về làm ấp trưởng (Tồn Văn Như, ấp trưởng Thanh Hiếu), có thêm ấp phó phụ trách an ninh, có lực lượng nhân dân

tự vệ trang bị vũ khí với nhiệm vụ tuần tra canh gác ban đêm trong ấp. Đưa Lư Chiêu làm ấp trưởng Hiệp Thiện thay Diên Đá.

Về chính trị, Đảng bộ Đảng Dân chủ của Thiệu ở quận Phan Lý Chàm thực hiện chủ trương của cấp trên, phát triển đảng viên đến xã, ấp và trong đội ngũ công chức, giáo chức; đưa số lượng toàn quận có 1.533 đảng viên Đảng Dân chủ. Một số tham gia làm gián điệp, tình báo "Phượng Hoàng" "Thiên Nga", "Dân ý vụ" được cài cắm trong các tổ chức, các địa bàn dân cư để theo dõi, truy tìm cơ sở và hoạt động của cách mạng.

Từ sau năm 1968 bắt chấp mọi khó khăn gian khổ, tổn thất hy sinh do địch tăng cường phục kích gài mìn, lựu đạn dày đặc, Đội vũ trang công tác vẫn thường xuyên tổ chức ra vào ấp. Các mặt hàng tiếp tế hoặc giao cho cơ sở bên trong mua giùm như: gạo, thuốc tây, các đồ dùng đều để trong ấp cho Đội công tác vào lấy ra. Năm 1969, Đội công tác Hựu An được tăng cường thêm Nguyễn Xuân Thủy, người Hồng Thanh - Hồng Liêm, thoát ly năm 1967 từ Đội Sông Lũy chuyển sang phụ trách công tác thanh niên.

Tháng 9 năm 1969, tin Bác Hồ kính yêu từ trần làm cho mọi người vô cùng thương tiếc. Toàn thể Đội công tác, cơ sở mật bên trong và quần chúng nhân dân có cảm tình với cách mạng ai nấy đều tâm niệm sẽ biến đau thương mất mát này thành hành động cách mạng. Trong khi đó bọn địch không ngớt tuyên truyền xuyên tạc rằng "Cu Hồ mất thì kháng chiến sẽ thất bại" và bắt số người tình nghi lên hù dọa, tra hỏi.

Để củng cố và tiếp tục lãnh đạo phong trào đấu tranh làm thất bại kế hoạch "Bình định" của địch, được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy Bình Thuận, tháng 5 năm 1970 Đảng bộ Phan Lý tiến hành Đại hội, bầu đồng chí Đặng Chế Hoa làm Bí thư Huyện ủy. Sau Đại hội, thực hiện Nghị quyết và phương châm công tác do đại hội đề ra, phong trào từng bước được củng cố; các đội vũ trang công tác được tăng cường lực lượng, liên tục bám địa bàn, xây dựng phong trào quần chúng bên trong, tổ chức các cuộc đấu tranh chính trị với địch và phát triển Đảng, đoàn thể trong vùng tạm chiếm. Qua theo dõi và thử thách các cơ sở mật bên trong, chi bộ Đội công tác Hựu An đã kết nạp 2 đồng chí Đảng Xin và Đảng Chụp vào Đảng.

năm 1970 dự bị, năm 1971 chính thức. Đây là 2 cơ sở bên trong đầu tiên của Hựu An (Phan Hiệp) được đứng vào hàng ngũ của Đảng trong giai đoạn chống Mỹ. Ngoài ra còn kết nạp được 5 thanh niên tiến bộ vào Đoàn là Đặng Thị Sảng, Tiền Thị Si, Kim Thị Thủy (Chiên), Đặng Khán, Đặng Chiến và kết nạp được 11 hội viên tham gia vào Hội Nông dân chống Mỹ.

Tháng 11 và tháng 12 năm 1970, hòa cùng chiến trường chung, bộ đội địa phương C470 Phan Lý phối hợp với Tiểu đoàn 330 của Khu VI, dùng súng lớn pháo kích 3 lần vào chi khu quận lỵ Phan Lý Chàm làm cho bộ máy kèm kẹp của địch hoang mang dao động, tạo cho quần chúng có khí thế đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ.

Đến tháng 5 năm 1971, được huyện tăng cường thêm, Đội công tác Hựu An có 6 đồng chí, trong đó có 5 đảng viên, 1 đoàn viên do đồng chí Nguyễn Thập (Lâm Quốc Việt) người Xuân Quang, từ Đội trưởng Hậu Quách chuyển sang làm Đội trưởng và Cao Thượng Ánh, Nguyễn Xuân Thủy, Đặng Hùng Cường, Võ Thị Hương và Nguyễn Thị Thái (Hàm Hiệp) đội viên. Hoạt động của Đội lúc này là tích cực tuyên truyền

vận động rút thanh niên ra ngoài bổ sung vào các bộ phận của huyện, củng cố cơ sở cũ và tăng cường phát triển cơ sở mới bên trong. Ngoài phụ trách phong trào các ấp thuộc Hựu An, Đội còn phụ trách cả ấp Hòa Thuận. Đồng chí Nở rút về Đội Thoại Thủy, chưa kịp bàn giao thì trong một lần Đội vào ấp Hòa Thuận công tác gặp địch phục kích, gây tổn thất cho Đội trong đó đồng chí Nở bị thương phải vào bệnh viện điều trị.

Năm 1971, công tác binh vận trong binh lính địch ở địa phương có kết quả. Một số thanh niên vào làm thầy Xế, thầy Bống, thầy Ka-thành, để khỏi bị bắt đi lính cho địch. Hai lính bảo an ở Thanh Hiếu bỏ hàng ngũ trở về với gia đình. Ta vận động giác ngộ được tên Qua, B trưởng C118 chống lệnh hành quân, báo địa điểm hành quân cho ta biết; có lần gặp ta mà không bắn để cho ta chạy. Đội cũng đã gửi 12 thư cho gia đình binh lính và 9 thư cho binh lính. Do trong năm đồng chí Nguyễn Xuân Thủy hy sinh và đồng chí Đặng Hùng Cường đi học miền Bắc nên đến cuối tháng 12/1971, Đội còn lại 4 người. Đầu năm 1972, Đội được tăng cường thêm đồng chí Dương Ngọc Thanh về phụ trách thanh niên.

Sang năm 1972, trên các chiến trường miền Nam, ta mở chiến dịch tấn công địch đã gây cho chúng nhiều tổn thất nặng. Chúng ra sức dồn quân bắt lính bổ sung cho các đơn vị chủ lực, nhất là số thanh niên dân tộc Kinh sống trong các xóm, ấp thuộc xã Hựu An và số thanh niên đến tuổi nhưng chưa có giấy tạm hoãn vì lý do sắc tộc. Tuy nhiên mỗi lần vây bắt, một số anh em thuộc lực lượng "nhân dân tự vệ" của địch là cơ sở cảm tình của ta và cũng là quan hệ bạn bè thân quen hàng xóm đã báo cho biết trước nên các anh thanh niên trốn lính đều thoát được.

Đầu năm 1972, địch xây 4 lô cốt, nâng số lô cốt xung quanh ấp Thanh Hiếu là 6 và bố trí 1 trung đội dân vệ cắm chốt tại đây. Ở tại khu vực Hựu An, ngoài 1 đồn lính bảo an, xung quanh cũng có 6 lô cốt dân vệ. Chúng tìm cách nắm tình hình các Đội công tác và ra phục kích gần đất thổ, ngày 9/4/1972 bắt đồng chí Mô ở Đội Liêm Bình.

Mặt khác, chúng chỉnh giảm bộ máy ở xã, giảm chức vụ Phó Xã trưởng kiêm an ninh để tập trung quyền hành về Xã trưởng; từng lúc, từng

nơi, đưa bọn quân sự vào nguy quyền tề ấp và Cuộc cảnh sát xã. Chúng tiếp tục ép thanh niên vào "Nhân dân tự vệ" (NDTV), tổ chức học quân sự và chính trị cho NDTV ở Hựu An 7 ngày, tổ chức lại 15 đội viên NDTV Thanh Hiếu nhưng không cho gác tại ấp. Đối phó với hoạt động vào ấp của ta, địch cho tăng thêm đèn sáng trong khu dân cư, riêng tại Thanh Hiếu có 5 bóng đèn.

Về phía ta, nhằm tăng cường công tác vận động quần chúng trong tình hình mới để đấu tranh chính trị với địch, huyện Phan Lý tổ chức Đại hội các dân tộc lần thứ 2 đạt kết quả tốt và thanh thế cách mạng được lan rộng. Trong thành phần mời dự đại hội ở khu vực Hựu An, Thanh Hiếu (6 người có 2 nữ), ngoài số cơ sở mật bên trong tìm cách giả trang vào tham dự, các Đội công tác còn tổ chức mời trực tiếp tại ruộng rẫy một số quần chúng tốt thuộc giới thanh niên, phụ nữ như: Ông Đặng Nài, chị Nêu, bà Hồi ở Trì Đức... Những người sau khi tham dự về, rất tin tưởng, phấn khởi; khi bị bọn cảnh sát quận, an ninh xã gọi lên điều tra xét hỏi thì bà con trả lời là bị bắt đưa đi và cách mạng tổ chức rất tốt, vui vẻ.

Sau Đại hội dân tộc, phong trào của quần chúng nhân dân có bước phát triển. Ngày mùa, một số chủ ruộng mảng Bắc như các ông Tôn Tỏi, Lượng Trá, Lâm Quang Cảnh... vẫn làm sân và để lúa lang ngoài ruộng, lại còn chỉ cho ta cách lấy lúa, báo địch tình cho ta biết. Phong trào bung ra sản xuất so với trước có khí thế hơn, rộng hơn. Mặc dù địch ngăn cấm, đồng bào vẫn từng người, rồi tập thể bung ra giữ rẫy. Nhiều nơi đồng bào hăm hở đi lấy ranh chuẩn bị phát dọn làm mùa năm sau. Vùng động cát, phát sâu hơn so với trước. Thanh Hiếu có 11 người, cát 2 chòi, Hựu An có 22 người vùng Cút Ông Thắng. Ở mãng núi, đồng bào bung ra vùng Lệ Nghi - Bá Ghe cát chòi làm rẫy. Đội công tác tiếp tục bám bàn đạp và các nơi có đồng bào ra làm ăn, gặp gỡ vận động đồng bào yên tâm mạnh dạn bung ra làm ăn đừng sợ sệt gì lực lượng cách mạng. Riêng khu vực Trì Đức trong tháng 4/1972 có 33 người, trong đó có 19 học sinh, ra ruộng rẫy làm công việc đồng áng.

Để động viên, hỗ trợ phong trào, ta tổ chức học tập thư của Trung ương Cục Miền Nam về

phát động đợt Đồng khởi toàn Miền, có các cơ sở bên trong như các anh Đảng Xin, Đảng Chụp, chị Tiền Thị Si tham dự. Tháng 2 và 3/1972, bộ đội C470 Phan Lý đã 2 lần tập kích và đêm 5/4/1972 bộ đội 440A pháo kích 6 quả cối vào Chi khu quận lỵ Phan Lý Chàm nhằm hỗ trợ cho bà con trong xã phát huy khí thế đấu tranh bung ra làm ăn, chống đôn quân bắt lính. Thông qua cơ sở mật trong lực lượng "nhân dân tự vệ" của địch như các anh Đặng Kháng, Đặng Chiến, ta tổ chức rải truyền đơn trong ấp Thanh Hiếu. Nhân dịp kỷ niệm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2/9, Đội công tác đã tổ chức học tập ý nghĩa 2 ngày lễ, có 8 người thuộc Hựu An ra tham dự.

Viện lý do đến thờ Pô Nít tọa lạc trên đồi động cát trắng Lạc Sơn nằm vào vùng thuộc về lực lượng cách mạng quản lý và cho rằng cơ sở ta lợi dụng việc chăm sóc, cúng bái tại đền thờ để tiếp tế cho cách mạng; địch đối phó lại bằng chủ trương dời đền thờ về gần khu dân cư. Đội công tác đã thông qua cơ sở mật bên trong vận động nhân dân đấu tranh chống lại chủ trương này. Tuy nhiên, do bức xúc trước thực trạng hư hỏng nặng

của ngôi đền và hoàn cảnh đi lại cúng tế, chăm sóc rất khó khăn, nên nhân dân Thanh Hiếu đã thiếu sự thống nhất tập trung trong đấu tranh; nội bộ phân hóa, dẫn đến việc đền thờ Pô Nít bị chúng di dời về làm tại cánh đồng Vua như hiện nay.

Diên cuồng chống trả các hoạt động của Đội công tác, bọn lính Cộng hòa thường xuyên tổ chức phục kích các địa bàn. Tháng 3 năm 1972, đồng chí Võ Thị Hương hy sinh trong khi làm nhiệm vụ. Sau khi đồng chí Hương hy sinh, huyện tăng cường đồng chí Ngô Thị Thu về Đội công tác Hựu An phụ trách công tác phụ nữ. Sau đó, ngày 13/9/1972, trong khi ra tiếp xúc với đồng bào, Đội công tác bị phục kích, đồng chí Dương Ngọc Thanh bị hy sinh, ta tổ chức đồng bào chôn cất, địch biết truy hỏi, người trực tiếp chôn cất phải đi tránh né nơi khác.

Thực hiện chiến dịch "Bình định" và "Tìm diệt" trong những năm 1969 - 1972, Mỹ - ngụy đã gây không ít khó khăn tổn thất cho ta. Tuy nhiên bằng phương thức kết hợp 3 mũi: quân sự, chính trị, binh vận, chúng ta đã tạo thế giữ vững và phát

triển phong trào, góp phần cùng cả tỉnh làm thất bại "Chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh", buộc đế quốc Mỹ phải ngồi vào bàn đàm phán và cuối cùng phải ký kết Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam vào ngày 27/01/1973.

Với Hiệp định được ký kết, Mỹ buộc phải rút hết quân về nước. Mặc dù vậy, chúng vẫn chưa chịu từ bỏ dã tâm xâm lược nước ta, nên trước đó đã có các kế hoạch chính trị, quân sự nhằm thông qua nguy quyền miền Nam tiếp tục chống phá cách mạng. Trước khi Hiệp định được ký kết và có hiệu lực, một mặt bên trong chúng tuyên truyền xuyên tạc thắng lợi của ta, mặt khác bên ngoài chúng tổ chức nhiều cuộc hành quân chiếm đóng theo kiểu giành dân lấn đất.

Nắm được ý đồ của địch, ta chủ trương tổ chức hội nghị quán triệt trong cán bộ, đảng viên, đội ngũ cơ sở cốt cán về tình hình nhiệm vụ mới, chỉ đạo Đội công tác ở xã triển khai kế hoạch tổ chức cho cơ sở mật bên trong chuẩn bị các điều kiện thực thi khi Hiệp định có hiệu lực như may cờ, viết khẩu hiệu tuyên truyền, kế hoạch công

tác giữ dân. Đội công tác Hựu An lúc này có các đồng chí Thập, Thu, Phương, Ánh, Xuân thường xuyên tăng cường áp sát, phối hợp với các cơ sở mật bên trong đẩy mạnh tuyên truyền vận động nhân dân đấu tranh chống lại các kế hoạch của kẻ địch.

Sáng ngày 28/01/1973, khi Hiệp định Pari có hiệu lực, trong các vùng của ta, cờ Mặt trận, khẩu hiệu, truyền đơn cách mạng đã thấy xuất hiện. Nhưng với bản chất ngoan cố, ngụy quyền đã vu cáo ta vi phạm Hiệp định và tuyên bố "Không thực hiện ngừng bắn..." và ra lệnh cho quân ngụy phản kích quyết liệt vào những vùng ta giành quyền làm chủ, ra lệnh cho bọn tay sai tổ chức lấn chiếm, nhổ bỏ cờ và khẩu hiệu của ta. Bên trong các ấp, chúng bắt các gia đình nhân dân vẽ cờ ba que trên nóc nhà hoặc trên vách tường với lời lừa phỉnh nhân dân là để cho máy bay quân sự nhìn thấy đây là khu quốc gia sẽ không ném bom. Chúng còn buộc nhân dân phải viết khẩu hiệu "Gia đình tôi không sống chung với Cộng sản" treo trong nhà. Chúng tăng cường tổ chức các cuộc hành quân, phục kích gây khó khăn cho hoạt động tiếp xúc quần chúng nhân dân của Đội

Công tác và ngăn chặn không cho nhân dân bung ra ruộng rẫy làm ăn và tiếp xúc với cách mạng. Chúng qui định đi vào rẫy chỉ một đường, 7 giờ sáng mới được đi, từng nhóm để cõm nước tập trung tại một chỗ. Chúng lục soát gặt gao, lấy hết gao đồng bào mang theo, chỉ cho mang cõm và cất cữ bọn mật báo giám sát hoạt động đồng bào trong rẫy.

Về bộ máy chính quyền ở xã Hựu An chúng đưa Quách Quán lên làm Xã trưởng, Tôn Thăng lên làm Phó Xã trưởng; ở các ấp, đưa Đào Bỏ làm ấp trưởng Hiệp An, Diên Đá làm ấp trưởng Hiệp Thiện, Đặng Văn Môn A làm ấp trưởng Trì Đức, Đặng Phát làm ấp trưởng Thanh Hiếu.

Trước tình hình đó, Đội công tác bám chặt lực lượng cơ sở mật bên trong, đẩy mạnh các hoạt động vận động thu mua lương thực hàng hóa liên tục để tiếp tế ra cho cơ quan huyện Phan Lý dùng trước mắt và dự trữ chuẩn bị cho các chiến dịch trong thời gian đến. Đội công tác còn tìm cách ra các khu vực ruộng rẫy gặp nhân dân đi làm ăn ban ngày để tuyên truyền giải thích rõ thế đi lên của cách mạng và nguy cơ sụp đổ của Mỹ - ngụy.

Từ đó đã có tác dụng lôi kéo một số binh lính bỏ ngũ, nhân dân bung ra làm ăn ở Bá Ghe, Lệ Nghi trong vùng do ta kiểm soát, cất chòi rẫy ở lại. Ở vùng đất động ta tổ chức thực hiện cấp phát đất rẫy cho nhân dân được 200 ha, tạo điều kiện bà con yên tâm sản xuất, ổn định cuộc sống. Bất chấp qui định giờ giấc của địch, bà con vẫn đi rẫy, đi đánh cạm dông rất sớm, có đoàn đi bắt ong dông từ 25 - 30 người. Quận Phan Lý Chàm tổ chức lễ Nông dân Lao động - Người cày có ruộng tháng 3/1973, cấm đồng bào không cho vô rẫy, nhưng ở Thanh Hiếu vẫn có người vô rẫy làm, không đi dự họp. Đặng Quang Lượng lợi dụng thế dân biểu Hạ nghị viện ngụy mua chuộc bọn tề quận xã đồng ý cho y ủi đất thổ cư Trì Đức để lập vườn; nhưng nhân dân Trì Đức không chịu, đồng lòng làm đơn kiện lên Tỉnh, buộc Lượng phải từ bỏ ý định. Trong một cuộc họp tại xã, có 59 người đã nhất loạt không chịu góp tiền cất trụ sở và chỉ chịu sê nộp thuế lần hồi, vì mùa màng thất bát.

Về binh vận, tháng 4/1973, lấy tình dân tộc nghĩa đồng bào, Đội công tác viết thư tranh thủ số cầm đầu ác ôn, hẹn địa điểm gặp nhưng chúng không dám ra. Trong khi đó, một số tề ấp, lính

thám báo, cảnh sát, "bình định nông thôn" như các anh Đặng Phát, Huỳnh Lương, Tôn Khánh, Tôn Văn Như, Tôn Thiệt ở Thanh Hiếu được ta giáo dục đã nhận làm cơ sở cung cấp tin tức, tình hình, vẽ sơ đồ ấp, xã, quận, huyện, cung cấp đạn dược quân trang, giải quyết hậu quả chiến trường, mai táng tử sĩ ta sau các trận giao tranh. Từ chỗ e dè cầm chừng những buổi đầu dần dần đi đến cộng tác đắc lực như anh Tôn Thiệt, sau này thú nhận là trong một số cuộc ra gặp, ngồi nói chuyện với Đội công tác của ta, trong người anh đều có dất lựu đạn. Ta tuyên truyền vận động giác ngộ số thanh niên trong lực lượng "Nhân dân tự vệ" của địch để anh em này cộng tác làm cơ sở cung cấp tin tức tình báo cho ta và có những hành động ngấm ngầm chống đối địch. Ở Thanh Hiếu, có 8 đội viên "Nhân dân tự vệ" lột nón có vẽ cờ khẩu hiệu của bọn ngụy vứt xuống đường cho xe cán. Địch bắt và buộc tội thì anh em đấu lý: "Chúng tôi cầm súng gác không có một đồng xu nào thì các ông phải để cho chúng tôi dễ dãi làm ăn ngoài rừng, ngoài ruộng. Mang cái nón này đi làm ăn, gặp cách mạng nhất định phải bị bắt, mà sắm nón khác thì tiền đâu mà sắm, thà anh em tôi bỏ nón, đi đâu không, yên tâm hơn". Cũng từ

phong trào giáo dục vận động thanh niên, trong năm 1973, đã có 3 thanh niên ở Thanh Hiếu là Huỳnh Thị Loan, Tôn Út, Đào Thị Phượng thoát ly ra rừng, được tăng cường về các bộ phận công tác của huyện ủy Phan Lý.

Đầu năm 1974, huyện rút các đồng chí Thu, Ánh, Xuân tăng cường cho nơi khác, Đội Công tác Hựu An còn lại 2 đồng chí Thập và Phương.

Với đối sách và phương pháp công tác tốt của Đội Công tác, đặc biệt là của đồng chí Nguyễn Thập - đội trưởng, nhân dân ngày càng tin tưởng vào cách mạng, bung ra làm rẫy, vào rừng lấy mật ong, chặt sác, bảm ruộng đồng ngày càng nhiều hơn, trong đó có cả lính ngụy giải ngũ về đầu thú làm ăn. Còn cơ sở của ta thì tổ chức tốt hơn các hoạt động liên lạc, báo tin, tiếp tế lương thực tại các địa điểm lò gạch, mã củ Khiếp, sử dụng ám tín hiệu như cờ, đèn pin, tiếng hú.

Đến tháng 8/1974, ta giáo dục xây dựng được cơ sở trong lực lượng "Nhân dân tự vệ" của địch, ở Trì Đức có 7 người, ở Thanh Hiếu có 13 người, giao nhiệm vụ thường xuyên cung cấp địch tình và tình hình bên trong khu dân cư, liên lạc

bằng các hủ thư mật hoặc báo trực tiếp khi vào làm rẫy; ngoài ra còn được giao tổ chức rải truyền đơn và vẽ sơ đồ quận Phan Lý Chàm. Điển hình trong số này như các anh Huỳnh Lương, Qua Đình Ký... Nhìn chung xuyên suốt từ những năm 1962 đến năm 1966, đến năm 1974, đặc biệt là từ khi Hựu An (bao gồm Thanh Hiếu) có Đội Công tác đặc trách, lực lượng cơ sở mật bên trong ngày càng phát triển nhiều, tham gia hoạt động phục vụ có hiệu quả và tạo thành phong trào cách mạng của quần chúng đấu tranh chống lại Mỹ - Diệm. Do vị thế địa bàn dân cư và phương thức, khu vực làm ăn, Thanh Hiếu là nơi có nhiều cơ sở và phong trào nhất xã.

Đồng chí Đảng Xin và Đảng Chup là hai cơ sở trung kiên và hết sức tận tụy với nhiệm vụ của một cơ sở mật. Dù trong hoàn cảnh, điều kiện khó khăn, nguy hiểm như thế nào nhưng khi có yêu cầu của công việc, của Đội Công tác, các đồng chí luôn đáp ứng. Không một cuộc họp, một cuộc gặp nào Đội Công tác cần mà các đồng chí vắng mặt cả. Tích cực trong việc báo cáo tình hình địch, rải truyền đơn, tiếp tế lương thực nhưng do trình độ học vấn hạn chế, sự đóng góp tham gia



*Đồng chí Nguyễn Thập (Lâm Quốc Việt) - Đội trưởng
Đội công tác Hậu An năm 1971.*

của hai đồng chí tùy theo năng lực. Đây cũng là hai đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam của Phan Hiệp được kết nạp trong thời kỳ chống Mỹ ở địa phương.

Các bà Đặng Thị Giỏi, Kim Thị Đạo là những phụ nữ đầu tiên tiếp xúc và là đầu mối phát triển cơ sở cùng các bà Huỳnh Thị Thanh, Đặng Thị Cang, Nguyễn Thị Nhờ luôn là nòng cốt trong các hoạt động của phong trào phụ nữ, tiếp tế lương thực nhu yếu phẩm và công tác binh vận. Riêng bà Kim Thị Đạo rất nhiều lần tiếp tế gạo cá, thuốc men cho Đội Công tác; 3 lần làm liên lạc đưa thư Đội Công tác cho Thiếu tá Quận trưởng Đặng Chánh Anh; móc nối với Tôn Khánh (lính bảo an) xin đạn, lựu đạn, bi đông cung cấp cho Đội Công tác.

Các ông Đàng Cá, Đặng Cầu, Đặng Phát cũng là những cơ sở đầu tiên móc nối và xuyên suốt hoạt động; tham dự nhiều cuộc học tập, hội họp; nòng cốt trong các cuộc đấu tranh, vận động đồng bào bung ra ruộng rẫy làm ăn, vận động binh lính đào rã ngũ, cung cấp lương thực thuốc men, đạn dược, cung cấp tình hình địch và tiếp tế

cho Đội Công tác; có thời gian nhận làm các chức vụ xã, ấp của địch để có điều kiện hoạt động nhưng vẫn là cơ sở đáng tin cậy của ta.

Ông Đặng Khôi, sau khi giải ngũ được bà Kim Thị Đạo móc nối đưa vào gặp đồng chí Thập, được giao nhiệm vụ theo dõi tình hình địch bằng cách mang cạm đi đánh đông; nếu phát hiện hoặc có khả năng nghi ngờ thì cấm cờ báo hiệu, cờ đỏ có địch, cờ trắng an toàn. Nhiều lần tham dự họp, lễ, được giao nhiệm vụ chuyển thư từ liên lạc và rải truyền đơn.

Ông Đảng Hưng làm liên lạc bỏ hũ thư. Anh Cửu Lạc là du kích mật, làm quân báo, được trang bị súng đạn bảo vệ cơ sở, tuyên truyền vận động thanh niên vào rừng làm rẫy. Ông Đảng Thêm cung cấp nhiều tin tức quan trọng về hoạt động của bọn làm tay sai chỉ điểm cho địch ở địa phương.

Các đoàn viên được kết nạp thời kỳ chiến tranh làm nòng cốt cho phong trào thanh niên có các chị Kim Thị Thủy (Chiên), Đặng Thị Săng, Tiền Thị Si làm liên lạc và tiếp tế. Riêng chị Thủy (Chiên) có lần đem thuốc, xà phòng gặp

các tên Sâm, Nuôi là cảnh sát nguy chi đã bình tĩnh trả lời không có để gì trong mình, chúng không nghi ngờ cho đi, mang lọt đồ tiếp tế vào cho đồng chí Thập. Có lần đồng chí Thập mời chi vào động hạp giao công tác về hoạt động thì bị địch nghi, tên Thìn cảnh sát mời lên, nhưng được Tôn Khánh (lính bảo an) bảo lãnh, được tha về. Sau này sắp sửa bị lộ, chi chuẩn bị thoát ly, thì quê hương được giải phóng. Hay hai anh em Đặng Kháng và Đặng Chiến cũng là đoàn viên, tuy nằm trong lực lượng "Nhân dân tự vệ" của địch, nhưng là cơ sở tích cực của đồng chí Thập và Đội Công tác từ năm 1973, làm liên lạc nắm bắt, cung cấp tình hình hoạt động của địch cho Đội, nhận rải truyền đơn 3 lần vào ấp Thanh Hiếu, vào khu vực quận Phan Lý Chàm và chung quanh vòng rào ấp chiến lược, trước nhà cảnh sát. Anh Chiến có mang đạn và lựu đạn, thuốc men giao trực tiếp cho anh Xuân, Đội Công tác nhận.

Còn ở khu tập trung Hựu An vì gắn liền với cơ quan quận Phan Lý Chàm, dưới sự kềm kẹp chặt chẽ của địch nên Đội Công tác khó móc nối xây dựng cơ sở mật bên trong và cơ sở bên trong cũng hoạt động vô cùng khó khăn. Ở mảng động

cát, các cơ sở thuộc Trì Đức như Huỳnh Thắng (Ty), Trần Phấn, Cửu Mè, Đặng Nài, Đặng Thao, Úc Kéo thông qua việc làm ăn như đánh bầy đông, lấy mật ong, cất chồi ở lại tại ruộng đã nắm và cung cấp tình hình, hoạt động của địch trong khu Hựu An cho Đội công tác; tiếp tế lương thực - thực phẩm, các đồ dùng cần thiết. Riêng ông Huỳnh Thắng nhiều lần bị bọn cảnh sát ở Chi cuộc quận Phan Lý Chàm bắt vào đánh đập, đổ nước mắm để điều tra buộc tội làm cơ sở cho Việt cộng nhưng ông dũng cảm chịu đựng cắn răng không hề khai báo gì có hại cho hoạt động cách mạng, một mực chỉ nói là đi làm ăn, không biết và quan hệ với ai cả. Hai mẹ con chị Lư Thị Mỹ, Lư Thị Nương làm cơ sở mật cho đồng chí Thập, đồng chí Tám Ánh. Nhà chị Mỹ thường xuyên có nhiều bọn lính bảo an, thám báo trú ngụ và lui tới, chị nghe được kế hoạch chuẩn bị các cuộc hành quân, phục kích của địch qua lời trao đổi nói chuyện với nhau của bọn lính cũng như qua một số mối quan hệ thân quen; sau đó bằng cách gánh đồ gọ đi bán hoặc đi làm rầy động để tìm cách báo tin cho các Đội công tác biết.

Ở mảng núi Hiệp An, Hiệp Thiện có chị Diên Thị Hiếu thông qua quan hệ gia đình, được đồng chí Bồ Xuân Hội móc nối cùng với thầy xé Hề lên gặp trao đổi giao nhiệm vụ tại vườn ông Sáu Nhơn bị máy bay đâm già của địch phát hiện, sau đó trở thành cơ sở của ta. Trong một đợt tổ chức rải truyền đơn cách mạng, chị Hiếu đảm nhận việc rải truyền đơn trước nhà quận trưởng Đặng Chánh Anh và tại lô cốt gần trước nhà chị. Cũng trong đêm đó một nhóm khác do đồng chí Tám Ánh thuộc Đội công tác phụ trách, có ông Bá Khe, rải truyền đơn tại khu vực cây me sau nhà Lư Thái Nhân. Ông Bá Khe và các ông Lâm Quang Cảnh, Lượng Khoai, Lượng Trá, Úc Trơ là cơ sở tích cực ở mảng núi trong các hoạt động cung cấp địch tình, tiếp tế và tổ chức vận động tiếp tế lương thực cho các Đội công tác của huyện Phan Lý. Ông Lâm Quang Cảnh có lần đã dẫn đồng chí Thập vào khu Hựu An để rải truyền đơn và đầu năm 1973, khi thi hành Hiệp định Pa-ri, theo phân công của đồng chí Thập, ông đã cầm cờ cách mạng từ Tà Bo đến Cầu Bom. Đối với nhà chị Hiếu, cũng là nơi tập kết an toàn cho Đội công tác khi đột kích vào khu Hựu An. Trong một

lần, đồng chí Đặng Hùng Cường và đồng chí Thập tổ chức đột kích vào khu Hựu An, tiến vào từ hướng trước nhà Mai Phố, chỗ gò mả, vòng phía sau đến nhà Đào Bỏ, đồng chí Thập rãi truyền đơn tại đây, sau đó bước sang nhà chị Liễu để lia tạc đạn vào khu truyền tin trong quận. Một cơ sở khác như bà Úc Thị Đậu, là một cơ sở thời chống Pháp, tiếp tục trong thời kỳ chống Mỹ bằng công việc buôn bán với miền núi (I-kăk nưng) qua đó thường xuyên tiếp tế lương thực thực phẩm cho Huyện ủy Phan Lý và trước đó là Ban Cán sự Bắc Sơn. Một lần đi lên miền núi, bị máy bay trực thăng tàu gạo của Mỹ cho là Việt cộng, đã thả lưới câu bà về Phan Thiết. Bà đã không khai nhận gì buộc chúng phải thả về.

Có thể nói đến giữa năm 1974, hoạt động của Đội công tác Hựu An và phong trào quần chúng bên trong khá ổn định và thuận lợi. Giữa lúc đó thì vào lúc 4 giờ 30 phút sáng ngày 21/8/1974, trên đường đi tiếp xúc cơ sở trở về, Đội công tác lọt vào ổ phục kích của tiểu đội trinh sát đại đội 948 địa phương quân quận Hòa Đa, đồng chí Thập, đội trưởng, đã hy sinh. Chúng lấy từ người đồng chí Thập một lá thư do cơ sở bên

trong vừa gửi ra, một bản đồ quận Phan Lý Chàm vừa đưa cho cơ sở chính lý lại cho chính xác và một số tư trang cá nhân. Đồng chí Thập là một cán bộ cách mạng, một đội trưởng công tác, có quan điểm và tác phong sâu sát, gần gũi và quan tâm đến lợi ích của quần chúng nhân dân, rất được nhân dân tại các địa bàn đồng chí từng kinh qua công tác, hoạt động thương mến và một số binh lính, công chức của địch từng được tiếp xúc đều mến phục; nhưng chỉ vì một chút mất cảnh giác phải chịu hy sinh tổn thất. Tình cảm gắn bó của đồng bào đối với đồng chí Thập thể hiện rõ trong cuộc lễ tang đồng chí tại gia đình ở ấp Xuân Quang, tuy thuộc cùng cai quản của Mỹ - nguy, nhưng bất chấp sự theo dõi để ý của địch, đông đảo đồng bào Hựu An - Thanh Hiếu và các nơi khác đã đến viếng và đưa tang. Trong ngày giải phóng quê hương, ai ai cũng tiếc cho đồng chí, vì đã gần đến ngày toàn thắng mà đồng chí lại ra đi, không được hưởng niềm vui sau những tháng năm gian khổ.

Sau khi đồng chí Thập hy sinh, Huyện ủy Phan Lý bổ sung đồng chí Ngô Tiến Nổ (ấp Xuân Quang), biết tiếng Chăm về làm đội trưởng. Qua

điều tra chính xác rằng có sự tiếp tay của một tên chỉ điểm ở Thanh Hiếu đã cung cấp tình hình tin tức cho bọn lính Hòa Đa mật phục đánh vào Đội công tác, gây ra sự hy sinh của đồng chí Thập, Huyện đã ra lệnh bắt và xử tử tên chỉ điểm này. Tháng 12 năm 1974, có lệnh giải thể các Đội công tác Hựu An, Hậu Quách, rút về tập trung ở huyện để tăng cường cho trọng điểm Phan Thanh, địa bàn 2 xã do huyện trực tiếp phụ trách.

Cuối năm 1974 đầu năm 1975 tình hình chiến trường toàn miền Nam đã có những chuyển biến, báo hiệu nguy sẽ nhào sau khi Mỹ đã rút. Ở Hựu An cũng như khắp nơi trong tỉnh, bọn nguy quyền hoang mang lo sợ, rệu rã, làm việc cầm chừng, bọn tề điệp không còn hống hách, nguy quân co cụm lại không dám bung ra hoạt động đánh phá như trước nữa. Tháng 2 năm 1975, thiếu tá Lư Thái Nhàn (1) thay cho Đặng Chánh Anh làm Quận trưởng kiêm Chi khu trưởng quận Phan Lý Chàm.

(1) Nguyên là cán bộ kháng chiến của huyện Phan Lý trước năm 1951.

Ta vận động nhân dân đấu tranh đòi địch thỏa mãn các yêu sách về dân sinh, dân chủ. Tết năm 1975, ta vận động nhân dân chuẩn bị cờ Mặt trận đón chờ thời cơ đang gần đến. Công tác binh vận lôi kéo binh lính đào rã ngũ về gia đình được đẩy mạnh. Ở Thanh Hiếu có Huỳnh Hè, Đàng Đụng đào ngũ về làm ăn.

Tiếng súng Tây Nguyên mở màn chiến dịch và tin chiến thắng liên tiếp sau đó từ các tỉnh duyên hải miền Trung dồn dập đưa về vào những ngày giữa tháng 4-1975, tạo cho không khí giải phóng quê hương ngày càng công khai. Trong những ngày này, những đám tàn quân ngụy thất trận ở các tỉnh miền Trung chạy dồn vào Bình Thuận ngày càng đông, càng làm cho tinh thần bọn địch thêm nao núng và trật tự an toàn xã hội ngày càng phức tạp, nhất là nạn cướp bóc, trấn lột. Bọn cầm quyền ở huyện, xã buộc phải bắt, xử từ một vài tên để trấn an, ổn định tình hình.

Ngày 16/4/1975, tin tuyến phòng thủ Phan Rang thất thủ, tỉnh Ninh Thuận đã được giải phóng, quân ta đang tiến về Phan Thiết làm cho bọn địch ở quận thật sự rệu rã, lực lượng "Nhân

dân tự vệ" tự động bỏ súng. Bọn chỉ huy ra lệnh đốt hồ sơ, giấy tờ và tìm đường tháo chạy.

Trước đó một số người trong bộ máy nguy quân - nguy quyền đã chạy xuống Phan Rí Cửa, chạy vào Phan Thiết bằng thuyền để sau đó chạy vào Sài Gòn với hy vọng tránh khỏi quân giải phóng. Địch tại Chi khu quận Phan Lý Chàm chỉ còn 2B dân vệ và 1A thám sát. Chi cảnh sát trước có 14 tên, nay đã trốn đi nơi khác và bỏ việc 5 tên. Tâm trạng chung của số tề xã, ấp nấn ná, khi ta đánh vào thì sẽ không dám chống cự.

Ảnh hưởng thắng lợi của ta trên chiến trường và qua thực hiện các qui định và chính sách 7 điểm của ta ở các vùng mới giải phóng có ảnh hưởng tác động sâu trong hàng ngũ nguy quân - nguy quyền. Như ở tại quận Phan Lý Chàm có 3 học sinh người Hự An học tại Đà Lạt, sau khi ta giải phóng hoàn toàn ở Đà Lạt, 3 học sinh này được chính quyền cách mạng giải quyết cấp giấy tờ, gạo thóc, ăn uống trở về quê quán. Trong 3 học sinh có 1 người là cháu của Lư Thái Nhân, quận trưởng Phan Lý Chàm. Ba học sinh này kể diễn biến quân giải phóng tấn công vào Đà Lạt,

về chế độ ưu việt của ta sau khi được giải phóng cho Lư Thái Nhân nghe và cuối cùng cháu Lư Thái Nhân hỏi "Tình hình này còn cậu thì tính sao? Lư Thái Nhân nói: "Khi cách mạng đánh vào, tao trốn một, hai ngày rồi sẽ ra đầu thú cách mạng".

Lúc này quần chúng ở bên trong Hựu An cũng chuẩn bị tư thế bung ra rầy ruộng tạm thời tránh lánh khi ta tấn công vào quận lỵ. Ta cũng đã phát động nhân dân ở lại bên trong đào hầm chống phi pháo. Một số cơ sở và quần chúng tốt ở Hựu An lâu nay không gặp được Đội Công tác, nay đi tìm hỏi xin ý kiến để tính công việc ở xóm làng. Quần chúng bung ra làm ăn và ở lại một vài ngày không gặp Đội Công tác, cán bộ ta thì trông chờ.

Ta tổ chức học tập cho 11 học viên cơ sở cốt cán bên trong (Thanh Hiếu: 10, Trì Đức: 01) với thời gian học 8 giờ, về nội dung: Thư của Trung ương, chính sách 7 điểm, Quy định 10 điều lồng vào tình hình nhiệm vụ mới. Qua học tập nhận thức tiếp thu và thảo luận của một số cốt cán cơ sở có mạnh dạn, liên hệ tốt, giải quyết được một

số tư tưởng gút mắc do chiến tranh tâm lý của địch tác động như "ta thỏa thuận lấy Ninh Thuận làm ranh giới, trở ra là của ta, trở vào là của chính quyền Thiệu" hoặc chính sách 7 điểm của ta đối với những tên ác ôn có nợ máu đến đường cùng ra đầu hàng thì sao,...

Ngày 17 tháng 4, máy bay của không quân ngụy vì sợ pháo phòng không của ta không dám bay đến mục tiêu được giao, vội bỏ bom cho hết rồi quay đầu bay về cho xong nhiệm vụ. Điều đó làm cho nhân dân trong khu Hựu An lo sợ khu dân cư sẽ bị máy bay ngụy ném bom khi lực lượng cách mạng tiến vào, nên vội vã rủ nhau gồng gánh con cái tài sản chạy ra ẩn náu ngoài khu vực Gò Dí, Sông Mù U. Chiều tối ngày 17/4, Quận trưởng - Thiếu tá Lữ Thái Nhàn cầm đầu một toán gồm binh lính và công chức với đầy đủ trang bị, vũ khí, thông tin liên lạc rời bỏ quận lỵ Phan Lý Chàm đi vào hướng núi ẩn nấp né tránh đúng như vận động của cơ sở ta. Lợi dụng các cơ quan làm việc, kho phòng bỏ trống, trong lúc Ban Khởi nghĩa chưa kịp tiếp quản đã xảy ra cảnh hỗn loạn giành giựt các tài sản vật dụng trong các nơi đó.

Đêm 17 rạng sáng ngày 18 tháng 4 năm 1975, xe tăng quân ta tiến vào dừng lại một lúc tại ngã ba Sông Mao, trước mặt cơ quan quận Phan Lý Châm không gặp một sự chống cự nào cả, sau đó lại tiếp tục hành trình thần tốc hướng về Sài Gòn, sào huyệt cuối cùng của ngụy quyền miền Nam. Do trước đó, địch đã tự đánh sập cầu Xóm Lụa, nên xe tăng ta chạy vào hướng Xuân Quang, được quân chúng dẫn đường cắt sông qua tại sau ấp Hiệp Thành.

Tối 17 và sáng 18/4, các cơ sở ta trong khu dân cư đã kịp vận động nhân dân may, treo cờ giải phóng và khẩu hiệu chào mừng cách mạng thắng lợi. Sáng 18/4, bộ phận tiếp quản của huyện Phan Lý tiến vào khu Hựu An thì đã thấy phấp phới cờ và khẩu hiệu. Trật tự xã hội được vẫn hồi, sau đó UBND Cách mạng Lâm thời xã Phan Hiệp do đồng chí Nguyễn Trọng Hiền làm Chủ tịch ra mắt và thực hiện nhiệm vụ. Mấy ngày hôm sau, theo kế hoạch của UBND Cách mạng Lâm thời huyện Phan Lý, bà Diên Thị Hời đã trực tiếp liên lạc với đoàn quân của Lư Thái Nhân, lúc này còn lại rất ít, vì một số đã bỏ về nhà trước, bố trí cho họ về đầu hàng chính quyền cách mạng.

Việc giải giáp nộ vũ khí cho cách mạng được thực hiện tại sân nhà ông BỐ XUÂN HỔ, sát phía sau trụ sở UBND Cách mạng Lâm thời xã Phan Hiệp, sau đó ai nấy trở về với gia đình chờ thông báo trình diện chính quyền cách mạng và được đưa đi học tập cải tạo để trở thành công dân của chế độ xã hội mới.

Các đoàn thể quần chúng cách mạng được tổ chức và hoạt động, mang lại khí thế mới - khí thế đổi đời sau những năm dài trường kỳ kháng chiến cứu nước. Sự hân hoan, phấn khởi của các tầng lớp nhân dân trong xã càng tăng thêm khi sự nghiệp cách mạng thắng lợi trong không khí hòa bình và hòa hợp dân tộc. Không có cuộc tấ máu trả thù theo như luận điệu tuyên truyền xuyên tạc của kẻ địch. Từ nay, nhân dân trong xã sẽ đoàn kết một lòng ra sức khắc phục các hậu quả sau chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng cuộc sống ấm no hạnh phúc dưới chế độ mới xã hội chủ nghĩa.

PHẦN KẾT LUẬN

MỘT SỐ TRUYỀN THỐNG ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG QUA 2 KỲ KHÁNG CHIẾN CỦA NHÂN DÂN XÃ PHAN HIỆP

Xã Phan Hiệp, một xã được hình thành từ 7 làng nhỏ bị dồn lại, nằm ở trung tâm huyện Bắc Bình, có điều kiện thiên nhiên thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, có đường sắt và quốc lộ 1A đi ngang qua thuận lợi cho giao thông liên lạc. Thời gian dài, Phan Hiệp từng là trung tâm chính trị văn hóa, xã hội của cộng đồng đồng bào thiểu số người Chăm và miền núi của tỉnh Bình Thuận.

Đại bộ phận nhân dân Phan Hiệp là người Chăm theo đạo Bà la môn, kế thừa và lưu truyền vốn di sản văn hóa nghệ thuật dân tộc phong phú và độc đáo, vốn là dân làm ruộng rẫy, có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất nông nghiệp, bản tính chất phác, hiền hòa, cần cù, chịu khó, giàu lòng nhân ái, trọng tình làng nghĩa xóm, sống hòa hợp và gắn bó với đồng bào Kinh cùng xã và các xã lân cận, đặc biệt với xã Chợ Lầu sát bên cạnh,

cùng đi một con đường, uống một dòng sông, chung một cánh đồng, học cùng trường, mua sắm cùng chợ nên luôn có tinh thần đoàn kết tương trợ với nhau trong đấu tranh với thiên tai địch họa để tồn tại và phát triển.

Dưới chế độ phong kiến, thực dân, từ cuộc sống vốn đã cơ cực đói nghèo do nền kinh tế độc canh, lạc hậu, thấp kém; lại chịu mọi tầng áp bức bóc lột nặng nề về thuế má, tô tức, sự cai trị hà khắc và chính sách ngu dân, đã làm nảy sinh mâu thuẫn, từ đó đã tự phát một số cuộc đấu tranh giữa nông dân lao động yêu nước trong các làng Chăm (của Phan Hiệp) với tầng lớp bóc lột cùng thực dân phát xít và bọn tay sai, biểu hiện ước vọng của đồng bào mong muốn vùng lên xóa bỏ sự bất công tàn bạo đó.

Rồi thời cơ ngàn năm có một đã đến. Dưới sự lãnh đạo và tổ chức của Việt Minh, cuộc cách mạng Tháng Tám thành công, lật đổ chính quyền phong kiến, thực dân thối nát, lập nên chính thể Việt Nam dân chủ cộng hòa. Sau hơn 80 năm bị đô hộ, từ nay nhân dân lao động được làm chủ xã hội, làm chủ cuộc sống. Lý tưởng xây dựng một

xã hội mới tốt đẹp đã thúc giục và cuốn hút nhân dân các làng Chăm (của Phan Hiệp) nhiệt tình tham gia xây dựng và củng cố chính quyền non trẻ ở địa phương, cơ sở; ổn định và cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; tích cực tham gia thực hiện có kết quả khả quan phong trào diệt giặc đói, diệt giặc dốt, quyên góp tuần lễ vàng, tuần lễ đồng, lập hũ gạo đồng tâm để xây dựng và nuôi dưỡng lực lượng tự vệ địa phương.

Ngày vui chưa được bao lâu, thì thách thức mới lại đến. Thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta lần thứ hai. Để khuất phục tinh thần và ý chí của cán bộ - nhân dân các làng Chăm (của Phan Hiệp), thực dân Pháp và tay sai đã tiến hành nhiều âm mưu, thủ đoạn thâm độc, xảo quyệt và tàn ác, đặc biệt là lợi dụng chiêu bài dân tộc, tôn giáo để chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân và lập ra các tổ chức chính trị - quân sự người Chăm chống phá kháng chiến để tạo ra mâu thuẫn.

Được Đảng giáo dục, giác ngộ và tổ chức các hoạt động, được ánh sáng cách mạng soi sáng, nhân dân các làng Chăm (của Phan Hiệp)

kip thức thời, đã đoàn kết một lòng, cùng với nhân dân trong vùng, tin và đi theo Đảng tiến hành cuộc kháng chiến trường kỳ quyết không để giặc Pháp tước đoạt những quyền lợi thiết thực về kinh tế - chính trị - xã hội vừa mới giành được.

Thất bại sau âm mưu thủ đoạn đánh nhanh thắng nhanh, thực dân Pháp và tay sai lừa dân các làng vào khu tập trung Hựu An, hình thành khu quận lỵ Phan Lý Chàm để dễ kiểm soát, kềm kẹp, hòng tách nhân dân rời xa cách mạng, thực hiện mưu đồ "tát nước bắt cá". Nhưng chúng không thể nào nắm được lòng dân, vì tuy ở trong vòng vây của địch, lòng dân vẫn hướng về kháng chiến, hướng về cách mạng.

Cuối năm 1949 đầu năm 1950, để phù hợp và đáp ứng với yêu cầu của tình hình mới, ta hình thành đơn vị xã Phan Hiệp để chỉ đạo và tổ chức các phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân trong vùng tập trung Hựu An và phục vụ tốt yêu cầu nhiệm vụ của Huyện và Tỉnh giao, trong đó có phong trào tiêu thổ kháng chiến, chiến dịch bảo vệ mùa màng, vận động nhân dân hưởng ứng lệnh tổng động viên năm 1951 đóng góp dân

công và lương thực, thực phẩm phục vụ cho kháng chiến.

Qua chín năm kháng chiến, từ nhiều làng nhỏ rải rác, đã có xã Phan Hiệp ra đời. Từ một xã trắng về đảng viên, qua thực tiễn phong trào đã xuất hiện các nhân tố tích cực đứng vào hàng ngũ của Đảng, hình thành nên Chi bộ Đảng của xã thực hiện được vai trò hạt nhân lãnh đạo quần chúng tại địa phương tiến hành kháng chiến.

Qua chín năm, nhân dân Phan Hiệp đã theo kháng chiến bằng tấm lòng và ý chí, không lùi bước trước khó khăn gian khổ, tuy là một xã dân tộc thiểu số, nhưng đã đóng góp một cách xứng đáng sức người, sức của cho cuộc kháng chiến; độc lập và phối kết hợp chiến đấu và chiến thắng kẻ thù xâm lược và tay sai, đóng góp phần mình vào thắng lợi của chiến trường lớn Điện Biên Phủ, buộc thực dân Pháp phải ký kết hiệp định đình chiến Giơ-ne-vơ ngày 20/7/1954, miền Bắc nước ta được hoàn toàn giải phóng.

Từ sau năm 1954, cùng với toàn miền Nam, nhân dân Phan Hiệp một lần nữa bước vào cuộc chiến đấu mới không cân sức với kẻ thù là bọn

can thiệp Mỹ và bè lũ tay sai. Với âm mưu chia cắt lâu dài đất nước ta và biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới, đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai tiến hành các hoạt động chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa - xã hội để chống phá và tiêu diệt phong trào đấu tranh cách mạng của quần chúng. Địch tiếp tục củng cố và xây dựng khu tập trung Hựu An thành xã quản lý Hựu An, bằng tất cả các thủ đoạn thâm độc kềm kẹp hết sức chặt chẽ mọi sinh hoạt của đồng bào, ngăn chặn mọi sự liên hệ, tiếp xúc, móc nối giữa đồng bào trong khu tạm chiếm với các Đội công tác cách mạng, biến Hựu An thành khu an toàn cho bọn đầu sỏ, tay sai ác ôn của chúng tránh lánh và thành vùng trắng của ta.

Tuy nhiên phong trào chỉ bị tạm lắng một thời gian do đội ngũ cán bộ nòng cốt của Phan Hiệp, Phan Lý bị địch đánh phá, giết hại, một số đầu hàng theo giặc. Từ khi có NQ15 của Bộ Chính trị kịp thời mở lối bế tắt, với sự kiên trì nhẫn nại bám đất bám dân của các Đội công tác bên ngoài của huyện Hòa Đa, Liêm Bình (Phan Rí Thành), từ năm 1962 các cơ sở mật trong vùng Hựu An, Thanh Hiếu được móc nối xây dựng và ngày càng phát triển, một số thanh niên thoát ly

ra rừng tham gia cách mạng. Một thời gian sau hình thành Đội công tác và chi bộ Đội công tác Hựu An thuộc huyện Hòa Đa; cho đến năm 1970 thì giao về cho Phan Lý. Từ các cơ sở mật, duy trì tốt mối quan hệ công tác với Đội Công tác, với Huyện, Tỉnh, các hoạt động và phong trào cách mạng của quần chúng nhân dân Hựu An, Thanh Hiếu như cung cấp tình hình hoạt động của địch, tình hình trong vùng tạm chiếm, tiếp tế lương thực - thực phẩm - các vật dụng thiết yếu, công tác binh vận, đấu tranh đòi dân sinh dân chủ, hỗ trợ hoạt động quân sự, phá ấp chiến lược, giải quyết hậu quả chiến trường, vận chuyển cán bộ, chiến sĩ qua sông,... gây khó khăn và giảm độ an toàn của chi khu Phan Lý Chàm cũng như các cứ điểm khác xung quanh của địch, góp phần tạo nên thắng lợi của chiến dịch Tổng tiến công mùa xuân năm 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam thống nhất Tổ quốc.

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ cùng bè lũ tay sai lâu dài và gian khổ, đối mặt với kẻ thù đầy mưu mô thâm độc, xảo quyệt: vừa khùng bố, trấn áp một cách tàn bạo bằng các chiến dịch truy quét, tìm diệt, đấu tố; vừa mua chuộc dụ dỗ một cách êm đềm

bằng địa vị, vật chất tiền bạc, khai thác mặt tiêu cực của yếu tố dân tộc, tôn giáo. Bên cạnh đó, với đặc điểm của mình, nhân dân Phan Hiệp không thể không câu thúc ràng buộc bởi tâm lý tình cảm dân tộc cục bộ và phong tục, tập quán, tín ngưỡng; cho nên phong trào Phan Hiệp không thể tránh khỏi những lúc thăng trầm. Thế nhưng trong từng giai đoạn đều đã có nhiều tấm gương chiến đấu, hoạt động dũng cảm; hy sinh cao cả; khắc phục khó khăn vượt qua gian khổ, vào tù ra tội không khai báo làm hại cách mạng... Đây là những tấm gương sáng xứng đáng cho các thế hệ kế tiếp học tập và noi theo. Đất nước và nhân dân không bao giờ quên công ơn họ.

Từ thực tiễn phong trào trong 2 cuộc kháng chiến của cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân Phan Hiệp, bước đầu có thể rút ra một số truyền thống đấu tranh cách mạng của xã Phan Hiệp như sau:

1. Truyền thống chống phong kiến đế quốc: trải qua các thời kỳ lịch sử, dù bị giai cấp thống trị luôn trấn áp và ve vãn, nhưng do mâu thuẫn luôn tồn tại, gay gắt, nhân dân có lòng thù ghét sự tàn bạo, dã man, ác độc, bất công; cho nên lúc

nào Phan Hiệp cũng có phong trào đấu tranh đòi độc lập dân tộc, dân sinh, dân chủ.

2. Truyền thống đoàn kết nội bộ, đoàn kết với các địa phương lân cận, đoàn kết các dân tộc: do thực tế lịch sử để lại và trước nhu cầu tồn tại và phát triển, đoàn kết đã tạo nên sức mạnh chống thiên tai, địch họa, góp phần tạo sự ổn định chính trị, trật tự xã hội, tập trung sức giải quyết nhiệm vụ đặt ra cho từng giai đoạn lịch sử.

3. Truyền thống giữ gìn bản sắc văn hóa, tín ngưỡng; cảnh giác trước những âm mưu, thủ đoạn lợi dụng chiêu bài dân tộc, tôn giáo để gây chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân, không để bị mua chuộc từ bỏ tín ngưỡng mang tính bản sắc của dân tộc mình theo các đạo giáo khác nằm trong âm mưu của thực dân, đế quốc.

4. Truyền thống ủng hộ cách mạng: quyên góp, tổng động viên, tiếp tế vàng bạc - lương thực; chăm sóc nuôi dưỡng che chở cán bộ, bộ đội xem như con em ruột thịt, người thân, trong đó nhiều nhất là các bà mẹ, các chị ở các làng Chăm trong xã, tất cả vì thắng lợi của sự nghiệp cách mạng.

5. Truyền thống nhân ái: với đặc điểm thời gian dài là khu trung tâm đầu não cấp quận, dưới các thủ đoạn kềm kẹp o ép của địch, không thể không có một số người đã làm tay sai cho địch, chống lại cách mạng, chống lại nhân dân, đã có những việc làm gian ác đối với quần chúng nhân dân có cảm tình và hoạt động cách mạng; thậm chí có người có cả nợ máu. Thế nhưng khi cuộc đấu tranh kết thúc, thắng lợi thuộc về cách mạng thì trong xã Phan Hiệp không hề có chuyện trả thù, tính sổ. Nhân dân Phan Hiệp độ lượng nhân từ tha thứ cho những người đã lầm đường lạc lối, tạo điều kiện cho họ được hòa nhập vào cộng đồng, xóa bỏ mọi mặc cảm hận thù, miễn là họ thành tâm hối cải.

Kế thừa truyền thống cách mạng của lớp cha anh đi trước, trong công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa hiện nay, tiếp tục làm theo đường lối đổi mới, được chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước quan tâm giúp đỡ, nhân dân Phan Hiệp đã và đang ra sức khai thác và phát huy các tiềm năng về lao động, đất đai, vốn văn hóa nghệ thuật đậm đà bản sắc dân tộc để vươn lên cùng cộng đồng các địa phương trong huyện xây dựng cuộc sống ấm no hạnh phúc.

PHẦN PHỤ LỤC

Phụ lục 1:

TÊN CÁC LÀNG, TỔNG NGƯỜI CHĂM THỜI KỲ PHONG KIẾN

Tên và địa điểm khu dân cư cũ của các làng, xóm (thuộc Phan Hiệp ngày nay) là:

1. Xóm Giàng, âm - Việt - hóa tên tiếng Chăm "Dố Dang" (ᩈᩣ᩠ᨦ ᩈᩣ᩠ᨦ ᩈᩣ᩠ᨦ) tiếng Hán - Việt là làng Thanh Hiếu: Tên tiếng Chăm "pa-lây Dố-Dang" có nghĩa là "làng phía dưới Giàng", do khu dân cư cũ nằm phía dưới chân đồi động cát Lạc Sơn, phía nam Sông Lũy, phía trên đỉnh đồi có đền thờ Pô Nít, do dân làng trực tiếp thờ phượng.

2. Xóm Gọ, , âm - Việt - hóa tên tiếng Chăm "Li-Khọ" (ᩈᩣ᩠ᨦ ᩈᩣ᩠ᨦ), là làng Trì Đức vì xóm có nghề làm ra những cái nổi gổm, tiếng Chăm gọi là "Li-Khọ". Khu dân cư cũ nằm phía bắc và đông bắc sát ruộng Sơn Cang làng Đa Phước (Hiệp Phước - Chợ Lầu) và sát phía tây là

khu ruộng làng tục danh Nai Hoa (Đồng Mới). Trong làng Trì Đức có một xóm mà khu dân cư cũ sát bìa động cát Ngọc Sơn, tiếng Chăm gọi xóm này là pa-lây "Ta-Khai Khùl", do chiến tranh, dịch bệnh điêu tàn, dân gốc của làng còn rất ít, đã nhập vào làng Trì Đức.

Hai làng trên đây thuộc tổng Thuận Giáo.

3. Xóm Xưng, tên tiếng Chăm là "Thòn Pa-Nal" (ᩈᩣ᩠ᨦ ᩈᩣ᩠ᨦ ᩈᩣ᩠ᨦ), là làng Hựu An, tức là khu vực dân cư xã Phan Hiệp ngày nay, có ruộng bao bọc xung quanh, mùa mưa nước khó thoát thường hay bị ứ đọng.

4. Xóm Ma Ó, tên tiếng Chăm là "Pa-Ó" (ᩈᩣ᩠ᨦ ᩈᩣ᩠ᨦ), là làng Tường Loan, khu dân cư xưa có nhiều cây xoài (tiếng Chăm là Pa-Ó), nằm phía tây thôn Hòa Thuận lương, sát cạnh đường tỉnh lộ lên Sông Mao.

5. Xóm Sỏi, tên tiếng Chăm là "Nhố" (ᩈᩣ᩠ᨦ ᩈᩣ᩠ᨦ), là làng Ninh Hà, khu dân cư làng nằm trên vùng đất sỏi phía bắc khu dân cư Hải Ninh ngày nay (khu cơ quan Lâm trường, Hạt Kiểm lâm cũ).

6. Xóm Ma - Á, tên tiếng Chăm là "Ha-Mu Á" (ᨧᩣ᩠ᨦ ᨧᩣ᩠ᨦ ᨧᩣ᩠ᨦ), là làng Chưởng Thiện, khu dân cư nằm cách khu dân cư thôn Bình Hòa (xã Phan Hòa) và xóm Me - Bình Thủy (Phan Rí Thành) hiện nay khoảng 1km về hướng bắc.

7. Xóm Nha Mon, tên Chăm là "Ha-Mu Li-Mon" (ᨧᩣ᩠ᨦ ᨧᩣ᩠ᨦ ᨧᩣ᩠ᨦ), là làng Đào Hiệp, khu dân cư nằm kề cầu đường sắt Nha Mon, cách ga Sông Mao về phía đông khoảng 2km. Từ sau năm 1945, bị dịch tả hoành hành và vì chiến tranh ác liệt, dân xóm Nha Mon chỉ còn 1 - 2 hộ, phải chạy về ở và nhập vào làng Kỳ La.

8. Xóm Ro, tên tiếng Chăm là "Ka-Chà-rò" (ᨧᩣ᩠ᨦ ᨧᩣ᩠ᨦ), là làng Kỳ La, khu dân cư cách khu dân cư làng Nha Mon khoảng 1km về hướng tây.

Sáu làng này thuộc tổng Ninh Hà.

Phụ lục 2:

**DANH SÁCH CÁN BỘ CHỦ CHỐT XÃ PHAN HIỆP
THỜI KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP VÀ CHỐNG MỸ**

1. Lâm Tôn: Bí thư Chi bộ, Chủ tịch UBKCHC xã Phan Hiệp từ năm 1950 đến tháng 7 năm 1954. (kính thư) 1946

2. Bồ Xuân Đồng: Phụ trách khu vực Hựu An - Thanh Hiếu từ cuối năm 1955 đến tháng 8 năm 1956 (bị địch bắt).

3. Phan Văn Nở: Bí thư Chi bộ, Đội trưởng Đội công tác Hựu An từ tháng 12/1968 đến tháng 5/1971.

4. Nguyễn Thập: Bí thư Chi bộ, Đội trưởng Đội công tác Hựu An từ tháng 5/1971 đến 21/8/1974 (hy sinh).

5. Ngô Tiến Nở: Đội trưởng Đội công tác Hựu An từ tháng 8/1974 đến tháng 12/1974 (giải thể Đội công tác).

Phụ lục 3:

DANH SÁCH LIỆT SĨ XÃ PHAN HIỆP

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Quê quán | Chức vụ khi hy sinh | Ngày tháng hy sinh | Ghi chú |
|-----|------------------------------|----------|-------------------------------|-----------------------------------|--------------------|----------------------|
| 01 | Cửu No | 1912 | Phan Hiệp-Bắc Bình | Kinh tài xã Thanh Đức | 12/1946 | |
| 02 | Lê Thiện Trình (Tự Nhânh) | | Phan Hiệp-Bắc Bình | Trung đội trưởng C.214 | 10/5/1954 | |
| 03 | Cửu Nội | 1946 | Phan Hiệp-Bắc Bình | Trung đội phó C.474 | 7/3/1961 | |
| 04 | Đặng Thành Khoa | 1934 | Phan Rí Thành-Bắc Bình | Du kích - Xã đội trưởng | 1967 | |
| 05 | Lư Văn Trung (Tự Đạn) | 1947 | Phan Hiệp-Bắc Bình | Tiểu đội phó D4.470 | 1972 | |
| 06 | Diên Hùng (Tự Lem) | 1948 | Phan Hiệp-Bắc Bình | A Trưởng D.480 | 15/2/1975 | |
| 07 | Long Thanh Bình | 1951 | Phan Hiệp-Bắc Bình | Đội viên du kích Bá Ghe | 1968 | |
| 08 | Tôn Út | | Phan Hiệp-Bắc Bình | A Phó huyện Phan Lý | 01/11/1971 | |
| 09 | Bố Xuân Hội | 1929 | Phan Hiệp-Bắc Bình | Tính đội trưởng Ninh Thuận | 1972 | |
| 10 | Huyềnh Khánh | 1953 | Chợ Lầu-Bắc Bình | Đội viên du kích | 01/1/1974 | |
| 11 | Nguyễn Tân | 1957 | Chợ Lầu-Bắc Bình | A. Phó F309 | 11/1978 | Biên giới Tây Nam |
| 12 | Nguyễn Văn Thanh | | Nghi Sơn-Nghĩa Hưng Nam Hà | Bộ đội địa phương tiểu đội phó | 20/12/1946 | |

Phụ lục 4: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG CÓ CÔNG XÃ PHAN HIỆP ĐƯỢC NHÀ NƯỚC CHXHCNVN TẶNG HUÂN, HUY CHƯƠNG KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP VÀ CHỐNG MỸ

| S TT | Họ và tên đối tượng | Năm sinh | | Cư ngụ | Khen thưởng chống Pháp | | Khen thưởng chống Mỹ | | Ghi chú |
|---------|------------------------|----------|------|---------------------|---------------------------|---------------|-------------------------|---------------|---------|
| | | Nam | Nữ | | Huân chương | Huy chương | Huân chương | Huy chương | |
| 01 | Đàng Thơ | 1934 | | Bình Hiếu-Phan Hiệp | | | | I | |
| 02 | Kim Thị Chiên | | 1956 | " | | | | I | |
| 03 | Đặng Kháng | 1959 | | " | | | | I | |
| 04 | Đặng Chiến | 1959 | | " | | | | I | |
| 05 | Tiền Thị Mương | | 1956 | " | | | | II | |
| 06 | Đàng Thị Phượng | | 1952 | " | | | | I | |
| 07 | Đặng Thị Sáng | | 1955 | " | | | | I | |
| 08 | Lư Thị Nương | | 1957 | Bình Đức-Phan Hiệp | | | | I | |
| 09 | Úc Thị Đậu | | 1918 | Bình Tiến-Phan Hiệp | | III | | | (chết) |
| 10 | Tiền Thị Dương | | 1925 | Bình Hiếu-Phan Hiệp | | | | | (chết) |
| 11 | Khê Thị Á | | 1915 | Bình Đức-Phan Hiệp | | II | | | (chết) |
| 12 | Huyền Thắng | 1919 | | " | | | III | | (chết) |
| 13 | Dụng Đá | 1915 | | Bình Tiến-Phan Hiệp | | | | | (chết) |
| 14 | Khê Tinh | | | Bình Đức-Phan Hiệp | | | | | (chết) |
| 15 | Tiền Thị Sửu | | | Bình Hiếu-Phan Hiệp | | | III | | (chết) |

| | | | | | | | |
|----|-----------------|------|----------------------|--|---|-----|--------|
| 16 | Đàng Chụp | 1905 | Bình Hiếu-Phan Hiệp | | | II | (chết) |
| 17 | Tiền Thị Chài | | " | | | III | (chết) |
| 18 | Đàng Hưng | 1925 | " | | | III | (chết) |
| 19 | Huỳnh Bè | 1942 | " | | | III | (chết) |
| 20 | Đặng Nài | 1911 | Bình Đức-Phan Hiệp | | | I | (chết) |
| 21 | Lượng Trá | | Bình Tiến-Phan Hiệp | | | I | (chết) |
| 22 | Cửu Mè | | Bình Đức-Phan Hiệp | | | | (chết) |
| 23 | Đổng Top | 1910 | Bình Tiến-Phan Hiệp | | | III | (chết) |
| 24 | Úc Trơ | | Bình Tiến-Phan Hiệp | | | III | (chết) |
| 25 | Bá Khe | | Bình Tiến-Phan Hiệp | | | III | (chết) |
| 26 | Đàng Xín | | Bình Hiếu-Phan Hiệp | | | III | (chết) |
| 27 | Đặng Khôi | | Bình Hiếu-Phan Hiệp | | | III | (chết) |
| 28 | Cửu Tiết Kiệm | 1925 | Bình Đức - Phan Hiệp | | I | I | |
| 29 | Đặng Thị Cang | 1937 | Bình Hiếu-Phan Hiệp | | | III | |
| 30 | Lâm Quang Cảnh | 1927 | Bình Tiến-Phan Hiệp | | | III | |
| 31 | Lư Thị Mỹ | 1930 | Bình Đức-Phan Hiệp | | | III | |
| 32 | Tiền Nho | 1945 | Bình Hiếu-Phan Hiệp | | | III | |
| 33 | Đặng Thị Giới | 1927 | " | | | III | |
| 34 | Kim Thị Đạo | 1926 | " | | | III | |
| 35 | Nguyễn Thị Nhớ | 1930 | " | | | III | |
| 36 | Huỳnh Thị Thanh | 1926 | " | | | III | |
| 37 | Đặng Cấu | 1934 | " | | | III | |

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lịch sử Đảng bộ Tỉnh Bình Thuận, Tập 1 (1930 - 1954) xuất bản năm 1994, Tập 2 (1954 - 1975) xuất bản năm 2000.
2. Bắc Bình - truyền thống đấu tranh cách mạng (1930 - 1975) tái bản năm 2000.
3. Tư liệu Hội thảo lịch sử truyền thống huyện Bắc Bình, năm 1983.
4. Phan Rí Thành - truyền thống đấu tranh cách mạng, tập 1 (1930 - 1954) xuất bản năm 1993 và tập 2 (1954 - 1975) xuất bản năm 1999.
5. Chợ Lầu - vùng đất kiên trung, xuất bản năm 1996.
6. Văn hóa Chăm, Nhà Xuất bản Khoa học Xã hội, xuất bản năm 1991.
7. Người Chăm ở Thuận Hải (Sở Văn hóa Thông tin Thuận Hải, xuất bản năm 1989).
8. Miền Đông Nam Bộ - Lịch sử và Phát triển (Tạp chí Xưa và Nay & Nhà Xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh).

MỤC LỤC

| | <i>Trang</i> |
|--|--------------|
| * Lời nói đầu | 5 |
| * Phần mở đầu: Thiên nhiên, kinh tế, văn hóa xã hội xã Phan Hiệp | 9 |
| * Phần thứ nhất: Nhân dân xã Phan Hiệp tham gia đấu tranh giành chính quyền và kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (8/1945 - 7/1954) | 42 |
| <i>Chương I: Đấu tranh chống áp bức bóc lột của thực dân, phong kiến (những năm trước 1945)</i> | 42 |
| <i>Chương II: Tham gia giành và củng cố chính quyền cách mạng (8/1945 - 12/1945)</i> | 55 |
| <i>Chương III: Tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược lần thứ hai (01/1946 - 7/1954)</i> | 67 |
| * Phần thứ hai: Nhân dân xã Phan Hiệp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước (8/1954 - 4/1975) | 115 |
| <i>Chương I: Đấu tranh chính trị, đòi địch thi hành hiệp định Giơ-ne-vơ (8/1954 - 12/1958)</i> | 115 |
| | 237 |

| | |
|--|-----|
| <i>Chương II: Xây dựng lại phong trào chính trị và lực lượng tại chỗ, vùng lên phá ấp chiến lược (01/1959 - 12/1965)</i> | 161 |
| <i>Chương III: củng cố thực lực cơ sở bên trong, góp phần đánh bại chiến lược chiến tranh cục bộ (01/1966 - 12/1968)</i> | 177 |
| <i>Chương IV: Thực hiện 3 mũi giáp công, góp phần đánh bại "chiến lược Việt Nam hóa"; vùng lên giải phóng quê hương (01/1969 - 4/1975)</i> | 187 |
| * Phần Kết luận | 219 |
| * Phụ lục | 229 |
| - Tên các làng, tổng người Chăm thời kỳ phong kiến | 229 |
| - Danh sách cán bộ chủ chốt xã Phan Hiệp thời kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ | 232 |
| - Danh sách liệt sĩ xã Phan Hiệp | 233 |
| - Danh sách đối tượng có công xã Phan Hiệp | 234 |
| * Tài liệu tham khảo | 236 |
| * Mục lục | 237 |

In 600 cuốn - Kích 13 x 19 cm tại Công ty In và Bao bì
Bình Thuận - Giấy phép xuất bản số 80/GPXB do Sở
VHTT Bình Thuận cấp ngày 21-8-2003



Hội thảo lịch sử xã giai đoạn 1945 - 1954.



Quang cảnh cuộc Hội thảo lịch sử truyền thống xã giai đoạn 1960 - 1975.



Hội thảo hoàn chỉnh bản thảo lịch sử truyền thống xã Phan Hiệp từ 1945 - 1975.



Đại biểu về dự Hội thảo lịch sử xã Phan Hiệp giai đoạn 1960 - 1975.



Trụ sở làm việc xã Phan Hiệp (từ năm 2000)